

CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA
MIZA CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 081001/2026/CBTT-MZ

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2026
Hanoi, October 08, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Vietnam Exchange;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA/MIZA CORPORATION

Mã chứng khoán/Stock code: MZG

Địa chỉ/Address: Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội, Việt Nam/Nguyen Khe Small and Medium-sized Industrial Cluster, Phuc Thinh Commune, Hanoi, Vietnam

Điện thoại/Tel.: 0243.965.6121/0243.965.6131

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

2.1. Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng

The prospectus on public offering of share

2.2. Các phụ lục đính kèm Bản cáo bạch:

The appendices attached to the Prosepectus

1. Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 21/08/2026.

Appendix 1: Enterprise Registration Certificate No. 0105028958, issued by the Hanoi Department of Finance, with the 20th amendment dated August 21, 2026.

Phụ lục 2: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/04/2026 (kèm theo Tờ trình số 060407/2026/TTr-HĐQT-MZ về Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu);

Appendix 2: Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ dated April 28, 2026, together with Proposal No. 060407/2026/TTr-HĐQT-MZ regarding the Plan for Offering Shares to Existing Shareholders.

Phụ lục 3: Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 060801/2026/NQ-HĐQT-MZ ngày 06/08/2026 thông qua một số nội dung liên quan đến Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2026;

Appendix 3: Resolution of the Board of Directors No. 060801/2026/NQ-HĐQT-MZ dated August 6, 2026, approving certain matters related to the Plan for the Public Offering of Shares to Existing Shareholders and the Plan for Utilization of Proceeds from the 2026 Offering.

Phụ lục 4: Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 060802/2026/NQ-HĐQT-MZ ngày 06/08/2026 thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;



Appendix 4: Resolution of the Board of Directors No. 060802/2026/NQ-HĐQT-MZ dated August 6, 2026, approving the registration dossier for the public offering of shares to existing shareholders.

Phụ lục 5: Điều lệ Công ty Cổ phần Miza.

Appendix 5: Charter of Miza Corporation.

Phụ lục 6: BCTC riêng và hợp nhất năm tài chính 2024 và 2025 kiểm toán.

Appendix 6: Audited separate and consolidated financial statements for the fiscal years 2024 and 2025.

Phụ lục 7: BCTC riêng và hợp nhất soát xét bán niên năm 2026.

Appendix 7: Reviewed Separate and Consolidated Interim Financial Statements for the First Six Months of 2026.

Phụ lục 8: Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán.

Appendix 8: Audited Report on the Use of Proceeds from the Most Recent Share Offering.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 02/10/2026 tại mục Quan hệ cổ đông theo đường dẫn: <https://miza.vn/vi/quan-he-co-dong>

This information is published on the Company's website on October 02, 2026 under the Shareholder Relations section at: <https://miza.vn/vi/quan-he-co-dong>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information disclosed above is true and correct and take full legal responsibility for its contents.

Tài liệu đính kèm/Attached document:

- Bản cáo bạch/ *The Prospectus*;
- Các phụ lục đính kèm Bản cáo bạch/
*The appendices attached to the
Prosepectus.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
KẾ TOÁN TRƯỞNG/ CHIEF ACCOUNTANT



Nguyễn Thị Thoa

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẠM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 21/08/2026)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 468/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2026)

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

Địa chỉ: Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khế, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3965 6121 Fax: +84 24 3965 6128

Website: www.miza.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)

Địa chỉ: Tầng 2,3,5,6,7,11 và 12, tòa nhà AB, 76A Lê Lai, p. Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 3299

Fax: (028) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Bà: Nguyễn Thị Thoa

Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại: +84 9828 30 984

Hà Nội, tháng 09 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 21/08/2026).



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Miza
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	30.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

TỔ CHỨC TƯ VẤN



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH
PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)**

Địa chỉ: Tầng 2,3,5,6,7,11 và 12, tòa nhà AB, 76A Lê
Lai, phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 3299 Fax: (028) 3823 3301

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 20, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải
Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt
Nam.

Điện thoại: +84 2838245252 Fax: +84 2838245250

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..	5
1. Tổ chức phát hành.....	5
2. Tổ chức tư vấn.....	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp	11
3. Rủi ro đặc thù.....	11
4. Rủi ro về đợt chào bán	13
5. Rủi ro pha loãng.....	14
6. Rủi ro quản trị công ty.....	15
7. Rủi ro khác	16
III. CÁC KHÁI NIỆM	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	18
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	21
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Miza.....	22
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Miza.....	23
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối tại ngày 30/06/2026.....	32
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty	32
7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm 2024, 2025 và giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026	44
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	44
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	44
10. Hoạt động kinh doanh	44
11. Chính sách đối với người lao động	92
12. Chính sách cổ tức	94
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	95
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	96
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	96
16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	97
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	97
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	97
2. Tình hình tài chính	102

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty	114
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	115
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	118
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	118
2. Thông tin về cổ đông lớn	118
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	120
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	137
1. Loại cổ phiếu.....	137
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	137
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	137
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	137
5. Giá chào bán dự kiến.....	137
6. Phương pháp tính giá	137
7. Phương thức phân phối	137
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	138
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	138
10. Phương thức thực hiện quyền.....	139
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	139
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	139
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành ..	139
14. Hủy bỏ đợt chào bán	139
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	139
16. Các loại thuế có liên quan	140
17. Thông tin về các cam kết.....	141
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	141
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	142
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	142
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	145
1. Tổ chức tư vấn.....	145
2. Tổ chức kiểm toán.....	145
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	145
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	146
XIII. PHỤ LỤC.....	148

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành
CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

Ông Nguyễn Tuấn Minh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Hiệp

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thoa

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đại diện được ủy quyền: Ông Phạm Ngọc Bích

Chức vụ: Giám đốc Điều hành

(Theo Văn bản Ủy quyền số 12-2022/VBUQ-HSC ngày 25 tháng 04 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 31-2026/HDDV-HSC-TCND ngày 21 tháng 07 năm 2026 với Công ty Cổ phần Miza. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Miza cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Miza được thành lập với mục tiêu trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất giấy và bao bì Việt Nam. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đòi hỏi doanh nghiệp phải nhanh chóng thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là (i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; (ii) tỷ lệ lạm phát; (iii) lãi suất; (iv) tỷ giá. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong dài hạn.

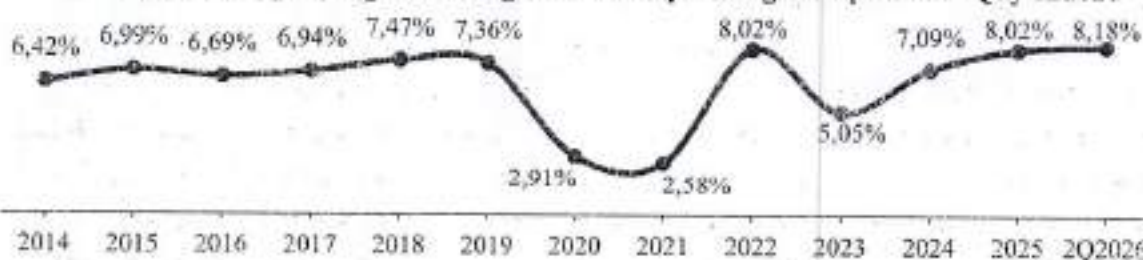
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng xã hội, làm gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tham gia và đàm phán những Hiệp định đa phương và song phương với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, điển hình là hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa 10 nước ASEAN và 06 nước đối tác (RCEP), các Hiệp định thương mại tự do (FTA), v.v. Những Hiệp định này sẽ là cơ hội để Việt Nam hội nhập và nền kinh tế ngày càng tăng trưởng.

Tuy nhiên, tác động của dịch COVID-19 trên toàn thế giới kéo dài trong hai năm 2020, 2021 đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu, tạo ra thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia. Nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng quốc nội (GDP) của Việt Nam từ đó cũng đã chịu ảnh hưởng đáng kể. Cụ thể, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2020 tăng 2,91% và năm 2021 chỉ tăng 2,58%.

Hình 1: Tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2014 – Quý II/2026



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Việt Nam đã quyết liệt thực hiện lộ trình “**thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả**” dịch bệnh COVID-19, đẩy nhanh tốc độ tiêm vaccine phòng COVID-19 và là một trong những nước có tỷ lệ bao phủ vaccine cao trên thế giới. Do vậy, kinh tế Việt Nam đã phục hồi nhanh chóng trong năm 2022. Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam sẽ cao hơn hẳn so với các quốc gia khác trong khu vực.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp, nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực trong năm 2024. Theo công bố chính thức của Tổng cục Thống kê Việt Nam, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước. Hoạt động kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, với tiêu dùng nội địa phục hồi, xuất khẩu hàng hóa tăng trưởng tích cực và ngành du lịch tiếp tục cải thiện. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục đóng vai trò nền tảng trong việc đảm bảo an ninh lương thực và ổn định kinh tế.

Đối với năm 2025, theo Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội quý IV và cả năm 2025 do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố vào đầu tháng 01 năm 2026, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2025 ước tăng 8,02% so với năm trước. Mức tăng trưởng này phản ánh xu hướng phục hồi và mở rộng của hoạt động sản xuất – kinh doanh, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các số liệu ước tính vẫn tiềm ẩn khả năng điều chỉnh và chưa phải là số liệu quyết toán cuối cùng.

Đối với năm 2026, theo Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội Quý II năm 2026 do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố vào đầu tháng 7 năm 2026, tổng sản phẩm trong nước (GDP) sáu tháng đầu năm tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ tiếp tục đóng vai trò là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, trong khi khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì mức tăng trưởng ổn định. Các số liệu nêu trên là số liệu ước tính ban đầu và có thể được rà soát, điều chỉnh trong các kỳ công bố tiếp theo theo quy định về thống kê.

Mặc dù triển vọng tăng trưởng trong ngắn hạn của nền kinh tế Việt Nam được ghi nhận ở mức tích cực tại thời điểm lập bản cáo bạch, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều yếu tố rủi ro từ môi trường bên ngoài. Căng thẳng địa chính trị gia tăng tại một số khu vực trên thế giới, đặc biệt là tại Trung Đông, cùng với xu hướng bảo hộ thương mại và những điều chỉnh trong chính sách thương mại và thuế quan của các nền kinh tế lớn, trong đó có Hoa Kỳ, đã và đang tạo ra những bất định đáng kể đối với thương mại toàn cầu. Bên cạnh đó, biến động chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn, rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng quốc tế và biến động giá năng lượng có thể tiếp tục gây áp lực lên hoạt động xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng.

Ngoài ra, sự suy giảm hoặc biến động nhu cầu tại một số thị trường xuất khẩu chủ lực có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng của khu vực sản xuất trong nước, đặc biệt đối với các ngành có mức độ phụ thuộc cao vào thị trường bên ngoài.

Trong nước, mặc dù chính sách điều hành kinh tế vĩ mô tiếp tục được thực hiện theo hướng linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát lạm phát, doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm chi phí đầu vào có xu hướng gia tăng, áp lực cạnh tranh ngày càng cao, khả năng tiếp cận nguồn vốn còn hạn chế trong một số lĩnh vực, cũng như nhu cầu thị trường chưa hoàn toàn ổn định. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng bất lợi đến hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, dòng tiền và khả năng thực hiện các kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.

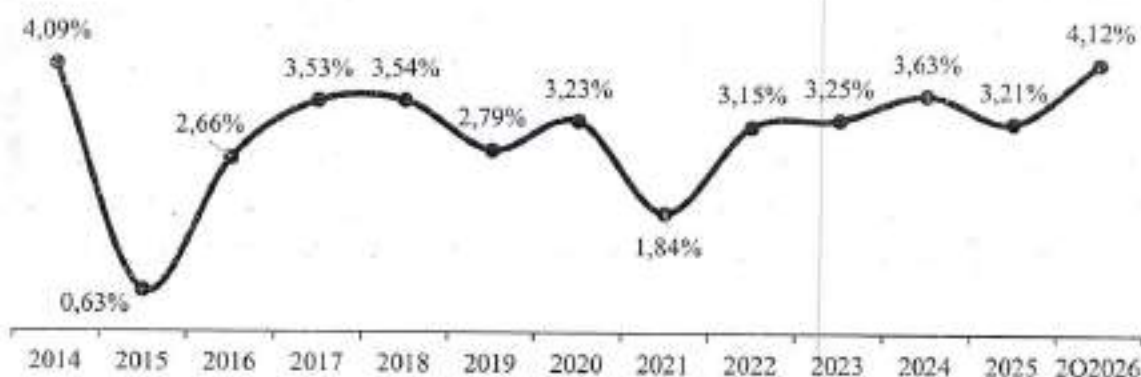
Nhà đầu tư cần xem xét một cách thận trọng và toàn diện các yếu tố rủi ro nêu trên khi đánh giá triển vọng hoạt động của tổ chức phát hành và đưa ra quyết định đầu tư.

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến tất cả chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Rủi ro lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí sản xuất - kinh doanh tăng cao, trong khi giá bán hàng hóa lại chịu áp lực từ nhu cầu thị trường.

Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị hiện tại của dòng tiền. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chỉ tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2014 – Quý II/2026



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, vào năm 2024, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự Nga – Ukraine và tại dải Gaza kéo dài, bất ổn địa chính trị leo thang trên Biển Đỏ. Kinh tế thế giới tiếp tục trải qua giai đoạn khó khăn, tăng trưởng chậm, triển vọng phát triển trong ngắn hạn và trung hạn còn nhiều thách thức. Mặt bằng lãi suất ngân hàng tại nhiều quốc gia vẫn ở mức khá cao. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tác động nặng nề, đặc biệt tình trạng nắng nóng, hạn hán vì hiện tượng El Nino dẫn đến nguy cơ mất an ninh lương thực tiềm ẩn tại một số quốc gia và khu vực. Lạm phát toàn cầu đang có biểu hiện chững lại sau một thời gian giảm nhanh. Tuy nhiên do tình hình kinh tế thế giới khó đoán định, xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn vẫn chưa rõ ràng. Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát. Nhờ đó, giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường không có biến động bất thường và lạm phát được duy trì trong tầm kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với cùng kỳ năm 2023 vẫn nằm trong tầm kiểm soát. Ngoài ra, Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) đã giảm lãi suất 0,5 điểm phần trăm xuống còn 4,75% đến 5%/năm, chính sách nới lỏng tiền tệ này có thể vô hình chung ảnh hưởng đến tình hình kinh tế ở các nước khu vực trong đó có Việt Nam.

Trong năm 2025, CPI tăng 3,31% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2025 tăng 3,21% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,31%) chủ yếu sau khi loại trừ các nhóm hàng như: lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý – trong đó có dịch vụ y tế là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Đến hết nửa đầu năm 2026, CPI của Việt Nam cho thấy xu hướng tăng rõ rệt, phản ánh áp lực lạm phát ngày càng gia tăng lên nền kinh tế. Cụ thể, bình quân 6 tháng đầu năm, CPI đã tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước, tiến rất sát đến mục tiêu 4,5% được Quốc hội đề ra cho cả năm. Mặt bằng giá trong nước vẫn được kiểm soát tốt và lạm phát cơ bản vẫn được duy trì ở mức thấp hơn (4,12% trong 06 tháng đầu năm 2026) cho thấy các yếu tố tiền tệ cơ bản được giữ ổn định, nhưng đà tăng nhanh của CPI cũng đang đặt ra thách thức không nhỏ trong công tác điều hành giá cả và kinh tế vĩ mô cho nửa cuối năm.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm gần đây, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không tái diễn các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai. Nếu điều đó xảy ra, chi phí hoạt động của Công ty bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến sẽ tăng không đáng kể. Trong trường hợp Công ty không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá bán sản phẩm, lợi nhuận và tình hình tài chính sẽ chịu ảnh hưởng tiêu cực. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát và lãi suất cho vay ở mức cao cũng có thể làm suy giảm niềm tin người tiêu dùng, gây bất lợi cho môi trường kinh doanh nói chung và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng.

Bên cạnh đó, không thể đảm bảo được rằng Nhà nước Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách chống lạm phát như cấm hoặc hạn chế tăng giá cả của một số mặt hàng thiết yếu do Nhà nước quản lý.

1.3. Rủi ro lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một yếu tố vĩ mô quan trọng, có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế, mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Phần lớn doanh nghiệp hiện nay đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng, điều này kéo theo chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, từ đó làm giảm lợi nhuận và khả năng cạnh tranh, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm chi phí và thu hẹp quy mô hoạt động. Ngược lại, khi cắt giảm lãi suất, đây sẽ là động lực giúp doanh nghiệp giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh. Hơn thế, mặt bằng lãi suất thấp là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

Trong năm 2024, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ nền kinh tế.

Năm 2025, NHNN duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp để định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; đồng thời, NHNN thường xuyên chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các giải pháp khác để phần đầu hạ lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục có xu hướng giảm. Tính đến cuối năm 2025, lãi suất cho vay bình quân đối với các khoản phát sinh mới ghi nhận quanh mức 6,96%/năm (tương đương với thời điểm cuối năm 2024) trong khi lãi suất tiền gửi chấm dứt chuỗi duy trì ổn định và chịu áp lực tăng do tín dụng tăng trưởng nhanh hơn đáng kể so với huy động vốn. Tính đến tháng 12/2025, lãi suất liên ngân hàng tăng vọt ở hầu hết các kỳ hạn (kỳ hạn từ 1 tuần đến 6 tháng nhảy vọt lên mức 7,31% – 8,61%/năm), phản ánh tình trạng căng thẳng thanh khoản ngắn hạn cục bộ dịp cận Tết, buộc Ngân hàng Nhà nước phải nhanh chóng triển khai hàng loạt biện pháp hỗ trợ thanh khoản.

Bước sang 6 tháng đầu năm 2026, trước sức ép lạm phát, chính sách tiền tệ buộc phải chuyển dịch sang trạng thái linh hoạt và thận trọng hơn. Dù NHNN nỗ lực điều tiết qua thị trường mở, mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường đã tăng cao hơn đáng kể so với giai đoạn năm 2024 - 2025. Sự thay đổi này tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp, đặc biệt là trong các ngành sản xuất có nhu cầu vốn lưu động và vốn đầu tư lớn như ngành giấy. Môi trường lãi suất tăng cao làm gia tăng áp lực chi phí tài chính và buộc các doanh nghiệp phải thắt chặt quản trị về mặt tài chính để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.4. Rủi ro về tỷ giá

Trong năm 2023, FED và các Ngân hàng Trung ương trên thế giới cho thấy một số tín hiệu về việc ngừng tăng lãi suất. NHNN đã mua được lượng lớn ngoại tệ với hơn 6 tỷ USD để bổ sung dự trữ ngoại hối. Việc gia tăng dự trữ ngoại hối giúp cho NHNN có nhiều dư địa trong điều hành chính sách linh hoạt và ổn định tỷ giá, nâng cao giá trị tiền đồng, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường biến động mạnh.

Bên cạnh đó, NHNN cũng tiếp tục phát hành tín phiếu nhằm điều tiết lượng tiền VND dư thừa, góp phần giảm bớt mức chênh lệch lãi suất âm giữa VND và USD, từ đó hạn chế áp lực gia tăng lên tỷ giá. Từ ngày 19/04/2024, NHNN bắt đầu bán ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng để hỗ trợ thanh khoản cho thị trường nhằm phục vụ các nhu cầu ngoại tệ, bình ổn tâm lý thị trường.

Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng chủ yếu do: (i) Thị trường kỳ vọng FED trì hoãn hạ lãi suất điều hành, đồng USD thế giới tăng và duy trì ở mức cao; (ii) Chênh lệch lãi suất giữa VND và USD trên thị trường liên ngân hàng tiếp tục duy trì âm (lãi suất VND thấp hơn USD); (iii) Nhu cầu ngoại tệ đầu năm tương đối lớn phục vụ nhập khẩu nguyên vật liệu.

Trong năm 2025, mặc dù FED bắt đầu chu kỳ điều chỉnh giảm lãi suất điều hành từ nửa cuối năm, tỷ giá USD/VND vẫn có xu hướng tăng trong phần lớn thời gian của năm do chênh lệch lãi suất giữa USD và VND ở mức thấp, cùng với biến động của đồng USD trên thị trường quốc tế và nhu cầu ngoại tệ trong nước. Áp lực mất giá của đồng Việt Nam thể hiện rõ hơn trong giai đoạn giữa năm và quý III/2025 khi tỷ giá USD/VND tăng lên mức cao trong nhiều năm. Tuy nhiên, đến những tháng cuối năm 2025, tỷ giá đã có dấu hiệu hạ nhiệt nhẹ nhờ kỳ vọng chính sách tiền tệ toàn cầu dần chuyển sang xu hướng nới lỏng, đồng thời nguồn cung ngoại tệ trong nước được cải thiện.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tỷ giá USD/VND tiếp tục chịu tác động từ diễn biến chính sách tiền tệ của FED. Mặc dù FED tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ, đồng USD vẫn duy trì ở mức tương đối cao trong một số thời điểm do những bất định liên quan đến triển vọng tăng trưởng kinh tế và lạm phát toàn cầu. Trong nước, NHNN điều hành tỷ giá theo hướng linh hoạt, phối hợp sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ và can thiệp thị trường ngoại hối khi cần thiết nhằm ổn định thị trường, góp phần hạn chế các biến động mạnh của tỷ giá và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Hiện nay, phần lớn các giao dịch trong hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam, do đó mức độ ảnh hưởng trực tiếp của biến động tỷ giá đến hoạt động kinh doanh nhìn chung không lớn. Tuy nhiên, nếu tỷ giá biến động mạnh trong thời gian dài, Công ty vẫn có thể chịu ảnh hưởng gián tiếp từ diễn biến chung của nền kinh tế và thị trường.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời hoặc không phù hợp các quy định pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một Công ty cổ phần đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE) nên Công ty Cổ phần Miza (CTCP Miza) chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty.

Hiện nay, hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang tiếp tục hoàn thiện. Nhiều văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành và nhiều văn bản pháp luật được sửa đổi. Các văn bản hướng dẫn thi hành một số Luật vẫn chưa hoàn chỉnh và đồng bộ dẫn tới nguy cơ phát sinh bất cập, ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, chủ yếu là sản xuất giấy bao bì tái chế và các sản phẩm liên quan, do đó chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật liên quan đến đầu tư, xây dựng, lao động, môi trường, phòng cháy chữa cháy, chất lượng sản phẩm công nghiệp, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn chuyên ngành.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chủ động theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn pháp lý đối với những vấn đề nằm ngoài khả năng nội bộ của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro liên quan đến tuân thủ pháp luật về môi trường và các yêu cầu phát triển bền vững

Công ty Cổ phần Miza hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy tái chế và bao bì, là ngành nghề chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quy định liên quan đến quản lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) và các tiêu chuẩn, yêu cầu về phát triển bền vững, môi trường - xã hội - quản trị (ESG).

Trong quá trình hoạt động, trường hợp các quy định pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững có sự thay đổi hoặc được áp dụng theo hướng chặt chẽ hơn, Công ty có thể phải phát sinh thêm chi phí đầu tư, chi phí vận hành, chi phí tuân thủ hoặc thực hiện các biện pháp kỹ thuật bổ sung nhằm đáp ứng các yêu cầu mới. Trong

một số trường hợp, việc không kịp thời đáp ứng đầy đủ các quy định này có thể dẫn đến nguy cơ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

Nhận thức rõ các rủi ro này, Công ty đã và đang đầu tư hệ thống xử lý môi trường phù hợp với quy mô hoạt động, thực hiện công tác quan trắc môi trường định kỳ theo quy định, đồng thời từng bước triển khai các hoạt động sản xuất theo định hướng kinh tế tuần hoàn, sử dụng nguyên liệu giấy tái chế nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Cụ thể, tại Miza Đồng Anh, Công ty vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày đêm, ứng dụng công nghệ sinh học kết hợp hóa lý; đồng thời duy trì bảo dưỡng, nâng cấp định kỳ hệ thống lọc bụi và xử lý khí thải, đảm bảo đáp ứng quy chuẩn QCVN. Tại Miza Nghi Sơn - dự án chiến lược quy mô lớn - Công ty đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 4.000 m³/ngày đêm, áp dụng công nghệ tiên tiến của ngành giấy. Việc chú trọng bảo vệ môi trường và chuyển đổi sang năng lượng sạch (Biomass) đã giúp dự án đáp ứng các tiêu chuẩn thẩm định nghiêm ngặt, được phê duyệt gói Tín dụng xanh trị giá 100 tỷ đồng và phát hành thành công Trái phiếu xanh trị giá 150 tỷ đồng. Đây là nền tảng để Công ty tiếp tục nâng cấp hạ tầng và củng cố vị thế doanh nghiệp sản xuất xanh tại khu vực miền Trung.

Công ty cũng chú trọng xây dựng và triển khai các chính sách liên quan đến phát triển bền vững (ESG), qua đó góp phần kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro liên quan đến môi trường trong quá trình hoạt động. Lộ trình và báo cáo Phát triển bền vững của Công ty được tư vấn bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Về môi trường, Miza sử dụng giấy phế liệu (OCC) làm nguyên liệu đầu vào chủ đạo, góp phần giảm rác thải và bảo vệ tài nguyên rừng, tái chế hàng trăm nghìn tấn giấy mỗi năm theo mô hình “rác thải là tài nguyên”. Dự án Miza Nghi Sơn được phê duyệt gói tín dụng xanh 100 tỷ đồng, khẳng định việc đáp ứng tiêu chuẩn môi trường quốc tế, đồng thời giúp tối ưu chi phí vốn và cấu trúc tài chính cho các giai đoạn mở rộng.

Về xã hội, Công ty tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn lao động (ISO 45001), đảm bảo phúc lợi người lao động và tích cực đóng góp cho an sinh xã hội. Miza thường xuyên được ghi nhận là mô hình tiêu biểu trong kết hợp sản xuất và bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty triển khai nhiều hoạt động cộng đồng như hỗ trợ nhà ở, giáo dục và các đối tượng chính sách tại địa phương; duy trì việc làm và hỗ trợ người lao động trong các giai đoạn khó khăn như dịch Covid-19.

Về quản trị, là một Công ty niêm yết trên HOSE, Miza đã kiện toàn hệ thống quản trị theo hướng minh bạch, tích hợp tiêu chuẩn ESG và tăng cường kiểm soát rủi ro. Việc minh bạch thông tin giúp Công ty nâng cao niềm tin nhà đầu tư, mở rộng tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi như tín dụng xanh và các quỹ ESG, qua đó củng cố lợi thế chi phí vốn và uy tín trên thị trường tài chính.

Những chính sách phát triển bền vững nêu trên giúp Công ty giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

3.2. Rủi ro tài chính và rủi ro liên quan đến dòng tiền

Hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào nhiều yếu tố tài chính, bao gồm biến động giá nguyên liệu đầu vào, nhu cầu vốn lưu động, khả năng thu hồi công nợ, cũng

như diễn biến của lãi suất và thị trường tài chính. Trong một số giai đoạn nhất định, các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và dòng tiền của Công ty.

Bên cạnh đó, việc mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư tái sản cố định và đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất - kinh doanh có thể làm gia tăng nhu cầu huy động vốn, từ đó tạo áp lực nhất định lên dòng tiền trong ngắn hạn hoặc trung hạn nếu các điều kiện thị trường không thuận lợi.

Để hạn chế các rủi ro nêu trên, Công ty thực hiện công tác lập kế hoạch tài chính và kế hoạch dòng tiền theo từng giai đoạn, kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu, quản lý hiệu quả hàng tồn kho và chi phí sản xuất. Đồng thời, Công ty chủ động đa dạng hóa các nguồn vốn huy động và cân đối hợp lý giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay nhằm đảm bảo khả năng thanh toán và duy trì hoạt động ổn định.

3.3. Rủi ro liên quan đến thuế quan và các biện pháp thương mại của các quốc gia mà Công ty có hoạt động xuất khẩu

Công ty có hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm sang một số thị trường nước ngoài. Do đó, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng từ sự thay đổi chính sách thuế quan, các biện pháp phòng vệ thương mại, các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường hoặc các biện pháp thương mại khác do các quốc gia liên quan áp dụng.

Những thay đổi nêu trên có thể làm phát sinh chi phí, ảnh hưởng đến giá bán, khả năng cạnh tranh của sản phẩm hoặc tiến độ thực hiện các hợp đồng xuất khẩu của Công ty trong một số thời điểm nhất định.

Để hạn chế rủi ro, Công ty thường xuyên theo dõi các chính sách thương mại quốc tế có liên quan, từng bước đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, lựa chọn nguyên liệu và quy trình sản xuất phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời chủ động phối hợp với các đối tác và đơn vị tư vấn khi cần thiết nhằm giảm thiểu tác động bất lợi từ các thay đổi về chính sách thương mại.

3.4. Đánh giá chung về mức độ rủi ro

Ban Lãnh đạo Công ty nhận định rằng các rủi ro nêu trên là những rủi ro phổ biến đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy tái chế và bao bì. Trên cơ sở các biện pháp quản trị, kiểm soát đã và đang được triển khai, Công ty đánh giá các rủi ro này ở mức độ có thể kiểm soát và không ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong điều kiện bình thường.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, cùng với các yếu tố vĩ mô, tâm lý nhà đầu tư và mức độ hấp dẫn cổ phần Công ty. Bên cạnh đó, đợt chào bán của Công ty cũng không có đơn vị bảo lãnh phát hành, do đó có thể xảy ra rủi ro một số cổ đông không thực hiện quyền mua, dẫn đến Công ty không huy động đủ vốn như dự kiến để triển khai theo phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua. Tuy nhiên, rủi ro này được đánh giá là khá thấp do đối tượng được phân bổ quyền mua là cổ đông hiện hữu của Công ty, là những người hiểu rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh, cũng như năng lực Ban lãnh đạo Công ty. Đồng thời, cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán.

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ, như vậy Hội đồng quản trị (HĐQT) sẽ tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính để mua số cổ phần không phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Đồng thời, HĐQT cũng chủ động tìm kiếm thêm nguồn tài trợ khác để bảo đảm huy động vốn đủ phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty hoặc xem xét điều chỉnh cơ cấu vốn (bao gồm: sử dụng nguồn vốn tự có và vốn huy động hợp pháp khác) để thực hiện kế hoạch giảm nợ vay. Tuy nhiên, phương án này có khả năng làm tăng chi phí tài chính và ảnh hưởng lợi nhuận kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một doanh nghiệp. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra ảnh hưởng như sau:

- Tỷ lệ phần trăm sở hữu hay quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu có thể giảm xuống nếu các cổ đông hiện hữu không tham gia mua cổ phần phát hành thêm trong khi vốn điều lệ Công ty sẽ tăng lên sau đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng với sự tham gia của các cổ đông khác.
- Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm 2025. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại.
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) có thể bị giảm (bị pha loãng) nếu tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng mà vốn chủ sở hữu không tăng tương ứng. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

5.1. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành thêm

Giá cổ phần MZG sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu trong trường hợp giá giao dịch tại ngày thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán. Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R}$$

– Trong đó:

P : là giá thị trường của cổ phần sau khi bị pha loãng.

P_{t-1} : là giá thị trường của cổ phần trước khi bị pha loãng.

I_R : tỷ lệ vốn tăng.

P_R : là giá cổ phần sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới.

– Tham khảo:

P_{t-1} : Giá sơ, giá cổ phiếu MZG trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 15.000 đồng/cổ phiếu.

P_R : Giá cổ phần sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới là 10.000 đồng/cổ phiếu.

I_R : tỷ lệ vốn tăng khi chào bán và phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10% (tỷ lệ 10:01).

P : Giá tham chiếu cổ phiếu MZG trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{L-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R} = \frac{15.000 + (10\% \times 10.000)}{1 + 10\%} = 14.545 \text{ đồng/cổ phần}$$

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Thu nhập (lãi) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	=	$\frac{\text{Lợi nhuận phân bổ cho cổ đôngsở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đanglưu hành trong kỳ}}$	Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có)
--	---	--	--

Theo Báo cáo tài chính tự lập quý II năm 2026 của Công ty, EPS lũy kế từ đầu năm đến 30/06/2026 là 716 đồng/cổ phiếu. Sau khi hoàn thành đợt chào bán, EPS sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa thể tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ được hạn chế nếu Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)

$$\text{Giá trị sổ sách (BVPS)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm 30/06/2026, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập Quý II năm 2026 là 13.347 đồng/cổ phiếu.

BVPS có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại, trong khi vốn chủ sở hữu không tăng tương ứng.

Cụ thể, tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì BVPS sẽ giảm.

5.4. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của Cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà Cổ đông từ chối không thực hiện quyền mua, hoặc chuyển nhượng quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Cổ đông có).

6. Rủi ro quản trị công ty

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu, giảm thiểu tối đa rủi ro phát sinh.

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Nguyên nhân có thể đến từ yếu tố chủ quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) hoặc khách quan (biến động thị trường, thay đổi văn bản luật), tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất lao động, hiệu quả vận hành ... Do vậy, mọi doanh nghiệp cần có khả năng nhận biết, đánh giá và kiểm soát khắc phục các rủi ro quản trị, nhằm đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Đối với Công ty Cổ phần Miza, để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro này, Công ty luôn chuẩn bị các kế hoạch rà soát chính sách, quy trình nội bộ, v.v. nhằm đảm bảo rằng mọi quyết định, hoạt động của các cấp quản lý luôn chính xác, đạt được mục tiêu chung của Công ty. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty còn hợp tác với đơn vị tư vấn có uy tín để có được sự hỗ trợ tốt nhất trong việc cập nhật đầy đủ sự thay đổi của các văn bản luật, giúp Ban lãnh đạo đưa ra quyết định chính xác, đảm bảo lợi ích của Công ty.

Ngày 25/06/2025, HOSE đã thông báo về niêm yết và ngày giao dịch đầu tiên của CTCP Miza. Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên sàn HOSE vào ngày 02/07/2026. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đối với tổ chức niêm yết. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được Ban Kiểm soát giám sát chặt chẽ giúp các hoạt động điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được ĐHĐCD thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, thiên tai, dịch họa, ... sẽ dẫn đến tổn thất hoặc thiệt hại đáng kể cho các nhà máy và có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất. Điều này sẽ dẫn đến sự chậm trễ trong việc cung cấp sản phẩm cho các khách hàng. Sự chậm trễ này sẽ ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty, gây ra tổn thất về mặt kinh doanh và ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả tài chính.

Công ty luôn tham gia mua và tái tục các hợp đồng bảo hiểm tài sản, gián đoạn kinh doanh, cháy nổ và vận chuyển hàng hoá. Tuy nhiên, Công ty không thể đảm bảo rằng các hợp đồng bảo hiểm này là đủ để bù đắp cho các chi phí thay thế máy móc và sửa chữa các cơ sở sản xuất của Công ty trong trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng.

III. CÁC KHÁI NIỆM

▪ BB	Biên bản
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ CBCNV	Cán bộ công nhân viên
▪ Chính phủ	Chính phủ nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
▪ GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
▪ Công ty/ Miza/ MZG/ Tổ chức phát hành/ CTCP Miza	Công ty Cổ phần Miza
▪ CTCP	Công ty cổ phần
▪ DTT	Doanh thu thuần
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ Điều lệ	Điều lệ của Công ty Cổ phần Miza
▪ ĐVT	Đơn vị tính
▪ HDKD	Hoạt động kinh doanh
▪ HDQT	Hội đồng quản trị
▪ HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ KH&ĐT	Kế hoạch & Đầu tư
▪ SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
▪ SXKD	Sản xuất kinh doanh
▪ TGD	Tổng Giám đốc
▪ Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ Tổ chức tư vấn/ HSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
▪ UPCoM	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
▪ VCSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VDL	Vốn điều lệ
▪ VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

Tên tiếng Anh : MIZA CORPORATION

Tên viết tắt : MIZA CORP

Biểu tượng của Công ty :



Giấy chứng nhận ĐKDN : Số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 21/08/2026.

Trụ sở chính : Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê, Xã Phúc Thịnh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : +84 24 3965 6121

Fax : +84 24 3965 6128

Website : www.miza.vn

Vốn điều lệ : 1.281.570.630.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm tám mươi một tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng)

Vốn điều lệ thực góp : 1.281.570.630.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm tám mươi một tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính : Sản xuất bột giấy, giấy và bìa

Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Tuấn Minh (Chủ tịch Hội đồng quản trị)

Mã cổ phiếu : MZG

Sàn niêm yết : HOSE

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất bột giấy, giấy và bìa, với các ngành nghề đăng ký kinh doanh bao gồm:

Bảng số 1: Ngành nghề đăng ký kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Tổ chức kinh tế thực hiện dự án chỉ thực hiện hoạt động sản xuất sau khi có địa điểm sản xuất được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất; đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy; các quy định pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động).	3109
2	Bán lẻ tổng hợp khác Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (gắn với cơ sở bán buôn), quyền phân phối bán lẻ (gắn với cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định pháp luật Việt Nam. (CPC 622, 631, 632).	4719

STT	Tên ngành	Mã ngành
3	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại Chi tiết: Tổ chức kinh tế thực hiện dự án chi thực hiện hoạt động sản xuất sau khi có địa điểm sản xuất được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất; đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy; các quy định pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động.	2822
4	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: Tổ chức kinh tế thực hiện dự án chi thực hiện hoạt động sản xuất sau khi có địa điểm sản xuất được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất; đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy; các quy định pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động.	2816
5	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa Chi tiết: Tổ chức kinh tế thực hiện dự án chi thực hiện hoạt động sản xuất sau khi có địa điểm sản xuất được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất; đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy; các quy định pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động.	1701 (Chính)
6	Phá dỡ Chi tiết: Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518)	4311
7	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Tổ chức kinh tế thực hiện dự án chi thực hiện hoạt động sản xuất sau khi có địa điểm sản xuất được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất; đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy; các quy định pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động.	1702
8	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518)	4312
9	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (gắn với cơ sở bán buôn), quyền phân phối bán lẻ (gắn với cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định pháp luật Việt Nam. (CPC 622, 631, 632)	4690
10	Xây dựng nhà không ở Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513)	4102
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (gắn với cơ sở bán buôn), quyền phân phối bán lẻ (gắn với cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định pháp luật Việt Nam. (CPC 622, 631, 632)	8299
12	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513)	4229

STT	Tên ngành	Mã ngành
13	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518)	4390
14	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sửa chữa (CPC 884, 885)	3312
15	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sửa chữa (CPC 884, 885)	3313
16	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513)	4211
17	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sửa chữa (CPC 884, 885)	3314
18	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513)	4212
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513)	4299
20	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sửa chữa (CPC 884, 885)	3315
21	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Tổ chức kinh tế thực hiện dự án chỉ thực hiện hoạt động sản xuất sau khi có địa điểm sản xuất được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất; đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy; các quy định pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động.	2511
22	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Tổ chức kinh tế thực hiện dự án chỉ thực hiện hoạt động sản xuất sau khi có địa điểm sản xuất được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất; đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy; các quy định pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động.	2592
23	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tổ chức kinh tế thực hiện dự án chỉ thực hiện hoạt động sản xuất sau khi có địa điểm sản xuất được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất; đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy; các quy định pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động.	2599
24	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Tổ chức kinh tế thực hiện dự án chỉ thực hiện hoạt động sản xuất sau khi có địa điểm sản xuất được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất; đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy; các quy định pháp luật khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động.	2410

Nguồn: CTCP Miza

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Thời gian	Mô tả
2010	Thành lập Công ty Cổ phần Miza theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010. Công ty được thành lập với sứ mệnh Xanh cùng phương châm phát triển bền vững, chung tay cùng Việt Nam và thế giới bảo vệ môi trường bằng việc sản xuất giấy tái sử dụng.
2012	Công ty đã nhận được sự hỗ trợ tài chính từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Hà Nội (Nay là Quỹ Đầu tư phát triển TP. Hà Nội) vì ngành nghề của Công ty là tái chế giấy thải với số tiền 10.179.000.000 đồng. Với nguồn vốn ưu đãi này, Công ty tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị và hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải, ổn định sản xuất và kinh doanh có lãi, giải quyết việc làm cho hơn 50 người lao động với thu nhập khá.
2015	Công ty đã đầu tư mới thêm Dây chuyền 2 chất lượng cao nâng công suất nhà máy 32.500 tấn/năm. Áp dụng công nghệ tiên tiến hàng đầu khu vực phía Bắc, có hệ thống kiểm soát chất lượng tự động và công suất đạt 150 tấn giấy phế liệu/ngày, hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do Trung tâm Chứng nhận Phù hợp QUACERT cấp chứng chỉ - đây là một phương pháp quản lý chất lượng mới, khi được áp dụng vào doanh nghiệp sẽ giúp lãnh đạo có thể kiểm soát được hoạt động trong nội bộ và thúc đẩy hoạt động đạt hiệu quả ở mức cao nhất.
2017	Dây chuyền 2 của Công ty chính thức đi vào hoạt động, nâng công suất của Miza từ 7.500 tấn/năm lên hơn 47.000 tấn/năm. Doanh thu qua đó tăng trưởng vượt bậc 100% giai đoạn 2016-2018
2018	Đạt tiêu chuẩn ISO 14001:2015 do Trung tâm Chứng nhận Phù hợp QUACERT cấp chứng chỉ - Đây là một tiêu chuẩn quốc tế dành cho hệ thống quản lý môi trường, được coi là khung chuẩn định hướng giúp doanh nghiệp quản lý các liên quan tới môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời giúp doanh nghiệp chinh phục nhóm khách hàng FDI cũng như khẳng định sự quyết tâm và trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 do Trung tâm Chứng nhận Phù hợp QUACERT cấp chứng chỉ - Đây là một tiêu chuẩn quốc tế mà doanh nghiệp chứng tỏ được khả năng luôn cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng thỏa mãn khách hàng và các yêu cầu của luật định cũng như sự mong đợi của các bên quan tâm. Chứng chỉ FSC: Miza đã được cấp Chứng chỉ uy tín trên thế giới của Hội đồng quản lý rừng FSC (Forest Stewardship Council) vì những nỗ lực giảm thiểu tác động sản xuất đến môi trường, do BVC (Bureau Veritas Certification) đánh giá và chứng nhận. Góp vốn thành lập Công ty TNHH Miza Nghi Sơn (Thanh Hóa) với vốn điều lệ ban đầu 100 tỷ đồng.
2021	Hoàn thành và đưa vào vận hành Dự án Nhà máy sản xuất Giấy bao bì Miza Nghi Sơn với công suất thiết kế 120.000 tấn/năm, tương đương 400 tấn/ngày. Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Blue Line (sở hữu phần vốn góp 107,8 tỷ đồng, tương đương 49%) và Công ty TNHH Depak (sở hữu phần vốn góp là 36 tỷ đồng, tương đương 28,8%).

Thời gian	Mô tả
2023	Thoái vốn tại các công ty liên kết: Công ty TNHH Blue Line và Công ty TNHH Depak. Góp vốn vào Công ty TNHH Miza Nghi Sơn tiếp tục triển khai đầu tư Giai đoạn 2.
2024 - 2025	Tiếp tục triển khai đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 2 - Giai đoạn 2 thuộc Dự án Nhà máy sản xuất Giấy bao bì Miza Nghi Sơn với công suất 100.000 tấn/năm, nâng tổng công suất nhà máy lên trên 220.000 tấn/năm (Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ bảy ngày 17 tháng 02 năm 2025).

Nguồn: CTCP Miza

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Miza

Công ty Cổ phần Miza được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tại thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Miza có 01 Công ty con sở hữu 100% vốn điều lệ là Công ty TNHH Miza Nghi Sơn. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Miza được thể hiện dưới sơ đồ sau:



Nguồn: CTCP Miza

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần (2010) đến nay, sau hơn 15 năm phát triển, Công ty đã xây dựng thương hiệu với định hướng là nhà sản xuất Giấy tái chế hàng đầu. Sau khi thực hiện tái cấu trúc, đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Miza hiện sở hữu hai (02) nhà máy sản xuất giấy hiện đại. Công suất các nhà máy đạt trên 500 tấn/1 ngày đêm, công nghệ tiên tiến, được nhập khẩu nguyên chiếc từ những quốc gia phát triển. Đặc biệt, các dòng máy sản xuất được phân bổ đều từ công suất nhỏ đến công suất cực đại, đáp ứng được đa dạng yêu cầu về sản xuất.

a. Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Đồng Anh

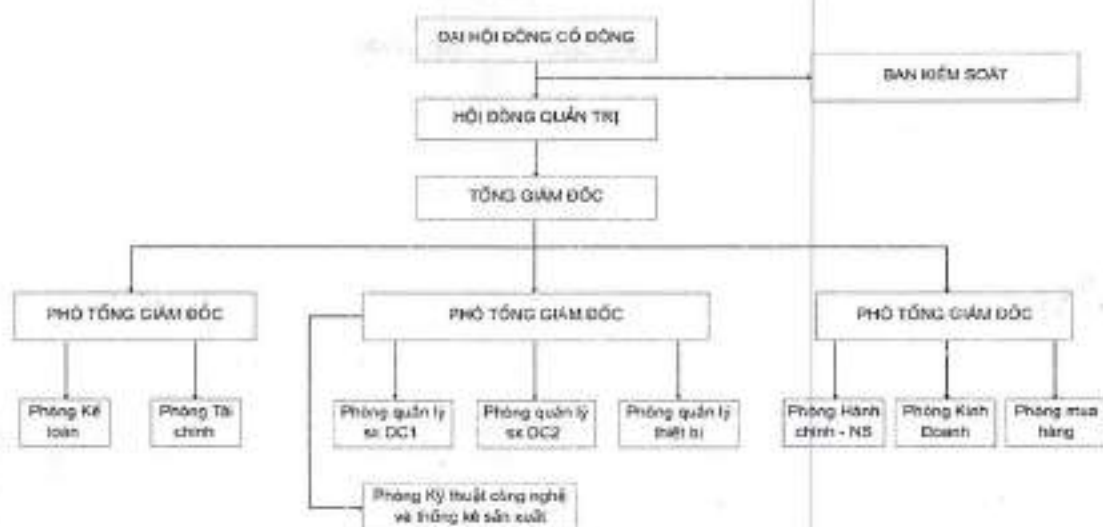
- Vị trí nhà máy: Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.
- Diện tích khu đất xây dựng: khoảng 16.000 m².
- Sản phẩm kinh doanh chính: Giấy sóng, giấy mặt.
- Năm chính thức đi vào hoạt động: Năm 2011.
- Công suất thiết kế: 32.500 tấn/năm.
- Công suất hoạt động sau nâng cấp: hơn 47.000 tấn/năm.

b. Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Nghi Sơn

- Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Nghi Sơn.
- Vị trí nhà máy: Khu công nghiệp số 5 thuộc khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.
- Diện tích mặt đất sử dụng: 88.700 m².
- Sản phẩm kinh doanh chính: Sản xuất giấy bao bì từ nguyên liệu giấy tái chế; Sản xuất bột giấy khô từ nguyên liệu giấy tái chế.
- Năm chính thức đi vào hoạt động: Năm 2021.
- Quy mô của nhà máy:
 - + Dây chuyền Sản xuất giấy bao bì từ nguyên liệu tái chế và bột giấy: 220.000 tấn/năm.
 - + Hệ thống điện từ năng lượng mặt trời (phục vụ nhu cầu nội bộ): 950 KWp.
- Phân kỳ đầu tư:
 - * **Giai đoạn I: Đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 1 với công suất 120.000 tấn/năm đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động trong năm 2021 với tiến độ thực hiện như sau:**
 - + Thực hiện thủ tục, hồ sơ dự án: Từ quý II/2018 đến quý II/2019;
 - + Triển khai xây dựng: Từ quý II/2019 đến quý I/2021;
 - + Vận hành thương mại: Quý II/2021.
 - * **Giai đoạn II: Đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 2 với công suất 100.000 tấn/năm đưa tổng công suất nhà máy lên 220.000 tấn/năm; Hệ thống điện từ năng lượng mặt trời 950 KWp (Phục vụ nhu cầu nội bộ) với tiến độ thực hiện dự kiến:**
 - + Triển khai xây dựng: Từ quý I/2024 đến quý III/2026;
 - + Kế hoạch vận hành: Dự kiến hoàn thành công tác đầu tư và bắt đầu đưa vào vận hành từ tháng 9/2026. Trong giai đoạn đầu, dự án tập trung ổn định hệ thống sản xuất, tối ưu công suất thiết bị và hoàn thiện quy trình quản lý vận hành nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động, kiểm soát chi phí và nâng cao năng suất. Đồng thời, dự án triển khai cơ chế quản trị và kiểm soát tài chính phù hợp để đảm bảo khả năng thu hồi vốn và hiệu quả đầu tư theo kế hoạch;
 - + Thời gian hoàn vốn dự kiến: Trong năm 2032.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Miza

Công ty Cổ phần Miza được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Công ty như sau:



Nguồn: CTCP Miza

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCD quyết định những vấn đề theo Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Cuộc họp ĐHĐCD thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCD có thể triệu tập họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HDQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD. HDQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, mỗi thành viên HDQT có một phiếu biểu quyết.

HDQT của Công ty Cổ phần Miza hiện nay bao gồm 05 thành viên. Các thành viên HDQT của Công ty được ĐHĐCD của Công ty bầu và miễn nhiệm. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HDQT bầu ra. Chủ tịch HDQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty. Các thành viên HDQT đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Danh sách thành viên HDQT gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch HDQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ
2.	Ông Vũ Anh Trà	Thành viên HĐQT
3.	Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên HĐQT
4.	Ông Hoàng Tự Lập	Thành viên HĐQT – Thành viên độc lập
5.	Ông Đinh Tấn Hưng	Thành viên HĐQT – Thành viên độc lập

Nguồn: CTCP Miza

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các thành viên Ban Kiểm soát đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 168, 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Vũ Đình Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên Ban Kiểm soát
3.	Bà Lê Thị Phương Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát

Nguồn: CTCP Miza

4.4. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty được HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý cao cấp khác có nhiệm vụ hoạch định chiến lược phát triển, giám sát và phân bổ công việc cho đội ngũ nhân viên của Công ty, kiểm soát tình hình tài chính và kế toán, quản lý vốn và kiểm soát nội bộ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Công ty bao gồm: 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Ông Lê Văn Hiệp	Tổng Giám đốc
2.	Ông Vũ Anh Trà	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Sản xuất
3.	Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính - Kế toán
4.	Ông Dương Ngọc Thế	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách trực tiếp Hành chính nhân sự, Kinh doanh và Mua hàng
5.	Bà Nguyễn Thị Thoa	Kế toán trưởng

Nguồn: CTCP Miza

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất: Là người được ủy quyền hỗ trợ Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo và giải quyết các việc sau:

- Chỉ đạo trực tiếp mọi hoạt động sản xuất của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy chế tổ chức hoạt động Tổng Giám đốc Công ty ban hành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Lựa chọn và tiếp nhận nhân lực, tổ chức sản xuất;
- Đề xuất các biện pháp phát huy các nguồn lực của khối sản xuất đảm bảo phát huy tối đa năng lực sản xuất của Công ty;
- Phụ trách công tác xét duyệt kế hoạch sản xuất hàng tháng, xét duyệt các định mức lao động mới phát sinh và duyệt lương hàng tháng cho các đơn vị sản xuất;
- Phụ trách công tác khoa học kỹ thuật, xét duyệt sáng kiến, đề xuất phương án tài chính để phát triển nguồn lực khoa học kỹ thuật trong Công ty;
- Chủ trì và chịu trách nhiệm chính về lập quy trình công nghệ tổng hợp sản xuất sản phẩm; Lập quy trình và theo dõi công nghệ sản xuất bao gồm cả việc theo dõi đề xuất, theo dõi chạy thử; Soạn thảo tiêu chuẩn nghiệm thu sản phẩm;
- Thực hiện việc xem xét kỹ thuật trong thủ tục xem xét hợp đồng theo yêu cầu của khách hàng;
- Phụ trách công tác Xây dựng cơ bản, An toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy, 5S, An toàn bức xạ, An toàn hóa chất, quản lý chất thải...;
- Hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác khoa học kỹ thuật, công nghệ; tư vấn, thực hiện các dự án đầu tư mở rộng sản xuất và thực hiện một số công việc, nhiệm vụ khác được giao;
- Hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác điều hành, quản trị hoạt động của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính - Kế toán: Là người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chịu trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động tài chính kế toán của Công ty bao gồm các quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất xây dựng các chính sách tài chính kế toán dựa theo pháp luật Việt Nam, ban hành các định mức chi phí của Công ty;
- Thu thập số liệu và thực hiện phân tích và đề xuất các phương án huy động vốn cho các dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng vốn của Công ty, bổ sung vốn lưu động trong từng thời kỳ;
- Xây dựng và tính toán các chỉ số tài chính và kiểm soát sự lành mạnh của tình hình tài chính Công ty;

- Tổ chức thực hiện các phương án huy động vốn; Giám sát, kiểm tra việc lập báo cáo tài chính theo quy định;
- Kiến nghị lựa chọn kiểm toán; Kiểm tra và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT/TGĐ về số liệu tài chính;
- Lập và trình Chủ tịch HĐQT/TGĐ phê duyệt các phương án tài chính, phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ tái đầu tư, vay vốn;
- Chỉ đạo phòng TCKT Công ty, chỉ đạo Kế toán trưởng lập kế hoạch tài chính, xác định nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất với Chủ tịch HĐQT/TGĐ để tổ chức các cuộc họp HĐQT bàn về các vấn đề chủ chốt trong phạm vi công việc của mình;
- Đại diện cho Chủ tịch HĐQT/TGĐ làm việc với các cơ quan nhà nước, đối tác về các vấn đề được ủy quyền/ phân công;
- Yêu cầu mọi bộ phận trong Công ty báo cáo, thuyết minh cung cấp dữ liệu chính xác để phòng hoàn thành nhiệm vụ cho Chủ tịch HĐQT/TGĐ giao;
- Ký sao một số giấy tờ hành chính được Chủ tịch HĐQT ủy quyền;
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của lãnh đạo cấp trên.

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Hành chính nhân sự, Kinh doanh và Mua hàng: là người được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền trực tiếp chỉ đạo và giải quyết các việc sau:

- Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước, đối tác về các vấn đề được ủy quyền/phân công;
- Chỉ đạo bộ phận Hành chính Nhân sự xây dựng, soạn thảo, sửa đổi và bổ sung các văn bản, quy định, quy chế,... liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Phụ trách quản lý hệ thống ISO, ESG...;
- Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của phòng Kinh doanh và bộ phận Mua hàng; xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch mua hàng phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty; tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh, mua hàng theo quy định;
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của lãnh đạo cấp trên.

Các Phòng, Ban chức năng

Phòng Quản lý sản xuất DC1, Phòng Quản lý Sản xuất DC2:

- Chủ trì và chịu trách nhiệm chính về thiết kế và lập quy trình công nghệ tổng hợp sản xuất sản phẩm; Lập quy trình và theo dõi công nghệ bao gồm cả việc theo dõi đề xuất, theo dõi chạy thử; Soạn thảo tiêu chuẩn nghiệm thu sản phẩm; Thực hiện việc xem xét kỹ thuật trong thủ tục xem xét hợp đồng theo yêu cầu của khách hàng;
- Soạn thảo kế hoạch chất lượng; Xác định thông số yêu cầu chất lượng, kỹ thuật tiêu chuẩn cho các nguyên liệu, vật tư sản xuất; Lập định mức tiêu hao vật tư, năng lượng, lao động cho sản xuất sản phẩm liên quan;
- Hoạch định chương trình phát triển khoa học trong Công ty. Tiếp nhận các chương trình sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Thẩm định các hoạt động cải tiến, hiệu lực và hiệu quả;

- Bổ sung kết quả hoạt động khoa học vào năng lực của Công ty. Bảo mật các thông tin khoa học kỹ thuật trong Công ty. Đề xuất mức thưởng vật chất cho các Công trình, tác giả...

Phòng Quản lý thiết bị:

- Quản lý mạng lưới phân phối điện, nước và khí, ... toàn Công ty;
- Kiểm soát thiết bị toàn Công ty;
- Phụ trách lắp đặt, hướng dẫn vận hành thiết bị;
- Lập quy trình, hướng dẫn kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị;
- Thực hiện các quy định quản lý và chuẩn bị kỹ thuật đối với các chi tiết sửa chữa, chi tiết phụ tùng dự phòng của thiết bị;
- Thực hiện bảo trì thiết bị theo kế hoạch; Thực hiện sửa chữa, lắp đặt thiết bị đáp ứng sản xuất;
- Thực hiện duy trì cung cấp điện năng, nước, khí... cho sản xuất của Công ty;
- Thiết lập các biện pháp, chỉ đạo các cá nhân trong đơn vị thực hiện các quy chế Công ty đã ban hành về hệ thống quản lý chất lượng;
- Lập các thủ tục cần thiết cho việc kiểm định, hiệu chuẩn, xin cấp giấy chứng nhận, giấy phép đăng ký sử dụng đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ... và các thiết bị đo lường, kiểm tra về điện, nước, khí nén, gas, dầu, nhiệt trong công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Định kỳ hàng năm (hoặc đột xuất) lập kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện theo quy định của công ty cũng như của pháp luật Nhà nước hiện hành quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động;
- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, quy phạm của công ty cũng như của pháp luật bảo hộ lao động của Nhà nước quy định;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các nơi làm việc, phát hiện, đề xuất biện pháp ngăn chặn các yếu tố nguy hiểm có hại trong sản xuất và ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ô nhiễm môi trường;
- Lập kế hoạch mua sắm thiết bị mới và thanh lý thiết bị; Quản lý việc giao nhận và điều phối thiết bị của Công ty;
- Theo dõi nhu cầu tiêu thụ năng lượng của thiết bị và toàn bộ dây chuyền sản xuất; sự biến động của nhu cầu tiêu thụ năng lượng liên quan đến việc lắp đặt mới, cải tạo, sửa chữa thiết bị sử dụng năng lượng; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định;
- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn trong hoạt động sử dụng tiết kiệm vật tư, năng lượng.

Phòng Kỹ thuật công nghệ và thống kê sản xuất

- Chủ trì và chịu trách nhiệm chính về thiết kế và lập quy trình công nghệ tổng hợp sản xuất sản phẩm;
- Lập quy trình và theo dõi công nghệ bao gồm cả việc theo dõi đề xuất, theo dõi chạy thử; Soạn thảo tiêu chuẩn nghiệm thu sản phẩm; Thực hiện việc xem xét kỹ thuật trong thủ tục xem xét hợp đồng theo yêu cầu của khách hàng;

- Soạn thảo kế hoạch chất lượng; Xác định thông số yêu cầu chất lượng, kỹ thuật tiêu chuẩn cho các nguyên liệu, vật tư sản xuất; Lập định mức tiêu hao vật tư, năng lượng, lao động cho sản xuất sản phẩm liên quan;
- Hoạch định chương trình phát triển khoa học trong Công ty. Tiếp nhận các chương trình sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Thẩm định các hoạt động cải tiến, hiệu lực và hiệu quả;
- Bổ sung kết quả hoạt động khoa học vào năng lực của Công ty. Bảo mật các thông tin khoa học kỹ thuật trong Công ty. Đề xuất mức thưởng vật chất cho các Công trình, tác giả...
- Thực hiện các báo cáo của khối sản xuất theo yêu cầu;
- Thống kê nhân lực hàng ngày, thống kê lương, viết phiếu, cấp phát vật tư, bảo hộ lao động, văn phòng phẩm, công tác hành chính và quản lý kho của bộ phận sản xuất;
- Thực hiện các công việc khác được giao.

Phòng mua hàng:

- Hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành, quản trị hoạt động của phòng; điều hành cung cấp vật tư, thiết bị của Công ty và các Công ty thành viên, trực thuộc;
- Báo cáo nguyên liệu, vật tư theo kế hoạch sản xuất; lập kế hoạch mua bổ sung nguyên liệu, vật tư... chuyển bộ phận chức năng thực hiện;
- Tổ chức cấp phát và quyết toán vật tư theo kế hoạch sản xuất; tổ chức thực hiện lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư và sản phẩm. Thực hiện nhập, xuất, quyết toán vật tư. Lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư sản phẩm;
- Thực hiện việc mua bán, cung cấp vật tư nguyên liệu, công cụ, dụng cụ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám sát theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng của nhà cung ứng;
- Tham mưu cho ban Tổng Giám đốc phụ trách trong công tác hoạch định kế hoạch mua hàng và cung ứng vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đáp ứng các yêu cầu về giá cả, số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian;
- Tổ chức công tác phát triển và quản lý các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo nguồn cung phù hợp, cạnh tranh đáp ứng được các yêu cầu mở rộng, thay đổi kế hoạch, nhu cầu mua hàng của Công ty;
- Thực hiện tổ chức thu mua nhập khẩu vật tư, thiết bị, sản phẩm đáp ứng yêu cầu sản xuất, thương mại của Công ty. Đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng nước ngoài và đánh giá lại theo quy định. Giám sát theo dõi hoạt động thực hiện hợp đồng của nhà cung ứng. Thực hiện nhập hàng, nhận hàng về kho Công ty.

Phòng Kinh doanh:

- Hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành, quản trị hoạt động của phòng; Hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hệ thống Kinh doanh thương mại của Công ty và các Công ty thành viên, trực thuộc;
- Xây dựng và kiểm soát hệ thống thông tin và kiểm soát giá bán: Giá bán được thiết lập theo cơ chế được Công ty phê duyệt. Không có các trường hợp khiếu nại, bất cập về giá

bán. Giá bán cho các đối tác bên ngoài thể hiện được định vị sản phẩm, giá bán hàng loại 2, hàng dư;

- Phát triển khách hàng/ kênh bán hàng và quy hoạch sản phẩm: Quy hoạch các nhóm khách hàng và có danh mục sản phẩm cập nhật cho các nhóm khách hàng phù hợp. Triển khai bán hàng cho nhiều kênh bán khác nhau. Đảm bảo minh bạch trong giao dịch với khách hàng. Xử lý các tình huống thừa hàng hóa: Có hệ thống theo dõi để xử lý nhanh các tình huống hàng dư thừa;
- Lập kế hoạch sản xuất đáp ứng yêu cầu khách hàng, căn cứ vào Kế hoạch giao hàng và Hợp đồng (hoặc đơn hàng) do bộ phận bán hàng cung cấp. Viết phiếu/lệnh sản xuất ..., bộ phận liên quan trong Công ty, nêu rõ tiêu chuẩn, số lượng sản phẩm, tiến độ hoàn thành. Theo dõi tiến độ sản xuất, thống kê thu thập dữ liệu; Đơn đốc, kiểm tra, chủ động giải quyết các ách tắc giữa các bộ phận sản xuất;
- Kiểm soát, tham gia đàm phán đối với các giao dịch kinh doanh xuất khẩu: Tìm hiểu nhu cầu thị trường, khách hàng quốc tế để đề xuất các đặc tính phù hợp của sản phẩm cho Công ty. Xem xét và quản lý các hợp đồng bán hàng ra nước ngoài hoặc xuất khẩu tại chỗ, theo yêu cầu của Tổng Giám đốc. Quảng cáo và xúc tiến bán hàng ra nước ngoài;
- Lập kế hoạch giao hàng ra nước ngoài dựa trên nhu cầu thị trường và các hợp đồng, đơn hàng đã ký kết với khách hàng. Tổ chức thực hiện giao hàng và đo lường sự hài lòng của khách hàng. Thực hiện bảo hành sản phẩm sau bán hàng. Chủ trì việc xử lý và giải quyết khiếu nại của khách hàng nước ngoài.

Phòng Hành chính Nhân sự: Hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành hệ thống Hành chính nhân sự của Công ty và các Công ty thành viên, trực thuộc tổ chức thực hiện các nội dung:

- Công tác phát triển nhân lực; quản trị nhân lực; các thủ tục hành chính hồ sơ pháp lý; lương và phúc lợi; quan hệ lao động, quan hệ đối ngoại, chỉ đạo thực hiện tốt quan hệ với địa phương, ban ngành về công tác hành chính, an ninh quốc phòng;
- Tư vấn, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc triển khai các chính sách pháp luật lao động, quy chế, quy trình quản lý để Công ty thực hiện, vận dụng các chính sách pháp luật và quy chế trong quá trình quản lý lao động;
- Tư vấn, đề xuất, xây dựng hệ thống văn bản pháp lý: các nội quy, quy chế, quy trình, quy định... tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát để quản trị doanh nghiệp tốt;
- Thực hiện các chế độ BHXH đảm bảo việc thực hiện chính xác, đầy đủ, kịp thời... những nội dung liên quan đến quyền lợi của người lao động và trách nhiệm của người sử dụng lao động theo đúng quy định của pháp luật;
- Theo dõi và thực hiện công tác thi đua khen thưởng đột xuất, khen thưởng hàng năm và kỷ luật lao động; Xác định nhu cầu đào tạo để xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm.

Phòng Tài chính:

- Nhiệm vụ của phòng Tài chính là hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính theo dõi, kiểm soát việc quản lý tài chính và điều hành công tác tài chính theo đúng quy định của nhà nước;

- Phòng tài chính chịu trách nhiệm tư vấn, tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính việc sử dụng các nguồn lực tài chính và tài sản của công ty sao cho hiệu quả và hợp lý nhất;
- Hàng năm lập kế hoạch tài chính trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt, đây là việc làm cần thiết vì giúp doanh nghiệp chủ động được trong việc hoạch định và có căn cứ để lập kế hoạch tài chính phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh;
- Theo dõi, quản lý nguồn vốn và tài sản của doanh nghiệp;
- Kiểm soát các dòng tiền, sự vận động của dòng tiền, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong và ngoài có liên quan đến doanh nghiệp;
- Thực hiện công tác giám sát vốn sử dụng nội bộ, đảm bảo kiểm soát tài chính minh bạch, chính xác, hiệu quả;
- Xây dựng và trình duyệt phương án về cơ cấu nguồn vốn, tài sản và điều hòa vốn trong toàn doanh nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm huy động nguồn vốn trung và dài hạn cũng như nguồn vốn lưu động và kế hoạch tín dụng, bằng các hình thức được pháp luật cho phép để huy động vốn cho hoạt động kinh doanh;
- Theo dõi và quản lý các khoản nợ vay và các khoản cho vay. Đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay đúng hạn và thu hồi nợ gốc cùng lãi cho vay đầy đủ, đúng thời hạn.

Phòng Kế toán:

- Nhiệm vụ của phòng kế toán là hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính tổ chức bộ máy kế toán và điều hành bộ máy kế toán theo đúng quy định của nhà nước;
- Tổ chức tốt việc thực hiện quy trình hạch toán kế toán;
- Giám sát và kiểm tra các nghiệp vụ của kế toán viên hàng ngày nhằm đảm bảo tính trung thực, chính xác của các số liệu, các khoản mục doanh thu và chi phí hàng ngày...;
- Định kỳ tiến hành lập báo cáo tài chính theo quý, năm. Việc lập báo cáo cần đảm bảo tuân thủ đúng các nguyên tắc kế toán, chính xác, kịp thời, đầy đủ và đúng quy định của Nhà nước;
- Thực hiện việc bảo quản, lưu trữ chứng từ, hồ sơ kế toán theo đúng quy định của Luật kế toán;
- Tổ chức thực hiện việc kê khai, quyết toán thuế, tiến hành nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước. Đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, chính sách thuế của các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán và lập báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc;
- Kho nguyên liệu, vật tư sản xuất:
 - Báo cáo nguyên liệu, vật tư theo kế hoạch sản xuất;
 - Lập kế hoạch mua bổ sung nguyên liệu, vật tư... chuyển bộ phận chức năng thực hiện;
 - Tổ chức cấp phát và quyết toán vật tư theo kế hoạch sản xuất;
 - Tổ chức thực hiện lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư và sản phẩm;

- Thực hiện nhập, xuất, quyết toán vật tư. Lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư sản phẩm.
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối tại ngày 30/06/2026.
- 5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành
Không có.
- 5.2. Công ty con trực tiếp của Tổ chức phát hành
Công ty Cổ phần Miza có 01 công ty con trực tiếp, thông tin cụ thể như sau:

STT	Công ty con trực tiếp													
1	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn ▪ Ngày thành lập: 07/01/2018 ▪ GCN ĐKDN: 2802520818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 07/01/2018, thay đổi lần 9 ngày 11/02/2025. ▪ Địa chỉ: Khu công nghiệp số 05 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa. ▪ Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa từ nguyên liệu giấy tái chế. ▪ Vốn điều lệ đăng ký: 1.021.600.000.000 đồng (Một nghìn không trăm hai mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn). ▪ Tình hình góp vốn: Đã góp đủ. ▪ Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Miza tại Công ty TNHH Miza Nghi Sơn: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời điểm</th><th>Tỷ lệ sở hữu/ VDL</th><th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>31/12/2024</td><td>100 %</td><td>100%</td></tr> <tr> <td>31/12/2025</td><td>100%</td><td>100%</td></tr> <tr> <td>30/06/2026</td><td>100%</td><td>100 %</td></tr> </tbody> </table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2024	100 %	100%	31/12/2025	100%	100%	30/06/2026	100%	100 %	Nguồn: CTCP Miza
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VDL	Tỷ lệ quyền biểu quyết												
31/12/2024	100 %	100%												
31/12/2025	100%	100%												
30/06/2026	100%	100 %												

- 5.3. Công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có.
- 5.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành: Không có.
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty
Công ty Cổ phần Miza được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010 với số vốn điều lệ đăng ký là 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng), tương ứng với 1.000.000 cổ phần.

Tính đến ngày 21/08/2026, Công ty đã có 11 lần tăng vốn, với giá trị vốn điều lệ được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 21/08/2026 là

1.281.570.630.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm tám mươi một tỷ năm trăm bảy mươi triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).

Vào ngày 24/07/2026, Công ty đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025, với tổng số lượng cổ phiếu đã phân phối trong đợt phát hành là 11.650.489 cổ phiếu (theo Công văn số 7040/UBCK-QLCB ngày 29/07/2026 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MZG). Theo đó, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 1.281.570.630.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm tám mươi một tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng*), tương ứng tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 128.157.063 cổ phần nhân với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty Cổ phần Miza cam kết kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty đã thực hiện các đợt tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Bảng số 2: Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Thời điểm	Lần tăng giảm (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến kiểm toán
21/02/2011	-	10	10	Góp vốn thành lập	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22.11/NQ-ĐHĐCD-MZ của CTCP Miza ngày 22/11/2010 thông qua thỏa thuận góp vốn thành lập công ty; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010.	- Không có
26/08/2012	1	8	18	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCD số 02/2012/NQ-ĐHĐCD-MZ ngày 05/03/2012 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 26.08/2012/NQ-HĐQT-MZ ngày 26/08/2012 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 28/09/2012.	- Không có

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến kiểm toán
18/03/2015	2	48	66	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 05/01/2015 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 09.01/2015/NQ-HĐQT-MZ ngày 09/01/2015 của CTCP Miza về việc thông qua kết quả đăng ký mua của cổ đông hiện hữu và phương án tiếp tục chào bán số cổ phiếu còn dư cho các đối tượng khác; - Nghị quyết HĐQT số 18.03/2015/NQ-HĐQT-MZ ngày 18/03/2015 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2015.	- Không có
					- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 10/11/2017 của CTCP Miza thông qua phương án phát	- Theo Báo cáo kiểm toán số 294/BCKT/TC ngày 28/7/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán TTP về BCTC hợp nhất năm 2018 của CTCP Miza, ý kiến của

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐI sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến kiểm toán
30/05/2018	3	231	297	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 22/11/2017 của CTCP Miza thông qua hình thức góp vốn của một số cổ đông, thông qua phân phối cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23.11/2017/NQ-HĐQT ngày 23/11/2017 của CTCP Miza về việc triển khai việc phát hành cổ phiếu hoán đổi công nợ và phương án chào bán số cổ phiếu còn dư; - Nghị quyết HĐQT số 31.05/2018/NQ-HĐQT-MZ ngày 31/05/2018 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 05/07/2018.	Kiểm toán viên như sau: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Tại thời điểm 31/12/2018, chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê Tiền mặt, Hàng tồn kho, Tài sản cố định của Công ty do tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Miza. Tuy nhiên, bằng các thủ tục thay thế, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư tại ngày 31/12/2018 cũng như số dư đầu kỳ (số dư tại ngày 31/12/2017) trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Miza đối với các khoản mục Tiền mặt, Hàng tồn kho. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính hay không. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình

Thời điểm	Lần tăng thêm (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VDL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến kiểm toán
						tài chính của Công ty Cổ phần Miza tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."
25/04/2019	4	75	372	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 07/03/2019 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 19.03/2019/NQ-HĐQT-MZ ngày 19/03/2019 của CTCP Miza thông qua kết quả đăng ký mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu và phương án chào bán số cổ phiếu lẻ phát sinh, chưa được dẫn ký mua hết; - Nghị quyết HĐQT số 26.04/2019/NQ-HĐQT-MZ ngày 26/04/2019 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ	- Theo Báo cáo kiểm toán số 320/BCKT/TC ngày 13/8/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán TTP về BCTC hợp nhất năm 2019 của CTCP Miza, ý kiến của Kiểm toán viên như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Miza tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VDE sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến kiểm toán
					phiếu; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 05/06/2019.	
30/07/2019	5	100	472	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (Phát hành cổ phiếu cho cổ đông ưu đãi cổ tức)	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 22/07/2019 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 31.07/2019/NQ-HĐQT-MZ ngày 31/07/2019 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 16/08/2019.	- Theo Báo cáo kiểm toán số 320/BCKT/TC ngày 13/8/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán TTP về BCTC hợp nhất năm 2019 của CTCP Miza, ý kiến của Kiểm toán viên như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Miza tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."
23/10/2019	6	40	512	Phát hành cổ phiếu cho cổ	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 30/09/2019 của CTCP Miza thông qua phương án phát	- Theo Báo cáo kiểm toán số 320/BCKT/TC ngày 13/8/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán TTP về BCTC hợp nhất năm 2019 của CTCP Miza, ý kiến của

Thời điểm	Lần tăng (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng (tỷ đồng)	VDL sản khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến kiểm toán
				đồng hiện hữu (Phát hành Cổ phiếu cho Cổ đông ưu đãi cổ tức)	- hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Nghị quyết HĐQT số 11.10/2019/NQ-HĐQT-MZ ngày 11/10/2019 của CTCP Miza thông qua phân phối cổ phiếu còn dư; - Nghị quyết HĐQT số 24.10/2019/NQ-HĐQT-MZ ngày 24/10/2019 của CTCP Miza thông qua kết quả đăng ký mua cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án phân phối số cổ phần lẻ phát sinh và chưa được đăng ký mua hết; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 26/11/2019.	Kiểm toán viên như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Miza tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."
	7	87,2	599,2	- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/09/2020 của CTCP Miza về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - Nghị quyết HĐQT số 20.10/2020/NQ-	- Theo Báo cáo kiểm toán số 385/BCKT/TC ngày 25/4/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán TTP về BCTC hợp nhất năm 2020 của CTCP Miza, ý kiến của Kiểm toán viên như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐH sau khi tăng (tỷ đồng)	Tình hình thực tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến kiểm toán
31/12/2020				hiện hữu - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	HDQT-MZ ngày 20/10/2020 của CTCP Miza thông qua phân phối cổ phiếu còn dư; - Nghị quyết HDQT số 05.01/2021/NQ-HDQT-MZ ngày 05/01/2021 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 03/02/2021.	<i>của Công ty Cổ phần Miza tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."</i>
21/12/2021	8	399,999	999,199	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 22/10/2021 của CTCP Miza thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - Nghị quyết HDQT số 22.12/2021/NQ-HDQT-MZ ngày 22/12/2021 của CTCP Miza thông qua kết quả phát hành cổ phiếu; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà	<i>- Theo Báo cáo kiểm toán số 386/BCKT/TC ngày 25/4/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán TTP về BCTC hợp nhất năm 2021 của CTCP Miza, ý kiến của Kiểm toán viên như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Miza tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh</i>

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VDL sau khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến kiểm toán
					Nội cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/12/2021.	<i>nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."</i>
25/11/2024	9	59,951	1.059,150	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 280601/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/6/2024 của CTCP Miza; - Công văn số 7241/UBCK-QLCB ngày 28/10/2024 của UBCKNN; - Báo cáo kết quả phát hành thêm cổ phiếu cho UBCKNN ngày 25/11/2024; - Công văn số 8169/UBCK-QLCB ngày 29/11/2024 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MZG - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105028958 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 27/12/2024.	- Theo Báo cáo số 12078222/68565723-HN ngày 29/03/2025 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về BCTC hợp nhất năm 2024 của CTCP Miza, ý kiến của Kiểm toán viên như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."
12/11/2025	10	105,915	1.165,065	Phát hành cổ phiếu cho cổ	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 260501/2025/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 26/05/2025;	- Theo Báo cáo kiểm toán số 12078222/68681702-HN ngày 18/03/2026 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về BCTC hợp nhất năm 2025 của CTCP

Thời điểm	Lần tăng thêm (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sản khi tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến kiểm toán
				đồng hiện hữu	- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 318/GCN-UBCK ngày 17/09/2025 - Báo cáo kết quả phát hành thêm cổ phiếu cho UBCKNN số 111101/2025/BC-MZ ngày 12/11/2025 - Công văn số 7598/UBCK-QLCB ngày 17/11/2025 của UBCKNN v/v nhận được Báo cáo kết quả phát hành; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105028958 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 01/12/2025.	Miza, ý kiến của Kiểm toán viên như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."
21/07/2026	11	116,504	1.281,570	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/4/2026 của CTCP Miza. - Công văn số 6302/UBCK-QLCB ngày 08/07/2026 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MZG.	- Không có

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau khử tăng (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến kiểm toán
					- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 240701/2026/BC-HĐQT-MZ ngày 24/07/2026 của CTCP Miza. - Công văn số 7040/UBCK-QLCB ngày 29/07/2026 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MZG. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105028958 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 21/08/2026.	

Nguồn: CTCP Miza

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm 2024, 2025 và giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026:

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất ngày 21/07/2026:

Bảng số 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ %/VDL
1	Cổ đông trong nước	1.470	125.374.502	97,83%
	- Cá nhân	1.468	125.072.002	97,59%
	- Tổ chức	2	302.500	0,24%
	- Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0,00%
2	Cổ đông nước ngoài	8	2.782.561	2,17%
	- Cá nhân	6	1.333.531	1,04%
	- Tổ chức	2	1.449.030	1,13%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
TỔNG CỘNG (1+2+3)		1.478	128.157.063	100,00%

Nguồn: CTCP Miza

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: Căn cứ Công văn số 4755/UBCK-PTTT ngày 30/07/2024 của UBCKNN về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Miza, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 50%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 2,17% vốn điều lệ, theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/07/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính

Với tầm nhìn xa để nhận biết “giấy thái, giấy loại đang ngày càng trở thành nguồn nguyên

liệu chủ yếu trong sản xuất giấy”, cuối năm 2010, Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Miza đã đề ra định hướng chiến lược và quyết tâm phát triển theo hướng tái chế giấy thái một cách bền vững, nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Miza đang chú trọng vào ngành nghề chính là tái chế phế liệu để sản xuất ra sản phẩm giấy bao bì, bao gói cung cấp cho các nhà máy bao bì cả nước. Đây là một trong những ngành được nhà nước khuyến khích do giải quyết được vấn đề ô nhiễm môi trường, tái chế rác thải (giấy vụn các loại) để tạo ra sản phẩm tái sử dụng cho sản xuất và tiêu dùng. Lợi ích của ngành này là không thể phủ nhận và hoàn toàn dễ nhận thấy, như giúp bảo tồn rừng tự nhiên, giảm lượng khí thải CO₂, giảm chất thải rắn, giảm nước thải và cải thiện chất lượng nước. Các sản phẩm được tái chế từ giấy được sử dụng rộng rãi hiện nay đó là thùng carton, giấy in tạp chí, giấy kraft, lịch...

Với phương châm “Chất lượng tạo nên sự phát triển bền vững”, kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty Cổ phần Miza luôn phấn đấu để trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất tái chế giấy tại Việt Nam, đi đầu về sản lượng và chất lượng, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất về cung ứng sản xuất. Đồng thời, Công ty cũng không ngừng sáng tạo, cải tiến tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao với giá cạnh tranh, từ đó tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động; đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Các nhóm sản phẩm chính của Công ty hiện nay đang cung cấp bao gồm: Giấy mặt (Testliner) và Giấy sóng (Medium) chất lượng cao, Giấy Kraft, bột giấy tái chế. Các sản phẩm của Công ty đã được xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới... và được khẳng định bằng chính thương hiệu MIZA của mình trong ngành tái chế giấy và bao bì. Sự khẳng định đó được thể hiện bằng chính tên gọi MIZA và đó cũng chính là cam kết của Công ty với bạn hàng trong và ngoài nước.

a. Giấy mặt (Giấy Testliner)

Là một trong những sản phẩm chủ lực của Công ty, Giấy mặt, hay còn gọi giấy Testliner, là loại giấy dạng cuộn, không tẩy trắng, sản xuất từ nguyên liệu giấy tái chế với nhiều ứng dụng thiết thực như: làm thùng carton, túi giấy, bao bì giấy khác,... Sản phẩm có các kích thước 2.200 mm, 3.400 mm, 4.800 mm. Nguyên phụ liệu tạo ra giấy mặt:

- Giấy phế liệu OCC nội địa và nhập khẩu;
- Phẩm màu;
- Tinh bột sắn và các hóa chất phụ gia khác.

Hình số 3: Một số sản phẩm giấy mặt của Công ty





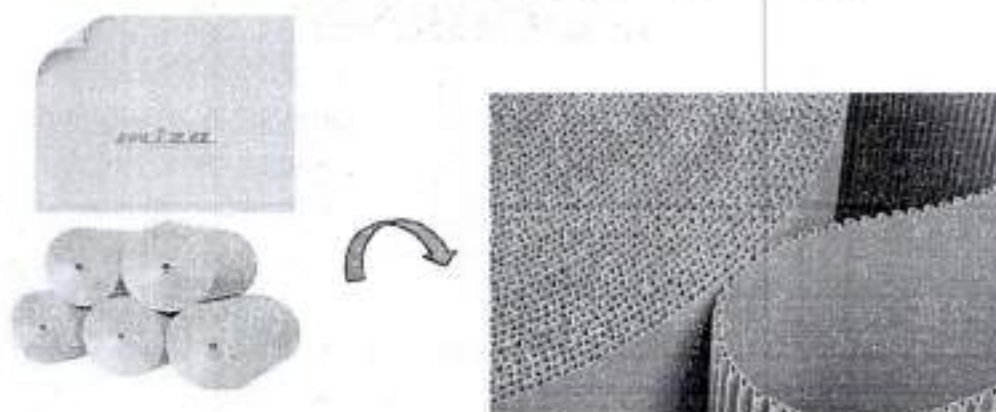
Nguồn: CTCP Miza

b. Giấy sóng (Giấy Medium)

Là giấy dạng cuộn, không tẩy trắng, sản xuất từ nguyên liệu giấy tái chế với nhiều ứng dụng như: Giấy làm thùng carton, túi giấy, bao bì giấy khác. Sản phẩm có các kích thước 2.200 mm, 3.400 mm, 4.800 mm. Nguyên phụ liệu tạo ra giấy sóng:

- Giấy phế liệu nội địa;
- Tinh bột sắn, chất trợ chống thấm.

Hình số 4: Một số sản phẩm giấy sóng của Công ty



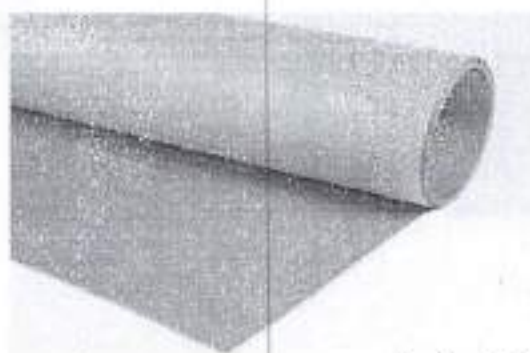
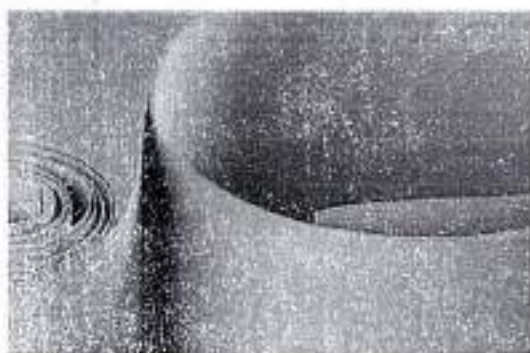
Nguồn: CTCP Miza

c. Giấy Kraftliner

Là sản phẩm chất lượng cao nhất, giấy dạng cuộn, không tẩy trắng, sản xuất từ nguyên liệu giấy tái chế phối hợp với tỉ lệ bột giấy nguyên sinh ở lớp ngoài cùng, bột giấy nguyên chất sẽ mang lại độ mịn, độ bền và độ bóng cho giấy, phù hợp với các sản phẩm yêu cầu chất lượng/ tiêu chuẩn cao với nhiều ứng dụng như: Giấy làm thùng carton, túi giấy, bao bì giấy khác. Sản phẩm có các kích thước 2.200 mm, 3.400 mm, 4.800 mm. Nguyên phụ liệu tạo ra giấy Kraftliner:

- Giấy phế liệu nội địa;
- Bột giấy nguyên sinh;
- Tinh bột sắn, chất trợ chống thấm.

Hình số 5: Một số sản phẩm giấy Kraftliner của Công ty



Nguồn: CTCP Miza

10.1.2. Quy trình sản xuất



(1) Nhận lệnh sản xuất:

Khởi Sản xuất sẽ căn cứ vào kế hoạch sản xuất từ phòng Kinh doanh và căn cứ vào quy định định mức vật tư, hóa chất để lập Lệnh sản xuất gửi cho các trưởng ca sản xuất, bộ phận kho lẻ và kho nguyên vật liệu, kế toán.

Trưởng ca phân xưởng sản xuất nhận lệnh sản xuất từ Giám đốc sản xuất và làm rõ các thông tin liên quan đến sản phẩm (nếu cần), thời gian hoàn thành...

(2) Kiểm tra nguyên liệu:

Trưởng ca phân xưởng trực tiếp hoặc phân công công nhân tiến hành kiểm tra:

- + Máy móc thiết bị sản xuất, các thiết bị phụ trợ.
- + Sự sẵn có của nguyên liệu, phụ gia, phẩm màu...
- + Công nhân vận hành dây chuyền và các vị trí phụ trợ

(3) Nhập liệu

Tổ nạp liệu căn cứ vào lệnh sản xuất nhận nguyên liệu từ thủ kho theo số lượng chủng loại. Ghi lại lượng nguyên vật liệu chính sử dụng.

(4) Nghiền thủy lực:

Quá trình nạp liệu, nghiền diễn ra liên tục, tùy theo chất lượng của nguyên liệu, chu kì cứ khoảng 1h dừng nạp liệu để bơm bột lên bể chứa. Sau khoảng 3h dừng nghiền để tiến hành vệ sinh thủy lực và tiếp tục một chu trình tiếp theo.

(5) Phân ly, sàng, lọc cát:

Bột từ bể chứa bơm qua lọc cát nồng độ cao; sàng thô; máy phân ly; sàng tách sợi; sàng tinh 2 cấp; lọc cát nồng độ thấp để làm sạch, loại bỏ các tạp chất có trong bột.

Cô đặc:

Bột sau khi làm sạch được đưa qua hệ thống cô đặc đạt nồng độ yêu cầu. Trong trường hợp không đạt, nhân viên KCS thông báo lại cho công nhân vận hành để điều chỉnh lại để đạt nồng độ bột yêu cầu:

- + Điều chỉnh lượng nước hoặc nguyên liệu cho phù hợp.
- + Vệ sinh lưới để đảm bảo cô đặc hiệu quả

(6) Bể chứa:

Bột sau cô đặc được chứa trong bể có khuấy trộn đều để đảm bảo sự ổn định về nồng độ cũng như chất lượng bột

Bơm pha loãng

Bột được pha loãng để đảm bảo quá trình hình thành đan dệt xơ sợi trên lưới được đồng đều.

(7) Bộ phận tiếp cận lưới:

Huyền phù bột tại các bể chứa được khuấy trộn đều, sau đó qua các bơm được đưa lên lưới, tại đây xảy ra các quá trình lọc và đan dệt xơ sợi. Định hình nên tính chất cơ bản của sản phẩm: như tính chất cơ lý, tính bề mặt.

Đối với giấy testliner, công đoạn bổ sung phẩm màu được điều chỉnh theo tỷ lệ thích hợp đạt màu giấy yêu cầu.

Băng giấy ướt sau khi ra khỏi bộ phận lưới đạt độ khô khoảng: 20-22%.

(8) Ép ướt:

Băng giấy ướt có độ khô 18-22% được đưa vào hệ thống ép ướt. Tại đây xảy ra quá trình thoát nước bằng lực ép cơ học. Giấy sau khi qua bộ phận ép đạt độ khô 45-55%, trước khi vào giai đoạn sấy.

(9) Sấy trước gia keo:

Giấy khi vào bộ phận sấy, ở đây dùng hơi nhiệt bão hòa với nhiệt độ khoảng 139°C được cung cấp từ lò hơi đốt than. Để sấy khô giấy của giấy đạt 92-95%.

(10) Gia keo:

Công đoạn gia keo bề mặt cung cấp dung dịch tinh bột sắn đã được hồ hóa (cắt mạch bằng chất cắt mạch-ABS và nhiệt) và hóa chất chống thấm (SS8280) hoặc AKD nhằm mục đích tăng tính chất cơ lý, tính cảm quan, tính chống thấm của sản phẩm. Các thông số được ghi vào:

(11) Sấy sau gia keo:

Có vai trò như sấy trước, giấy sau khi qua công đoạn ép keo có độ khô khoảng 70-75% được dẫn qua hệ thống sấy sau để sấy khô tới độ khô 92-95%.

(12) Vào cuộn:

Là công đoạn cuộn giấy trước khi chuyển sang công đoạn cắt cuộn lại.

(13) Kiểm tra:

Bộ phận sản xuất và bộ phận KCS có trách nhiệm kiểm tra các tính chất của giấy như: định lượng, tính cảm quan (bề mặt có nhẵn mịn, có tạp chất...), độ chống thấm, độ ẩm, tính chất cơ lý (độ bền, độ nén vòng) nhằm mục đích phân loại sản phẩm và phản ánh lại bộ phận sản xuất để có phương án xử lý kịp thời.

- Tần suất đo: 1 lần/cuộn giấy.
- Giấy sau khi qua công đoạn kiểm tra. Nếu đạt sẽ được chuyển sang công đoạn cắt cuộn lại, để cắt kích thước theo yêu cầu. Nếu như không đạt sẽ được lưu lại, đánh dấu riêng xin ý kiến cấp trên về cắt kích thước của Sản phẩm có tính chất kém hơn, hoặc hủy bỏ (quay lại làm nguyên liệu).

(14) Cắt cuộn lại:

Công đoạn cắt cuộn lại thành những cuộn nhỏ có kích thước theo yêu cầu, cân trọng lượng giấy thành phẩm và ghi chép các số liệu theo biểu mẫu

(15) Kiểm tra:

Bộ phận KCS tiến hành kiểm tra các tính chất như: định lượng, độ bền, độ chống thấm, tính cảm quan bề mặt, đường kính, kích thước cuộn..) và phân cấp sản phẩm trước khi đưa sản phẩm nhập kho.

(16) Nhập kho:

Bộ phận kho tiến hành nhập kho những sản phẩm đã được kiểm tra, nhân viên KCS kiểm tra ghi nhận vào **Tem sản phẩm**.

10.1.3. Công nghệ áp dụng

Dây chuyền sản xuất các sản phẩm giấy tại các nhà máy của Công ty được nhập khẩu đồng bộ chính hãng từ những đơn vị cung cấp máy móc thiết bị ngành giấy lớn trên thế giới.

Hiện nay, sản phẩm của Công ty được sản xuất trên những dây chuyền máy móc và công nghệ hiện đại có công suất lên tới 170.000 tấn/năm.

Đặc điểm nổi bật trong dây chuyền sản xuất của Công ty đó là đã được đầu tư đồng bộ chuyên sâu cả máy móc và phần mềm để tối ưu hóa khả năng vận hành hệ thống, giúp nhà sản xuất đạt tới những yêu cầu khó khăn nhất của khách hàng. Một số máy móc và công nghệ được ứng dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm giấy của Công ty bao gồm:

- Sàng tách sợi: Phân tách xơ sợi ngắn và dài, tận dụng triệt để nguồn xơ sợi tái chế tạo ra sản phẩm giấy sạch và mịn hơn so với công nghệ truyền thống.
- Hệ thống kiểm soát phân tán: Kiểm soát và tối ưu hóa quá trình vận hành hệ thống chuẩn bị bột, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm hao phí trong quá trình sản xuất.
- Máy xeo dài 3 lưới: Hình thành tờ giấy có chất lượng và tính chất cơ lý tốt.
- Hệ thống lô sấy 24 đường kính 1.800 mm: Tiết kiệm triệt để hơi tiêu hao và tạo tờ giấy có độ bóng, đàn hồi, chắc.

- Hệ thống QCS, tiết kiệm hơi: Kiểm soát chất lượng giấy và tối ưu hóa chế độ vận hành, giúp giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất.
- Hệ thống cắt cuộn: Cuộn giấy phẳng và chặt.

10.1.4. Nguyên vật liệu

Nguồn vật liệu chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm giấy phế liệu và các hóa chất phụ gia đi kèm.

Về nguồn giấy phế liệu: Theo thông tin từ Bộ Công Thương, tại Việt Nam gần 70% sản lượng giấy được sản xuất từ nguyên liệu tái chế. Tuy nhiên, nguồn cung cấp nguyên liệu rẻ tiền này một phần không từ hoạt động thu gom phế liệu ở trong nước mà phải nhập khẩu. Công ty Cổ phần Miza là một trong rất ít đơn vị có giấy phép nhập khẩu phế liệu, trung bình mỗi tháng Công ty nhập từ 3.500 - 4.000 tấn. Nhập khẩu chủ yếu tại các nước Anh Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Úc, Hàn Quốc, Singapore ...

Tại thời điểm lập bản cáo bạch, các nhà máy sản xuất của Công ty đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường còn hiệu lực, cho phép thực hiện các hoạt động sản xuất, xả thải và nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Cụ thể:

(a) Công ty Cổ phần Miza (Nhà máy Đông Anh)

- Giấy phép môi trường: Số 586/GPMT-BTNMT, do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/12/2024.
- Thời hạn: 07 năm, có hiệu lực từ ngày 27/12/2024 đến ngày 26/12/2031.

(b) Công ty TNHH Miza Nghi Sơn (Nhà máy Nghi Sơn)

- Giấy phép môi trường: Số 15/GPMT-BNNMT, do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp ngày 10/01/2026.
- Thời hạn: 07 năm, có hiệu lực từ ngày 10/01/2026 đến ngày 09/01/2033.

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các thủ tục gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định khi đến hạn, nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất, xả thải và nhập khẩu nguyên liệu được duy trì ổn định, liên tục và tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành.

Các loại giấy chính được nhập khẩu gồm giấy hộp carton cũ (OCC), giấy lẻ (rèo giấy, lẻ giấy - phế thải trong gia công...), giấy đứt. Mặc dù chất lượng giấy đã qua sử dụng nhập khẩu từ nước ngoài nhìn chung cao hơn chất lượng giấy trong nước. Tuy nhiên Công ty không chủ quan, mục tiêu nhập khẩu giấy đã qua sử dụng đạt tiêu chuẩn đặt lên hàng đầu. Bởi nếu nhập hàng không đạt tiêu chuẩn quy định, Công ty sẽ gặp rắc rối trong việc xử lý lô hàng. Chẳng hạn, Công ty buộc phải chấp hành lệnh kiểm tra của hải quan, nhiều trường hợp còn phải lấy mẫu giám định để kiểm tra lượng tạp chất... Để tránh bị thiệt 15%-35% giá trị lô hàng nhập khẩu, Công ty Cổ phần Miza phải chọn giải pháp an toàn là nhập khẩu giấy đã qua sử dụng đạt tiêu chuẩn. Đồng thời, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, dự đoán trước tình hình biến động của nguồn nguyên liệu giấy đã qua sử dụng, đàm phán hợp đồng với các nhà cung cấp đảm bảo nguồn cung cả về số lượng, chất lượng và giá thành. Bên cạnh đó, Công ty luôn có lượng dự trữ giấy phế liệu nhất định. Cụ thể, nếu như một ngày sản xuất được 150 tấn giấy bao bì cần khoảng 170 tấn giấy đã qua sử dụng. Một tháng sử dụng trung bình hết 5.000 - 5.500 tấn giấy đã qua sử dụng. So với số lượng nhập, Công ty để kho dự trữ khoảng 1.000 - 2.000 tấn nguyên liệu giấy đã qua sử dụng. Với nguồn

nguyên liệu dồi dào và các đối tác có mối quan hệ lâu dài, Miza cam kết giá nguyên liệu chính luôn được giữ trong mức ổn định trong vòng 1 năm.

TT	Nội dung	DVT	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Sản lượng giấy phế liệu nhập khẩu	Tấn	66.280	42.591	18.350
2	Thuế nhập khẩu ^(*)	Triệu đồng	0	0	0
3	Thuế GTGT hàng nhập khẩu (giấy phế liệu)	Triệu đồng	20.747	15.125	5.197

(*) Về thuế nhập khẩu: Căn cứ Biểu thuế NK ưu đãi ban hành và sửa đổi (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn có liên quan) áp dụng khi có C/O FTA hợp lệ là 0%.

Nguồn: CTCP Miza

Về nguồn Hóa chất: Việc chống thấm cho giấy, độ bục, độ nén vòng đặc biệt cho giấy bao bì, giấy in... là yêu cầu tất yếu mà các nhà sản xuất phải tuân theo. Nhưng cách thức chống thấm như thế nào, độ bục ra sao hay độ nén vòng ở mức bao nhiêu để vừa tiện lợi vừa kinh tế lại luôn là thách thức mà các nhà máy sản xuất giấy quan tâm. Các hóa chất thường được sử dụng cho mục đích là keo AKD, tinh bột sắn, hóa chất. Tùy theo từng yêu cầu của khách hàng về chất lượng giấy, Công ty sử dụng liều lượng hóa chất khác nhau để cho ra những sản phẩm theo đúng kỳ vọng khách hàng. Việc sử dụng hóa chất phải phù hợp với công nghệ và tiêu chuẩn sản xuất giấy của Công ty, nâng cao các đặc tính của giấy và đáp ứng được đa dạng nhu cầu sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau. Cũng giống như các loại hóa chất công nghiệp khác, việc tìm được đúng nhà cung cấp có nguồn hàng chất lượng và ổn định, kèm hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu là yêu cầu then chốt. Vì lợi ích cao nhất của khách hàng, Công ty Cổ phần Miza luôn tìm kiếm và hợp tác với những nhà cung cấp có uy tín trên thị trường như Thuận Phát Hưng, Bắc Kỳ, Đại Thịnh, SCG, ... và ký kết hợp đồng hợp tác lâu dài.

Tại Việt Nam, tỉ lệ giấy đã sử dụng thu hồi được so với tổng lượng giấy tiêu dùng chỉ ở mức khoảng 60%, ở mức thấp so với các nước trong khu vực và chưa có quy định về việc thu gom giấy đã qua sử dụng. Vì vậy, để tận dụng nguồn nguyên liệu nội địa cũng như giảm áp lực rác thải giấy đến môi trường thì bên cạnh nguồn giấy phế liệu nhập khẩu, Công ty vẫn bổ sung nhập nguyên liệu trong nước nhưng đặt tiêu chuẩn khắt khe, đảm bảo sản phẩm đầu ra giữ vững được uy tín của Công ty. Với vị trí địa lý cách trung tâm thủ đô Hà Nội 20 km về phía Bắc, gần sân bay Nội Bài, xung quanh là các khu công nghiệp: Thăng Long, Quang Minh, Nội Bài, Đông Anh nên giao thông vô cùng thuận lợi. Từ Công ty, các tuyến đường kết nối tới các tỉnh bao gồm: Cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long/ Quốc lộ Cao tốc 18 qua Nội Bài đi Bắc Ninh, Quảng Ninh, Quốc lộ 2 đi Phú Thọ; Quốc lộ 3 đi Thái Nguyên, Cao Bằng,... Quốc lộ 5 đi Hải Phòng (chỉ mất 1 giờ 30 phút đến cảng Hải Phòng) dễ dàng trong việc vận chuyển và thu mua nguồn nguyên liệu các tỉnh phía Bắc. Mỗi tháng, Công ty nhập trung bình 2.500 tấn đến 3.000 tấn từ nguồn nguyên liệu trong nước và nhập chủ yếu ở các tỉnh như: Phú Thọ, Bắc Ninh, Hưng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An,...

Bảng số 4: Danh mục một số nguyên vật liệu chính trong sản xuất

STT	Nguyên vật liệu chính	Đặc tính	Khối lượng bình quân/năm
1	Giấy vụn	Bột giấy để hình thành giấy thành phẩm	52.000 tấn
2	Tinh bột sắn	Làm chất phủ gia keo lên bề mặt giấy	1.500 tấn
3	Keo AKD	Tăng khả năng kháng nước của giấy	300 tấn
4	Chất chống thấm	Tăng khả năng kháng nước của giấy	80 tấn

Nguồn: CTCP Miza

Bảng số 5: Danh mục các nguyên vật liệu phụ trong sản xuất

STT	Nguyên vật liệu phụ	Khối lượng bình quân/năm
1	Phên đơn	90 Tấn
2	Chất cắt mạch	2,8 Tấn
3	Chất giặt chần, lưới	0,67 Tấn
4	Chất diệt khuẩn	1 Tấn
5	Phẩm màu vàng	60 Tấn
6	Phẩm đỏ	10 Tấn
7	Lõi giấy	190 Tấn

Nguồn: CTCP Miza

Bảng số 6: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty

STT	Tên nhà cung cấp	Quốc gia	Sản phẩm cung cấp
1	AHRIM CORPORATION	Hàn Quốc	Giấy phế liệu
2	Sino Paper Limited	Mỹ	Giấy phế liệu
3	Paper Link International Limited	Anh	Giấy phế liệu
4	JC Horizon Ltd	Mỹ	Giấy phế liệu
5	Tay Payper Recycling	Singapore	Giấy phế liệu
6	Công ty TNHH Thuận Phát Hưng	Việt Nam	Hóa chất giấy
7	Công ty Cổ phần Bao Bì Hoàng Hải Việt Nam	Việt Nam	Giấy phế liệu
8	Xi Nghiệp Lam Kinh - Chi nhánh tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng	Việt Nam	Tinh Bột Sắn
9	Công ty TNHH SCG International Corporation Vietnam	Việt Nam	Tinh Bột Sắn
10	CTCP Kinh doanh thương mại Thành Long	Việt Nam	Giấy phế liệu

Nguồn: CTCP Miza

10.1.5. Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng luôn là một trong những tiêu chí hàng đầu của Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn, đặt trọng tâm vào con người và đầu tư máy móc trang thiết bị kiểm tra tiêu chuẩn với độ chính xác tuyệt đối. Công ty là một trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực sản xuất tái chế giấy miền Bắc, hiện tại Công

ty đang áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và Chương trình "Sản xuất sạch hơn", Chương trình "5S" của Nhật Bản với các tiêu chí "Sàng lọc, Sắp xếp, Săn sóc, Sạch sẽ, Sẵn sàng. Riêng hệ thống tiêu chuẩn ISO đã được Miza áp dụng từ nhiều năm. Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm đến hiệu quả quản lý và chính sách chất lượng: Hệ thống quản lý của Công ty luôn được cải tiến để phù hợp với yêu cầu phát triển và được các tổ chức chứng nhận uy tín quốc tế như FSC (Forest Stewardship Council)- trụ sở chính tại Đức, BVQI (Bureau Veritas Quality International) trụ sở chính tại Pháp và QUACERT (Vietnam Certificate Centre) tại Việt Nam đánh giá giám sát công nhận phù hợp các Tiêu chuẩn quốc tế như FSC; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015. Vì vậy, các sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao và được ưu tiên từ các bạn hàng trong và ngoài nước, có thể thâm nhập được vào cả những thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ, châu Âu....

Hiện nay, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 chứng nhận vận hành hệ thống quản lý ở phạm vi sản xuất giấy bao bì từ nguyên liệu tái chế. ISO 9001 là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng do Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) ban hành. Việc áp dụng ISO 9001 đã giúp cho Công ty tạo được cách làm việc khoa học, sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian và giảm chi phí phát sinh do xảy ra những sai sót trong công việc, đồng thời làm cho năng lực trách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên nâng lên rõ rệt. Công ty có hệ thống kiểm soát chất lượng bài bản, chặt chẽ, có Trung tâm QCS/QC với các trang thiết bị kiểm tra, đo lường hiện đại phục vụ kiểm soát chất lượng và nghiên cứu khoa học, do đó góp phần hạ thấp chi phí gián tiếp sản phẩm và chi phí kinh doanh. Chi tiết các hệ thống trong Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty gồm:

a. Hệ thống điều khiển DCS - Kiểm tra chất lượng QCS:

- Công ty đầu tư hệ thống kiểm soát phân tán DCS, kiểm soát chất lượng sản phẩm QCS cung cấp bởi Công ty GAODA (Trung Quốc) dựa trên công nghệ bản quyền của hãng SIEMENS.
- Mục đích: Kiểm tra định lượng, độ ẩm liên tục trên chuyền kiểm soát sự ổn định chất lượng theo yêu cầu khách hàng.
- Thông số kỹ thuật:
 - Dải khổ đo: 3.400 - 4.800 mm
 - Định lượng đo: 90 - 250 g/m²
 - Độ ẩm: 5 - 12%
 - Sử dụng hệ điều hành của PCS7 V9.0 của Siemens. (Thiết bị được nhập khẩu từ Công ty TNHH KH & KT Gaoda).
- Ưu điểm của hệ thống DCS và QCS là đảm bảo tăng khả năng kiểm soát chất lượng (Sai số định lượng 2%, Sai số độ ẩm 1%, Tối đa hóa tính chất cơ lý của tờ giấy, Giảm đứt giấy và mối nối); Tăng công suất cho dây: Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hóa chế độ vận hành; Giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất, giúp quá trình sản xuất thuận lợi hơn với môi trường.

b. Hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm:

Song song kiểm tra chất lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm: Kiểm soát chất lượng (Sai số định lượng 2%, Sai số độ ẩm 1%), tối đa hóa lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm và

hỗ trợ đặc lực cho hệ thống DCS, QCS. Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm: Kiểm soát chất lượng (sai số định lượng 2%, sai số độ ẩm 1%), tối đa hóa lượng sản phẩm.

- Kiểm tra độ chịu bụi:
 - Mục đích: Đo một trong những chỉ số kiểm soát quan trọng đến chất lượng giấy thành phẩm.
 - Phương pháp kiểm tra: Máy có tính năng hoàn toàn tự động (kiểm tra độ bụi chỉ bằng các thao tác bấm phim trên màn hình). Máy bắn bụi PNShar có thêm chức năng in nhiệt, in kết quả sau khi đo. Thích hợp kiểm tra độ bụi nhà máy sản xuất giấy.
 - Thông số kỹ thuật:
 - Thang đo: 70 - 1.400 kPa
 - Tốc độ nén: 95 ± 5 ml/phút
 - Độ chính xác: $\geq 99,5$
 - Kích thước màng: Cao 0,8-0,9 mm
 - Kích thước kẹp: Trên: $31,5 \pm 0,05$ mm
 - Dưới: $31,5 \pm 0,05$ mm
 - Bộ chuyển đổi thủy lực: = 690 kpa
 - Màn hình cảm ứng LCD lớn, dễ dàng thao tác
 - Phần cứng và phần mềm tích hợp các chứng năng kết nối PC, truyền thông dữ liệu mở rộng.
 - Chuẩn quốc tế ISO 2758.
- Kiểm tra độ chống thấm Cobb:
 - Mục đích: Để đo độ hấp thụ nước của giấy, một trong những chỉ số kiểm soát quan trọng đến chất lượng giấy thành phẩm.
 - Thông số kỹ thuật:
 - Diện tích đo: $100 \pm 0,2 \text{ cm}^2$
 - Dung tích đo: 100 ± 5 ml
 - Chiều dài con lăn: $200 \pm 0,5$ mm
 - Khối lượng con lăn: $10 \text{ kg} \pm 0,5 \text{ kg}$
 - Kích thước: $396 \times 315 \times 300$ mm
 - Trọng lượng: khoảng 32kg.
 - Chuẩn quốc tế ISO535, GB/T1668, GB/T 1540, TAPPI 441.
- Kiểm tra độ nén vòng:
 - Mục đích: Dùng để kiểm tra độ nén vòng (RCT), nén cạnh (ECT), nén phẳng (FCT), tách lớp (PAT), nếp uốn / nếp sóng (CMT). Một trong những chỉ số kiểm soát quan trọng đến chất lượng giấy thành phẩm.
 - Thông số kỹ thuật:
 - Khoảng đo: 0-3000N;
 - Tốc độ nén: 12,5mm/min (0-40mm/min có thể được điều chỉnh), trở về vận tốc: 0- 40,0 mm/phút (có thể được thiết lập ngẫu nhiên);
 - Màn hình lớn: giúp dễ thao tác hơn, ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và LCD, cảm ứng;

- Máy in: in nhiệt, tốc độ cao và không có tiếng ồn;
 - Kết quả kiểm tra có thể được đo lường, thống kê và in tự động và dữ liệu có thể được lưu lại;
 - Màn hình hiển thị LCD màu xanh, có thể được hiển thị thời gian và tài thực, CT300F có thể hiển thị đồ thị, nhiều tính năng truyền thông dữ liệu có thể mở rộng (như phần mềm kết nối PC, kết nối wifi...).
- Thiết bị sử dụng: Máy kiểm tra độ chịu bức.
 - Chuẩn quốc tế ISO 3035. ISO 3037. ISO 7263. GB/T 2679,8, GB/T 6546-1998, GB/T 6548, GB/T 2679.

10.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm giấy phục vụ trong lĩnh vực tái chế và sản xuất giấy, bao bì,... Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không mang tính thời vụ mà diễn ra liên tục trong năm.

10.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong giai đoạn từ năm 2024 đến 6 tháng đầu năm 2026

Bảng số 7: Sản lượng sản xuất hợp nhất của Công ty

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Giấy Medium	Tấn	66.735	63.552	23.450
2	Giấy Testliner	Tấn	123.288	128.982	68.994
3	Giấy Kraftliner	Tấn	18.423	20.357	11.684
4	Bột giấy tái chế	Tấn	8.932	1.696	0
Tổng cộng			217.378	214.587	104.128

Nguồn: CTCP Miza

Cơ cấu sản phẩm chính của Công ty bao gồm giấy Testliner, Medium, Kraftliner và bột giấy tái chế. Trong các năm gần đây, sản lượng sản phẩm sản xuất của Công ty có xu hướng tăng ổn định, đặc biệt đối với nhóm sản phẩm giấy Testliner và Kraftliner - là hai dòng sản phẩm có biên lợi nhuận tốt hơn và nhu cầu tiêu thụ tăng tại thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

Năm 2024, tổng sản lượng sản xuất đạt 217.378 tấn, trong đó sản lượng giấy Testliner đạt 123.288 tấn và tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất, cho thấy định hướng tập trung sản xuất vào dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Sản lượng giấy Kraftliner đạt 18.423 tấn, trong khi sản lượng giấy Medium đạt 66.735 tấn.

Năm 2025, tổng sản lượng sản xuất ghi nhận đạt 214.587 tấn, giảm nhẹ so với năm 2024. Trong đó, sản lượng giấy Testliner tăng lên 128.982 tấn và giấy Kraftliner tăng lên 20.357 tấn, cho thấy định hướng duy trì và phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng. Ngược lại, sản lượng giấy Medium giảm xuống 63.552 tấn và bột giấy tái chế giảm mạnh còn 1.696 tấn, phản ánh việc điều chỉnh cơ cấu sản xuất.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng sản lượng sản xuất đạt 104.128 tấn, giảm đáng kể so với năm 2025. Trong đó, sản lượng giấy Testliner đạt 68.994 tấn, tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm. Sản lượng giấy Medium đạt 23.450 tấn và giấy Kraftliner đạt 11.684 tấn, cùng giảm so với năm trước, phản ánh sự thu hẹp quy mô sản xuất. Đồng thời, không còn sản

xuất bột giấy tái chế, cho thấy Công ty tiếp tục điều chỉnh cơ cấu sản phẩm và tập trung nguồn lực vào các dòng giấy thành phẩm.

Công ty đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao sản lượng giấy tái chế chất lượng cao, tăng tỷ trọng giấy xuất khẩu và từng bước giảm dần sản xuất bột giấy nội bộ để tối ưu chi phí nguyên liệu. Cơ cấu sản phẩm hiện tại phù hợp với định hướng tiêu thụ tại thị trường nội địa và nhu cầu quốc tế về bao bì thân thiện môi trường, nhờ đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị sản xuất trong các kỳ tới.

Bảng số 8: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		% Tăng (giảm) 2025-2024
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu bán thành phẩm	1.914.180	43,06	2.040.761	42,27	1.033.582	43,65	6,61
Doanh thu bán hàng hóa	2.530.687	56,94	2.781.954	57,62	1.326.143	56,01	9,93
Doanh thu cho thuê tài sản	-	-	5.090	0,11	8.015	0,34	-
Tổng cộng	4.444.867	100,00	4.827.805	100,00	2.367.740	100,00	8,62

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Trong giai đoạn năm 2024 - 2025 và cập nhật đến hết ngày 30/06/2026, doanh thu thuần hợp nhất của Công ty duy trì xu hướng tăng trưởng, đạt 4.444.867 triệu đồng năm 2024 và 4.827.805 triệu đồng năm 2025 (tăng 8,62%). Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần ghi nhận 2.367.740 triệu đồng, phản ánh quy mô hoạt động tiếp tục được duy trì ổn định trong kỳ đầu năm.

Cơ cấu doanh thu tiếp tục thể hiện xu hướng dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng hoạt động thương mại. Cụ thể, doanh thu từ bán hàng hóa tăng từ 2.530.687 triệu đồng năm 2024 lên 2.781.954 triệu đồng năm 2025 (tăng 9,93%), qua đó nâng tỷ trọng trong tổng doanh thu thuần từ 56,94% lên 57,62%. Đến hết nửa đầu năm 2026, doanh thu bán hàng hóa đạt 1.326.143 triệu đồng, chiếm 56,01% tổng doanh thu thuần. Hoạt động thương mại - bao gồm kinh doanh giấy và nguyên vật liệu ngành giấy - tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng quy mô doanh thu và hỗ trợ tăng trưởng ngắn hạn của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh các dự án đầu tư sản xuất đang trong quá trình triển khai hoặc tối ưu công suất.

Đối với hoạt động sản xuất, doanh thu bán thành phẩm (bao gồm các sản phẩm như giấy Medium, Testliner, Kraftliner và các sản phẩm giấy tái chế khác) ghi nhận mức tăng trưởng ổn định, từ 1.914.180 triệu đồng năm 2024 lên 2.040.761 triệu đồng năm 2025 (tăng 6,61%), với tỷ trọng tương ứng giảm nhẹ từ 43,06% xuống 42,27% do tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với hoạt

động thương mại. Tính tới ngày 30/06/2026, doanh thu bán thành phẩm đạt 1.033.582 triệu đồng, chiếm 43,65% tổng doanh thu thuần, cho thấy đóng góp của mảng sản xuất có xu hướng cải thiện trong kỳ. Sự biến động về tỷ trọng giữa các mảng phản ánh đặc điểm hoạt động của Công ty, trong đó hoạt động thương mại có khả năng mở rộng linh hoạt hơn trong ngắn hạn, trong khi hoạt động sản xuất tăng trưởng theo lộ trình đầu tư và vận hành công suất.

Xét về hiệu quả, hoạt động thương mại có biên lợi nhuận gộp thấp hơn so với hoạt động sản xuất do đặc thù mua đi bán lại, chịu tác động trực tiếp từ biến động giá nguyên vật liệu, chi phí logistics và mức độ cạnh tranh thị trường. Trong khi đó, hoạt động sản xuất tạo ra giá trị gia tăng cao hơn nhờ khả năng kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguyên liệu và lợi thế quy mô. Do đó, việc duy trì tỷ trọng lớn của doanh thu bán hàng hóa có thể tạo áp lực nhất định lên biên lợi nhuận gộp hợp nhất trong kỳ. Phân tích chi tiết về lợi nhuận gộp được trình bày tại Bảng 9.

Trong định hướng trung và dài hạn, Công ty tiếp tục tập trung phát triển hoạt động sản xuất thông qua đầu tư các dây chuyền mới và nâng cao hiệu quả vận hành, qua đó gia tăng tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao và cải thiện hiệu quả sinh lời.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác và các khoản giảm trừ doanh thu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu thuần và không ảnh hưởng trọng yếu đến cơ cấu doanh thu của Công ty.

Trong năm 2025, Công ty cũng phát sinh doanh thu đến từ cho thuê tài sản với giá trị 5.090 triệu đồng (chiếm 0,11%) từ hoạt động cho thuê máy móc thiết bị và dịch vụ khác. Đến hết ngày 30/06/2026, doanh thu từ cung cấp dịch vụ đã đạt 8.015 triệu đồng, cao hơn 57,47% so với cả năm 2025, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Thời hạn cung cấp dịch vụ	Doanh thu năm 2025 (VND)	Doanh thu 6 tháng đầu năm 2026 (VND)
1	Cho thuê Hệ thống máy in 8 màu	60 tháng từ 01/01/2025 đến 31/12/2029	3.180.000.000	1.620.000.000
2	Cho thuê Máy ghim 2 mảnh	60 tháng từ 01/01/2025 đến 31/12/2029	510.000.000	270.000.000
3	Cung cấp dịch vụ thực hiện trách nhiệm tái chế và dịch vụ khác	-	1.400.087.450	6.124.821.362
	Tổng cộng	-	5.090.087.450	8.014.821.362

Nguồn: CTCP Miza

Cơ cấu lợi nhuận gộp tiếp tục phản ánh mức độ linh hoạt trong chiến lược phân bổ giữa mảng sản xuất và thương mại của Công ty.

Bảng số 9: Lợi nhuận gộp (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		% Tăng / (giảm) 2025-2024
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	259.006	76,75	321.898	80,24	195.518	80,73	24,28
Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa	78.458	23,25	76.648	19,11	39.896	16,47	-2,31
Lợi nhuận gộp từ cho thuê tài sản	-	0,00	2.604	0,65	6.772	2,80	-
Tổng cộng	337.464	100	401.150	100	242.186	100	18,87

Nguồn: CTCP Miza

Lợi nhuận gộp năm 2024 được hình thành chủ yếu từ hoạt động bán thành phẩm (259.506 triệu đồng, chiếm 76,90%) và bán hàng hóa (77.958 triệu đồng, chiếm 23,10%), cho thấy hoạt động sản xuất tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong đóng góp lợi nhuận.

Trong năm 2025, tổng lợi nhuận gộp của Công ty đạt 401.151 triệu đồng, tăng 18,87% so với năm 2024. Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm đạt 321.899 triệu đồng (tăng 24,04%), nâng tỷ trọng lên 80,24%, qua đó củng cố vai trò chủ lực của hoạt động sản xuất. Trong khi đó, lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa giảm nhẹ 1,68%, đạt 76.647 triệu đồng, làm tỷ trọng giảm xuống còn 19,11%. Công ty đồng thời ghi nhận thêm lợi nhuận gộp từ dịch vụ khác với giá trị 2.605 triệu đồng, chiếm 0,65%.

Mức tăng lợi nhuận gộp năm 2025 (tăng 24,4% so với năm 2024) chủ yếu đến từ mảng bán thành phẩm, phản ánh sự cải thiện về hiệu quả sản xuất và kiểm soát giá vốn. Trong khi đó, mảng thương mại có mức đóng góp ổn định nhưng biên lợi nhuận thấp, do đặc thù hoạt động mua bán, cụ thể:

- + Lợi nhuận gộp từ mảng bán thành phẩm (là sản phẩm sản xuất của Công ty) năm 2025 đạt 321,9 tỷ đồng, tăng thêm khoảng 62,4 tỷ đồng lợi nhuận gộp, chiếm 80,24% trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty, là nhân tố đóng góp chủ yếu cho mức tăng lợi nhuận gộp hợp nhất. Tỷ trọng lợi nhuận gộp từ mảng này tăng từ 76,9% lên 80,24% và biên lợi nhuận gộp tăng từ 13,53% (2024) lên 15,77% (năm 2025), cho thấy MZG đang tạo lợi nhuận rất tốt từ hoạt động sản xuất chính thông qua việc sản xuất trực tiếp các sản phẩm từ giấy Medium, Testliner, Kraftliner và sản phẩm tái chế khác để cung ứng ra thị trường.

- + Trong khi đó, mảng bán hàng hóa (là hoạt động thương mại, mua đi bán lại) gần như không đóng góp vào tăng trưởng vì lợi nhuận gộp giảm nhẹ từ 78,0 tỷ xuống 76,6 tỷ đồng cùng Biên lợi nhuận gộp rất thấp (dưới 3%).

Do vậy, doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận gộp cải thiện mạnh chủ yếu đến từ cơ cấu sản phẩm giấy tốt hơn, giá bán/đầu ra tốt hơn, kiểm soát giá vốn tốt hơn và hiệu suất sản xuất cải thiện. MZG không chỉ tăng doanh thu, mà còn cải thiện chất lượng doanh thu. Lợi nhuận gộp tăng nhanh hơn doanh thu vì mảng bán thành phẩm có biên lợi nhuận cao hơn và đóng góp lớn hơn, trong khi giá vốn được kiểm soát tốt hơn.

Đến hết nửa đầu năm 2026, tổng lợi nhuận gộp của Công ty đạt 243.195 triệu đồng. Tuy nhiên, mảng bán thành phẩm vẫn đóng góp tỷ trọng lớn, đạt 195.519 triệu đồng và chiếm tỷ trọng 81,40%. Lợi nhuận gộp từ mảng bán hàng hóa đạt 40.903 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 16,82%. Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác cũng tăng trưởng so với năm 2025, đóng góp 6.772 triệu đồng, chiếm 2,75% tổng lợi nhuận gộp.

Nhìn chung, cơ cấu lợi nhuận gộp có xu hướng chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng từ hoạt động sản xuất – mảng có biên lợi nhuận cao hơn, trong khi hoạt động thương mại duy trì vai trò hỗ trợ doanh thu. Xu hướng này phản ánh chất lượng lợi nhuận được cải thiện, phù hợp với định hướng tập trung vào hoạt động cốt lõi của Công ty.

Bảng số 10: Cơ cấu Tổng doanh thu Công ty qua các năm (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		% Tăng / (giảm) 2025-2024
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	4.444.867	99,51	4.827.804	99,36	2.367.739	99,15	8,62
2	Doanh thu hoạt động tài chính	19.450	0,44	28.247	0,58	17.912	0,75	45,23
3	Thu nhập khác	2.307	0,05	2.624	0,05	2.492	0,10	13,74
Tổng		4.466.624	100	4.858.675	100	2.388.143	100	8,78

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Trong giai đoạn năm 2024–2025 và cập nhật đến hết Quý II năm 2026, tổng doanh thu hợp nhất của Công ty duy trì xu hướng tăng trưởng, đạt 4.466.624 triệu đồng năm 2024 và 4.858.676 triệu đồng năm 2025 (tăng 8,78%). Trong nửa đầu năm 2026, tổng doanh thu ghi nhận 2.388.151 triệu đồng, cho thấy quy mô doanh thu tiếp tục được duy trì ổn định trong kỳ đầu năm.

Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục là nguồn đóng góp chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu, đạt 4.444.867 triệu đồng năm 2024 và 4.827.805 triệu đồng năm 2025 (tăng 8,62%), tương ứng chiếm tỷ trọng 99,51% và 99,37%. Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần đạt 2.367.739 triệu đồng, chiếm 99,15% tổng doanh thu. Cơ cấu này phản ánh đặc thù hoạt động của Công ty với trọng tâm là sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm giấy và nguyên vật liệu ngành giấy.

Doanh thu hoạt động tài chính ghi nhận xu hướng tăng trưởng, từ 19.450 triệu đồng năm 2024 lên 28.247 triệu đồng năm 2025 (tăng 45,23%), với tỷ trọng tăng từ 0,44% lên 0,58%. Tính đến ngày 30/06/2026, doanh thu tài chính đạt 17.912 triệu đồng, chiếm 0,75% tổng doanh thu, chủ yếu phát sinh từ lãi tiền gửi và chênh lệch tỷ giá. Mặc dù có xu hướng gia tăng, tỷ trọng doanh thu tài chính vẫn duy trì ở mức thấp, cho thấy Công ty không phụ thuộc vào nguồn thu này mà tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Thu nhập khác duy trì ở mức thấp và không biến động đáng kể, đạt 2.307 triệu đồng năm 2024 và 2.624 triệu đồng năm 2025 (tăng 13,74%), chiếm tỷ trọng khoảng 0,05% tổng doanh thu. Trong nửa đầu năm 2026, thu nhập khác ghi nhận 2.492 triệu đồng, tương ứng 0,10% tổng doanh thu. Các khoản mục này chủ yếu mang tính chất không thường xuyên, bao gồm thu từ thanh lý tài sản và các khoản thu nhập phát sinh khác.

Tổng thể, cơ cấu doanh thu của Công ty duy trì ổn định theo hướng tập trung vào hoạt động sản xuất – thương mại chính, với tỷ trọng doanh thu thuần luôn duy trì ở mức xấp xỉ 99% tổng doanh thu qua các kỳ. Việc tỷ trọng doanh thu tài chính và thu nhập khác ở mức thấp phản ánh chất lượng doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động cốt lõi, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Bảng số 11: Cơ cấu Tổng doanh thu Công ty qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		% Tăng/ (giảm) 2025-2024
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	1.310.455	96,11	1.453.690	96,34	679.788	94,91	10,93
2	Doanh thu hoạt động tài chính	52.944	3,88	54.851	3,64	36.374	5,08	3,60
3	Thu nhập khác	29	-	372	0,02	102	0,01	1.182,76
Tổng		1.363.428	100	1.508.913	100	716.264	100	10,67

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Tổng doanh thu riêng năm 2025 của Công ty đạt 1.508.913 triệu đồng, tăng 10,67% so với năm 2024.

Trong cơ cấu Tổng Doanh thu, Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD chính chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng trưởng ổn định qua các năm. Doanh thu hoạt động tài chính, chủ yếu là thu nhập tài chính từ tối ưu hóa dòng tiền, cũng đóng góp tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu, tỷ trọng của hoạt động này chiếm lần lượt 3,88%, và 3,64% và 5,08% trong năm 2024, 2025 và trong nửa đầu năm 2026.

10.4. Tài sản cố định

Bảng số 12: Tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Chi tiết	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	1.618.750	1.191.946	1.806.167	1.269.610	1.865.535	1.260.404
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	623.226	544.920	624.267	528.716	626.409	522.534
2	Máy móc thiết bị	959.051	635.960	1.145.427	733.268	1.202.557	731.423
3	Phương tiện vận tải	29.275	7.961	29.275	5.364	29.232	4.476
4	Thiết bị văn phòng	2.348	728	2.348	335	2.488	315
5	TSCĐ khác	4.850	2.377	4.850	1.928	4.850	1.656
II	TSCĐ thuê tài chính	493.337	410.708	298.973	254.535	249.420	207.362
Tổng cộng		2.112.087	1.602.654	2.105.140	1.524.145	2.114.955	1.467.766

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng nguyên giá tài sản cố định hợp nhất của Công ty đạt 2.112.087 triệu đồng, giá trị còn lại 1.602.654 triệu đồng, trong đó tài sản cố định hữu hình chiếm tỷ trọng chủ yếu, tập trung ở máy móc thiết bị và nhà xưởng phục vụ sản xuất.

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nguyên giá tài sản cố định đạt 2.105.140 triệu đồng, giá trị còn lại 1.524.145 triệu đồng. Tài sản cố định hữu hình tiếp tục tăng, phản ánh hoạt động đầu tư vào máy móc thiết bị, trong khi tài sản thuê tài chính giảm do thực hiện khấu hao và nghĩa vụ thuê.

Tại thời điểm 30/06/2026, tổng nguyên giá tài sản cố định đạt 2.114.955 triệu đồng, giá trị còn lại 1.467.766 triệu đồng. Cơ cấu tài sản không biến động đáng kể; tài sản cố định hữu hình duy trì xu hướng tăng nhẹ, trong khi tài sản thuê tài chính ổn định.

Nhìn chung, danh mục tài sản cố định tập trung vào tài sản phục vụ sản xuất, phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty; biến động giá trị chủ yếu do đầu tư bổ sung và khấu hao theo quy định.

Quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của Công ty được theo dõi và phân bổ tại khoản mục chi phí trả trước dài hạn.

Dưới đây là danh sách tài sản cố định lớn của CTCP Miza:

Thông tin chi tiết nhà xưởng, vật kiến trúc có giá trị lớn tại thời điểm 30/06/2026 của Công ty như sau:

DVT: VND

TT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Dây chuyền 1 NM giấy Miza Đông Anh	10.498.864.418	4.261.609.074
1	Nhà xưởng sản xuất	3.148.435.074	1.322.342.658
2	Nhà văn phòng, bếp ăn	1.954.287.540	1.323.398.434
3	Hàng rào	912.172.443	383.112.393
4	Trạm điện	905.407.575	380.271.225
5	San nền	876.541.546	368.147.476
6	Nhà xưởng vật kiến trúc khác	2.702.020.240	484.336.888
II	Dây chuyền 2 NM giấy Miza Đông Anh	77.574.548.089	39.517.754.638
1	Xây Dựng Nhà Xưởng	45.107.931.374	29.470.515.190
2	Sân tập kết hàng	7.016.139.091	1.239.517.882
3	Nhà ở Công Nhân	6.304.204.676	4.228.195.091
4	Hạng mục bể xử lý nước thải	4.495.437.180	2.565.521.050
5	Khu nhà vệ sinh	2.581.152.551	150.567.186
6	Bể xử lý nước thải	2.337.803.981	995.731.314
7	Nhà xưởng khác	9.731.879.236	867.706.925
III	Nhà xưởng bổ sung hoạt động SXKD Nhà máy Miza Đông Anh	9.109.461.579	6.520.424.841
1	Cải tạo Mái nhà máy giấy Miza	2.066.721.835	1.639.025.232
2	Nhà lò hơi	1.850.988.600	755.322.767
3	Nhà xưởng khác	5.191.751.144	4.126.076.842
IV	ĐA Nhà máy sản xuất giấy MZNS giai đoạn I	505.450.677.699	450.493.383.276
1	Hạ tầng kỹ thuật	56.346.612.413	50.698.487.201
2	Hệ thống xử lý nước thải	54.208.610.316	48.774.796.233
3	Hệ thống đường ống nhà Xeo- nhà Bột	35.881.858.439	31.894.985.279
4	Hệ thống cấp điện	35.687.965.111	31.722.635.671
5	Kết cấu thép Nhà Xeo	31.924.982.355	28.377.762.075
6	Hệ thống đường ống cấp ngầm	28.169.322.811	25.039.398.031
7	Móng nhà Xeo	23.487.222.355	20.877.530.995

TT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Giá trị còn lại
8	Hệ thống đầu nối, lắp đặt điện động lực và điện điều khiển	18.921.971.664	16.819.530.384
9	Kết cấu thép Nhà kho TP	18.678.025.937	16.602.689.717
10	Kết cấu thép Nhà Bọt	16.370.141.304	14.551.236.744
11	Phần thân nhà Xeo	15.371.683.789	13.663.718.929
12	Bể hiếu khí	13.457.904.905	11.962.582.145
13	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	7.793.174.897	6.927.266.597
14	Bể nhà Xeo số 1,2,3,4,5	7.237.378.568	6.433.225.388
15	Kết cấu thép nhà Kho nguyên liệu	7.044.676.180	6.261.934.360
16	Móng nhà Bọt	6.838.418.702	6.078.594.422
17	Văn phòng Nhà Xeo	6.186.490.315	5.499.102.475
18	Bể điều hòa và bể gom	6.148.007.439	5.464.895.499
19	Ép cọc Nhà xeo	5.902.617.777	5.246.771.337
20	Ép cọc, Móng nhà kho nguyên liệu	5.841.108.324	5.192.096.304
21	Phần thân Nhà Bọt	5.433.887.122	4.830.121.882
22	Móng nhà Lò hơi	5.100.190.538	4.533.502.718
23	Bể chứa bột số 1,2,3	5.057.652.909	4.495.691.469
24	Bể hóa chất + chứa bùn (Bể ổn định lưu lượng + bể trộn hóa chất)	5.056.253.855	4.494.447.875
25	Bệ máy Nhà Xeo	4.689.394.769	4.168.350.929
26	Bể lắng thứ cấp	4.654.061.340	4.136.943.420
27	Phòng ép bùn	3.553.013.755	3.158.234.455
28	Xây tường Nhà Xeo	3.468.979.555	3.083.537.395
29	Ép cọc Nhà lò hơi	3.378.482.867	3.003.095.867
30	Bể lắng sơ cấp	3.219.703.690	2.861.958.850
31	Nền nhà Xeo	3.037.451.332	2.699.956.732
32	Ép cọc Nhà Bọt	2.935.454.998	2.609.293.318
33	Hồ sinh học	2.915.783.313	2.591.807.373
34	Phòng Lab (Phòng hóa chất, thí nghiệm)	2.652.229.307	2.357.537.147
35	Hệ thống đường ống nước thải	2.578.343.454	2.291.860.854
36	Hệ thống chiếu sáng	2.341.341.469	2.081.192.389
37	Xây Tường bao	2.306.135.456	2.049.898.196
38	Bể thủy lực nhà Xeo	2.301.502.901	2.045.780.381
39	Phần xây nhà Bể	2.056.965.305	1.828.413.605
40	Nền nhà kho TP	2.025.839.828	1.800.746.528
41	Hệ thống UKP (Băng tải, móng máy nghiền, hồ pit)	1.996.851.687	1.774.979.307
42	Phòng điện Nhà Xeo - Nhà Bọt	1.996.729.753	1.774.870.873

TT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Giá trị còn lại
43	Bể kỵ khí IC	1.941.386.012	1.725.676.472
44	Ép cọc Nhà kho TP	1.898.507.773	1.687.562.473
45	Móng nhà kho TP	1.896.672.732	1.685.931.312
46	Bể oxy hóa	1.788.913.303	1.590.145.183
47	Bộ máy nhà Bọt	1.769.783.312	1.573.140.692
48	Nhà vòm nổi nhà Bọt - Nhà kho NL1, NL2	1.758.858.084	1.563.429.384
49	Xây tường nhà Bọt	1.727.407.495	1.535.473.315
50	Cầu công nhà kho TP	1.649.045.539	1.465.818.259
51	Nhà xưởng khác	16.765.680.645	14.904.744.837
V	Nhà xưởng bổ sung phục vụ hoạt động SXKD	23.775.801.306	21.740.693.394
1	Nhà RCP	8.461.226.400	7.734.389.857
2	Nhà lò hơi 2	5.752.373.681	5.454.102.449
3	Sân chứa nguyên liệu lẻ	1.949.992.821	1.782.484.469
4	Nhà Xeo (hạng mục phát sinh)	1.339.603.500	1.224.528.849
5	Phần thân Nhà Bọt	1.314.708.505	1.188.437.044
6	Nhà xưởng khác	4.957.896.399	4.356.750.726
	TỔNG CỘNG	626.409.353.091	522.533.865.223

Thông tin chi tiết máy móc thiết bị có giá trị lớn tại thời điểm 30/6/2026 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên TSCĐ	Xuất xứ/ Công nghệ	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Dây chuyền 1 NM giấy Miza Đông Anh		40.719.388.597	1.795.898.430
1	Dây chuyền sản xuất giấy Kraft	Trung quốc	31.616.680.580	1.167.842.138
2	Hệ Thống Xử Lý Nước Thái	Trung quốc	5.418.000.000	602.000.000
3	Nồi hơi	Trung quốc	1.255.654.744	0
4	Hệ thống/ MMTB khác		2.429.053.273	26.056.292
II	Dây chuyền 2 NM giấy Miza Đông Anh		123.061.045.122	44.921.037.494
1	Hệ thống DCS, QCS	Trung quốc	18.180.444.152	7.070.172.672
2	Hệ thống điện động lực	Việt Nam	15.058.490.751	6.268.793.922

TT	Tên TSCĐ	Nguồn gốc/ Công nghệ	Nguyên giá	Giá trị còn lại
3	Hệ Thống Xử Lý Nước Thải	Việt Nam	13.810.683.806	5.831.177.622
4	Lò Hơi	Việt Nam	8.429.278.732	3.465.370.176
5	Đệm vi sinh giá thể cầu cho hệ thống XLNT	Việt Nam	6.270.000.000	2.871.585.773
6	Máy móc thiết bị xeo giấy	Trung quốc	4.263.600.000	1.863.605.806
7	Thiết bị phụ trợ	Trung quốc	4.201.047.457	1.703.758.086
8	Lô máy móc thiết bị xeo giấy 1	Trung quốc	3.969.350.000	1.686.973.704
9	Hệ thống thiết bị sàng, lọc cát nồng độ	Trung quốc	3.527.649.213	1.371.863.603
10	Hệ thống dầu bôi trơn, dầu thủy lực	Việt Nam	3.282.580.194	1.276.558.924
11	Lò hơi 15T	Trung quốc	3.203.308.827	1.476.507.237
12	Hệ thống bơm bột giấy	Việt Nam	2.830.816.284	1.100.873.014
13	Hệ thống thiết bị lô ép giấy	Trung quốc	2.645.479.545	771.005.548
14	Máy biến tần làm biến đổi tốc độ quay	Việt Nam	2.542.229.551	988.644.771
15	Hệ thống điều khiển hòm phun bột, máy cắt cuộn, biến tần	Trung quốc	1.914.095.771	744.370.621
16	Máy nghiền thủy lực dạng chữ D, dùng để nghiền bột giấy loại 5m3	Trung quốc	1.767.853.050	863.650.059
17	Hệ thống lô ép giấy + suốt dẫn chần	Trung quốc	1.747.429.545	509.275.542
18	Lô máy móc thiết bị 3	Trung quốc	1.720.890.000	847.538.284
19	Bể xử lý nước thải DAF	Trung quốc	1.543.925.088	803.412.835
20	Thiết bị máy xà cuộn	Trung quốc	1.536.850.000	773.382.541
21	Máy sàng bột giấy kiểu áp lực	Trung quốc	1.350.019.948	525.007.738
22	Thiết bị sàng bột giấy công suất 180 tấn/ngày	Trung quốc	1.150.000.000	342.763.917

TT	Tên TSCĐ	Xuất xứ/ Công nghệ	Nguyên giá	Giá trị còn lại
23	Hệ thống cầu trục	Trung quốc	1.088.806.600	257.079.330
24	Hệ thống/ MMTB khác		17.026.216.608	1.507.665.769
III	MMTB Bổ sung hoạt động SXKD Nhà máy Miza Đông Anh		29.363.396.330	10.670.274.301
1	Hệ thống bơm chân không Turbin	Trung quốc	13.732.106.540	7.048.529.435
2	Hệ Thống Máy Ép	Trung quốc	5.143.680.000	0
3	Thủy lực chữ D 25m3	Việt Nam	2.250.000.000	948.125.000
4	Hệ thống máy thủy lực truyền động	Trung quốc	2.002.200.000	0
5	Lô sấy, dùng để sấy bột giấy trong quá trình sx giấy, không hoạt động bằng điện	Trung quốc	1.124.671.890	410.440.584
6	Hệ thống/ MMTB khác		5.110.737.900	2.263.179.282
IV	ĐA Nhà máy sản xuất giấy MZNS giai đoạn I		588.985.451.482	381.767.761.379
1	Hệ thống máy xeo	Trung quốc	375.628.426.540	250.486.267.946
2	Dây chuyền nghiền bột giấy	Việt Nam	98.526.398.592	65.684.265.732
3	Hệ thống bồn bể chứa bột	Việt Nam	48.801.165.849	32.534.110.569
4	Trạm biến áp	Việt Nam	19.937.631.198	13.291.754.118
5	Tủ điện trung thế	Việt Nam	15.311.131.638	10.207.421.118
6	Cầu trục xeo	Trung quốc	5.588.520.491	3.725.680.331
7	Lô ép chân không, KT: 1320*5600(mm)	Trung quốc	5.141.285.750	464.374.188
8	Tủ điện hạ thế	Việt Nam	3.545.956.934	2.363.971.274
9	Lô trục trên, kích thước: 1500*5400(mm), bộ phận của máy sản xuất giấy, mới 100%	Trung quốc	3.069.140.000	277.212.663
10	Lô trục trung tâm, kích thước: 1500*5400(mm), bộ phận của máy sản xuất giấy, mới 100%	Trung quốc	3.034.475.000	274.081.631

TT	Tên TSCĐ	Xuất xứ/ Công nghệ	Nguyên giá	Giá trị còn lại
11	Lô trục dưới, kích thước: 1350*5400(mm), bộ phận của máy sản xuất giấy, mới 100%	Trung quốc	2.813.552.000	254.127.296
12	Lô trục dẫn chân xeo, KT: 800*5550(mm)	Trung quốc	2.011.578.675	181.690.991
13	Hệ thống đường ống thông gió	Việt Nam	1.794.845.455	1.243.148.415
14	Lô trục ép keo dưới, KT: 1310*5250(mm)	Trung quốc	1.328.539.317	84.997.943
15	Lô trục ép keo trên, KT: 1310*5250(mm)	Trung quốc	1.248.230.650	79.859.927
16	Hệ thống/ MMTB khác		1.204.573.393	614.797.237
V	MMTB bổ sung phục vụ hoạt động SXKD MZNS		420.427.545.524	292.268.050.460
1	Hệ thống UKP	Trung quốc	37.803.580.126	27.993.618.812
2	Hệ thống giá đỡ máy móc RCP	Việt Nam	11.244.077.836	8.308.124.183
3	Hệ thống điện RCP	Việt Nam	7.778.062.301	5.747.123.822
4	Hệ thống máy xeo	Việt Nam	4.234.868.155	3.034.988.860
5	Hệ thống làm sạch, dùng cho máy sản xuất giấy công suất 1CBM, điện áp 380V	Trung quốc	4.124.889.400	3.554.279.705
6	Hệ thống bồn bể chứa bột	Trung quốc	2.543.400.000	1.822.770.000
7	Xe nâng gấp cuộn 3.5T, model H3.5UT (4 cái)	Trung quốc	2.435.900.000	1.142.748.738
8	Hệ thống đường ống hơi OTN và nước ngưng	Việt Nam	2.150.000.000	1.576.666.688
9	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Việt Nam	2.058.324.700	1.475.132.713
10	Thiết bị Trục vít ép model:4528+Trục vít chèn model:KSR750L	Trung quốc	1.960.834.226	1.740.152.534
11	Hệ thống điều hòa nhà xưởng (Tất toán TTC)	Thái Lan	1.873.800.000	1.207.462.146
12	Hệ thống thí nghiệm chất lượng giấy (Tất toán TTC)	Việt Nam	1.788.325.400	1.216.800.468
13	HỆ THỐNG PCCC Toàn nhà máy	Việt Nam	1.396.300.000	1.256.670.004

TT	Tên TSCĐ	Xuất xứ/ Công nghệ	Nguyên giá	Giá trị còn lại
14	Hệ thống đường ống nhà Xeo- nhà Bột	Trung quốc	1.272.773.000	912.153.989
15	Hệ thống đầu nối, lắp đặt điện động lực và điện điều khiển	Việt Nam	1.165.060.002	834.959.646
16	Hệ thống quan trắc online	Việt Nam	1.153.800.000	811.314.920
17	Cầu trục xeo	Việt Nam	1.110.896.421	717.912.413
18	Xe nâng kẹp vuông 3.5T, model H3.5UT (2 cái)	Trung quốc	1.110.896.421	717.912.413
19	Xe nâng gấp cuộn 5T LPG, model H5.0FT (1 cái)	Anh	1.032.400.000	484.008.887
20	Hệ thống/ MMTB khác		332.189.357.536	227.713.249.519
	Tổng cộng máy móc thiết bị		1.202.556.827.055	731.423.022.064

Nguồn: CTCP Miza

Liên quan đến tình hình ghi nhận, biến động và hiện trạng tài sản cố định là các khoản chi phí đầu tư đang trong quá trình thực hiện nhưng chưa hoàn thành và chưa đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định.

10.5. Thị trường hoạt động

Hiện nay, Công ty chủ yếu phân phối các sản phẩm tại thị trường trong nước với tỷ trọng doanh thu từ hoạt động phân phối nội địa theo báo cáo tài chính riêng đạt 97,03% trong năm 2025 và 95,78% trong năm 2024. Thị trường phân phối nội địa của Công ty trải dài từ Bắc vào Nam. Trong đó tập trung chủ yếu tại thị trường miền Bắc, với tỷ trọng luôn duy trì ở mức trên 90% tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ trong giai đoạn từ năm 2024 đến năm 2025. Bên cạnh hoạt động phân phối nội địa thì Công ty còn thực hiện xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và bán hàng vào khu chế xuất với tỷ trọng doanh thu từ hoạt động này trong năm 2024 tại BCTC riêng của Công ty và sau hợp nhất lần lượt là 4,22% và 9,26%. Trong năm 2025, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động này tại BCTC riêng của Công ty và sau hợp nhất lần lượt là 2,97 và 4,89%. Đến hết quý II năm 2026, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động này tại BCTC riêng và sau hợp nhất của Công ty lần lượt là 2,78% và 2,77%.

Bảng số 14: Cơ cấu doanh thu thuần của từng thị trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Thị trường	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
I	BCTC riêng	1.310.455	100	1.453.691	100	679.788	100

STT	Thị trường	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Trong nước	1.255.090	95,78	1.410.533	97,03	660.907	97,22
-	Miền Bắc	1.252.683	95,59	1.389.491	95,58	633.149	93,14
-	Miền Trung	2.401	0,18	21.042	1,45	27.758	4,08
-	Miền Nam	6	0,00	0	0,00	0	0,00
2	Xuất khẩu	55.365	4,22	43.158	2,97	18.881	2,78
II	BCTC hợp nhất	4.444.867	100	4.827.805	100	2.367.739	100
1	Trong nước	4.033.243	90,74	4.591.663	95,11	2.302.152	97,23
-	Miền Bắc	2.936.810	66,07	3.607.241	74,72	1.740.887	73,53
-	Miền Trung	1.088.077	24,48	964.212	19,97	552.516	23,34
-	Miền Nam	8.356	0,19	20.210	0,42	8.749	0,37
2	Xuất khẩu	411.624	9,26	236.142	4,89	65.587	2,77

Nguồn: CTCP Miza

Doanh thu thuần của Công ty chủ yếu đến từ thị trường trong nước, đặc biệt là khu vực miền Bắc - nơi đặt nhà máy và thị trường tiêu thụ chính của Công ty. Năm 2024, doanh thu trong nước theo báo cáo hợp nhất đạt 4.033.243 triệu đồng, chiếm 90,74% tổng doanh thu thuần. Năm 2025, doanh thu trong nước theo báo cáo hợp nhất đạt 4.591.663 triệu đồng, chiếm 95,11% tổng doanh thu thuần, tăng 558.420 triệu đồng so với năm 2024, cho thấy xu hướng tập trung vào thị trường nội địa.

Thị trường xuất khẩu đóng góp 9,26% doanh thu hợp nhất trong năm 2024 (tương đương 411.624 triệu đồng). Trong năm 2025, tỷ trọng doanh thu xuất khẩu hợp nhất tiếp tục giảm còn 4,89%, cho thấy Công ty đang tập trung vào thị trường nội địa để đảm bảo tăng trưởng ổn định, đồng thời linh hoạt điều chỉnh sản lượng theo điều kiện thị trường quốc tế.

Tính đến ngày 30/06/2026, doanh thu trong nước theo báo cáo hợp nhất đạt 2.302.152 triệu đồng, chiếm 97,23% tổng doanh thu thuần, doanh thu xuất khẩu đạt 65.587 triệu đồng, chiếm 2,77% tổng doanh thu thuần.

Trên báo cáo tài chính riêng, toàn bộ doanh thu nội địa của Công ty mẹ đều ghi nhận tại khu vực miền Bắc, trong khi các thị trường miền Trung và miền Nam chủ yếu được phân phối thông qua các đơn vị thương mại nội địa.

Bảng số 15: Cơ cấu lợi nhuận gộp của từng thị trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Thị trường	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
I	BCTC riêng của Công ty	69.857	5,33	76.505	5,26	44.214	6,50
1	Trong nước	61.364	4,89	71.739	5,09	41.920	6,34
-	Miền Bắc	61.297	4,89	69.052	4,97	39.033	6,16
-	Miền Trung	67	2,79	2.687	12,77	2.887	10,40
-	Miền Nam	0	0	0	0	0	0
2	Xuất khẩu	8.493	15,34	4.765	11,04	2.294	12,15
II	BCTC hợp nhất	337.464	7,59	401.150	8,31	242.186	10,23
1	Trong nước	282.449	7,00	357.989	7,80	222.581	9,67
-	Miền Bắc	232.452	7,92	279.196	7,74	168.946	9,70
-	Miền Trung	48.821	4,49	73.891	7,66	51.745	9,37
-	Miền Nam	1.176	14,07	4.902	24,26	1.890	21,60
2	Xuất khẩu	55.015	13,37	43.161	18,28	19.605	29,89

Nguồn: CTCP Miza

Năm 2024, tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần tại BCTC riêng đạt 5,33% và sau hợp nhất đạt 7,59%. Đến năm 2025, các tỷ lệ này lần lượt ở mức 5,26% và 8,31%, cho thấy mức cải thiện nhẹ đối với hợp nhất, trong khi Công ty mẹ duy trì ổn định. Tại ngày 30/06/2026, tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần đạt 6,5% tại BCTC riêng và 10,23% tại BCTC hợp nhất, phản ánh xu hướng cải thiện trong kỳ đầu năm.

Lợi nhuận gộp đến từ hoạt động kinh doanh tại thị trường miền Bắc tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu thuần, phù hợp với cơ cấu doanh thu. Trong khi đó, khu vực miền Trung có xu hướng tăng tỷ trọng đóng góp, đặc biệt trong năm 2025 và nửa đầu năm 2026; doanh thu và lợi nhuận tại miền Nam chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Đối với hoạt động xuất khẩu, tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần tại BCTC hợp nhất đạt 13,37% năm 2024 và tăng lên 18,28% năm 2025, cho thấy hiệu quả tương đối cao của mảng này so với thị trường nội địa. Tại ngày 30/06/2026, tỷ lệ này đạt 29,89%. Tại BCTC riêng, tỷ trọng lợi nhuận gộp từ xuất khẩu ở mức 15,34% năm 2024, 11,04% năm 2025 và 12,15% trong nửa đầu năm 2026, phản ánh sự biến động theo từng kỳ.

Công ty hoạt động chủ yếu tại thị trường Việt Nam với doanh thu nội địa chiếm tỷ trọng cao trong tổng cơ cấu doanh thu. Hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ trọng nhỏ, thị trường chủ yếu là Trung quốc, Bangladesh, Myanmar... và khu chế xuất, nhưng được kỳ vọng sẽ trở thành động lực tăng trưởng lớn trong tương lai.

Tỷ trọng lợi nhuận gộp/doanh thu thuần theo thị trường qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Thị trường	Doanh thu thuần (DTT)			Lợi nhuận gộp (LNG)			LNG/DTT		
	2024	2025	06 tháng đầu năm 2026	2024	2025	06 tháng đầu năm 2026	2024	2025	06 tháng đầu năm 2026
Tổng cộng	4.444.867	4.827.805	2.367.739	337.464	401.150	242.186	7,59%	8,31%	10,23
Trong nước	4.033.243	4.591.663	2.302.152	282.455	357.989	222.581	7,00%	7,80%	9,67
Miền Bắc	2.936.810	3.607.241	1.740.887	232.458	279.196	168.946	7,92%	7,74%	9,70
Miền Trung	1.088.077	964.212	552.516	48.821	73.891	51.745	4,49%	7,66%	9,37
Miền Nam	8.356	20.210	8.749	1.176	4.902	1.890	14,07%	24,26%	21,60
Xuất khẩu	411.624	236.142	65.587	55.009	43.161	19.605	13,37%	18,28%	29,89

Nguồn: CTCP Miza

Theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu thuần từ thị trường xuất khẩu có xu hướng giảm trong giai đoạn 2024 - 2025, từ 411.624 triệu đồng năm 2024 xuống 236.142 triệu đồng năm 2025. Tại ngày 30/06/2026, doanh thu xuất khẩu đạt 65.587 triệu đồng, chiếm khoảng 2,77% tổng doanh thu thuần.

Nguyên nhân chủ yếu của sự suy giảm này đến từ việc Công ty chủ động điều chỉnh chiến lược thị trường và danh mục đơn hàng xuất khẩu. Trong giai đoạn 2024-2025, Công ty tập trung lựa chọn các đơn hàng xuất khẩu có biên lợi nhuận gộp cao, đồng thời hạn chế hoặc dừng các đơn hàng có biên lợi nhuận thấp, đặc biệt tại một số thị trường truyền thống như Trung Quốc. Do đó, mặc dù khối lượng và doanh thu xuất khẩu giảm, hoạt động xuất khẩu được cơ cấu lại theo hướng ưu tiên hiệu quả lợi nhuận.

Bên cạnh yếu tố chiến lược nội bộ, sự suy giảm doanh thu xuất khẩu cũng chịu tác động từ bối cảnh chung của thị trường ngành giấy. Trong giai đoạn này, nhu cầu tại một số thị trường nhập khẩu lớn, đặc biệt là Trung Quốc, có dấu hiệu chững lại; cạnh tranh trong khu vực gia tăng; đồng thời chi phí logistics và vận tải quốc tế có xu hướng biến động, làm gia tăng chi phí và rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu.

Ở chiều ngược lại, nhu cầu tiêu thụ giấy và sản phẩm từ giấy trong nước có xu hướng phục hồi, đặc biệt đối với các sản phẩm giấy bao bì phục vụ ngành sản xuất và thương mại. Trong bối cảnh đó, Công ty ưu tiên phân bổ nguồn lực sản xuất và kinh doanh cho thị trường nội địa nhằm duy trì sản lượng tiêu thụ ổn định, đảm bảo hiệu quả hoạt động và hạn chế rủi ro từ biến động thương mại quốc tế.

Việc giảm doanh thu xuất khẩu dẫn đến sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu của Công ty theo hướng tăng tỷ trọng doanh thu từ thị trường nội địa. Tính đến năm 2025, doanh thu từ thị trường trong nước chiếm hơn 95% tổng doanh thu hợp nhất của Công ty. Sự chuyển dịch này góp phần giúp Công ty giảm mức độ phụ thuộc vào thị trường quốc tế, đồng thời tận dụng sự phục hồi của nhu cầu tiêu thụ trong nước.

Nhìn chung, sự suy giảm doanh thu từ thị trường nước ngoài trong giai đoạn 2024 - 2025 chủ yếu phản ánh sự điều chỉnh chiến lược kinh doanh của Công ty trong bối cảnh thị trường quốc tế có nhiều biến động đặc biệt là khi căng thẳng địa chính trị gia tăng. Việc điều chỉnh chiến lược này không ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động chung nhờ sự cải thiện của biên lợi nhuận và sự tăng trưởng của thị trường nội địa.

10.6. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.6.1. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư

Đầu tư dự án "Nhà máy Miza Nghi Sơn PM3" tăng thêm công suất 150.000 tấn/năm, nâng tổng công suất Miza lên 200.000 tấn/năm

+ Khởi công ngày 28/06/2019

+ Hoàn thành dự án đi vào sản xuất ngày 28/04/2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên chi phí	Dự toán đầu tư	Thực tế thực hiện
Tổng dự toán đầu tư	829.430	1.408.920
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí thuê đất	22.000	11.010
Chi phí xây dựng	165.000	355.794
Chi phí thiết bị	566.500	976.850
Lãi vay trong thời gian trong	40.180	40.122
thời gian xây dựng	35.750	25.144
Chi phí khác & dự phòng		

Hiệu quả đầu tư của dự án: Dự án đi vào hoạt động ngay sau khi hoàn thành khởi công và góp phần nâng tổng công suất thực tế từ 50.000 tấn/năm lên đến 200.000 tấn/năm.

10.6.2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Bảng số 16: Hiệu quả sản xuất kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)
1	Doanh thu bán hàng thành phẩm	1.914.180	43,06	2.040.761	42,27	1.033.582	43,65
-	Giấy Medium	610.750	13,74	516.263	10,69	210.703	8,90
-	Giấy Testliner	1.027.449	23,12	1.244.987	25,79	667.372	28,19
-	Giấy Kraftliner	228.539	5,14	264.786	5,48	154.834	6,54
-	Bột giấy tái chế	39.172	0,88	9.483	0,20	0	0
	Tấm ChipBoard	8.270	0,19	5.242	0,11	673	0,03
2	Doanh thu bán hàng hóa	2.530.687	56,94	2.781.954	57,62	1.326.143	56,01
-	Giấy Medium	495.215	11,14	746.736	15,47	438.305	18,51
-	Giấy Testliner	950.019	21,37	1.362.732	28,23	869.528	36,72
-	Giấy Kraftliner	22.130	0,50	0	0	0	0
-	Phụ gia hóa chất	33.944	0,76	94.469	1,96	4.400	0,19
-	Giấy phế liệu	996.690	22,42	511.552	10,60	0	0
-	Khác	32.689	0,74	66.465	1,38	13.910	0,59
3	Doanh thu cho thuê tài sản	-	-	5.090	0,11	8.015	0,34
Tổng Doanh thu thuần		4.444.867	100	4.827.805	100	2.367.740	100

Nguồn: CTCP Miza

Bảng số 16b: Hiệu quả sản xuất kinh doanh hợp nhất về lợi nhuận

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Lợi nhuận gộp	Biên LNG %	Lợi nhuận gộp	Biên LNG %	Lợi nhuận gộp	Biên LNG %
1	Bán hàng thành phẩm	259.006	13,5	321.898	15,8	195.518	18,92
-	Giấy Medium	63.411	10,4	56.817	11,0	23.720	11,26
-	Giấy Testliner	119.674	11,6	172.741	13,9	123.563	18,52
-	Giấy Kraftliner	68.166	29,8	91.657	34,6	48.231	31,15
-	Bột giấy tái chế	7.220	18,4	380	4,0	-	-
-	Tấm ChipBoard	535	6,5	303	5,8	4	0,59
2	Bán hàng hóa	78.458	3,1	76.648	2,8	39.896	3,01
-	Giấy Medium	16.221	3,3	20.973	2,8	20.538	4,69
-	Giấy Testliner	47.885	5,0	39.432	2,9	18.888	2,17
-	Giấy Kraftliner	651	2,9	-	-	-	-
-	Phụ gia hóa chất	602	1,8	1.960	2,1	143	3,25
-	Giấy phế liệu	12.943	1,3	11.221	2,2	-	-
-	Khác	156	0,5	3.062	4,6	327	2,35
3	Hoạt động dịch vụ khác	-	-	2.604	51,2	6.772	84,49
Tổng cộng		337.461	7,6	401.150	8,3	242.186	10,23

Nguồn: CTCP Miza

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty tiếp tục duy trì giữa hai hoạt động cốt lõi là bán thành phẩm và bán hàng hóa, trong đó hoạt động thương mại - bán hàng hóa - chiếm tỷ trọng lớn hơn về quy mô, còn hoạt động sản xuất đóng vai trò chính trong tạo lợi nhuận.

Trong năm 2024, doanh thu thuần đạt 4.444.867 triệu đồng, trong đó doanh thu bán hàng thành phẩm đạt 1.914.180 triệu đồng (chiếm 43,06%), doanh thu bán hàng hóa đạt 2.530.687 triệu đồng (chiếm 56,94%). Đến năm 2025, cơ cấu này duy trì tương tự với doanh thu bán thành phẩm đạt 2.040.761 triệu đồng (42,27%) và bán hàng hóa đạt 2.781.954 triệu đồng (57,62%). Trong 6 tháng đầu năm 2026, tỷ trọng doanh thu bán thành phẩm tăng nhẹ lên 43,65%, trong khi bán hàng hóa giảm còn 56,01%, cho thấy xu hướng gia tăng vai trò của hoạt động sản xuất trong cơ cấu doanh thu.

Trong năm 2025, doanh thu thuần từ bán hàng hóa tiếp tục chiếm tỷ trọng cao hơn doanh thu thuần từ bán thành phẩm, đạt khoảng 57,62% tổng doanh thu thuần, tương đương mức của năm 2024. Điều này cho thấy hoạt động thương mại vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì

quy mô doanh thu và dòng tiền của Công ty trong giai đoạn các dây chuyền sản xuất đầu tư mở rộng chưa vận hành toàn công suất.

Mặc dù tỷ trọng doanh thu từ bán thành phẩm chưa gia tăng trong cơ cấu doanh thu, vai trò của hoạt động sản xuất vẫn được thể hiện rõ nét thông qua đóng góp chủ yếu vào lợi nhuận gộp, nhờ biên lợi nhuận cao và tính ổn định dài hạn. Theo đó, Công ty tiếp tục duy trì mô hình kết hợp giữa thương mại và sản xuất, trong đó hoạt động thương mại hỗ trợ tăng trưởng doanh thu ngắn hạn, còn hoạt động sản xuất được định hướng là trụ cột tạo giá trị gia tăng và lợi nhuận bền vững trong trung và dài hạn, đặc biệt khi các dự án đầu tư mới hoàn tất và đi vào vận hành ổn định.

Về hiệu quả, lợi nhuận gộp hợp nhất đạt 337.464 triệu đồng năm 2024 và tăng lên 401.150 triệu đồng năm 2025, tương ứng biên lợi nhuận gộp tăng từ 7,6% lên 8,3%. Trong 6 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận gộp đạt 242.186 triệu đồng với biên lợi nhuận 10,23%, cho thấy xu hướng cải thiện hiệu quả hoạt động.

Hoạt động bán thành phẩm tiếp tục là nguồn đóng góp chính vào lợi nhuận gộp, với biên lợi nhuận cao và cải thiện rõ rệt từ 13,5% năm 2024 lên 15,8% năm 2025 và 18,92% trong 6 tháng đầu năm 2026. Trong đó:

- Giấy Kraftliner ghi nhận biên lợi nhuận cao nhất (trên 30%);
- Giấy Testliner có sự cải thiện đáng kể về biên lợi nhuận qua các kỳ;
- Giấy Medium duy trì biên lợi nhuận ổn định ở mức khoảng 10 - 11%.

Ngược lại, hoạt động bán hàng hóa có biên lợi nhuận thấp và duy trì quanh mức 2,8% - 3,1%, phản ánh đặc thù hoạt động thương mại.

Nhìn chung, mặc dù hoạt động thương mại đóng góp lớn về doanh thu, lợi nhuận của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất thành phẩm. Xu hướng gia tăng tỷ trọng doanh thu và cải thiện biên lợi nhuận của mảng sản xuất cho thấy chất lượng tăng trưởng được nâng cao, phù hợp với định hướng tập trung vào hoạt động cốt lõi và tối ưu hiệu quả sản xuất trong trung và dài hạn. Tổng thể, hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định, với cơ cấu sản phẩm đa dạng và biên lợi nhuận được bảo vệ nhờ sự chủ động trong định hướng chiến lược.

10.7. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn Công ty đã thực hiện, đã ký kết và chưa thực hiện từ năm 2024 đến nay như sau:

Bảng số 17: Danh mục các hợp đồng lớn giữa Miza và Đối tác

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2024 đến 30/06/2026	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
Hợp đồng mua hàng									
1	020125/M ZNS-HT	956.073	1/2/2025	Từ năm 2024 - 30/06/2026	956.073	Giấy vụn,	Công ty Cổ phần	Không	Không

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2024 đến 30/06/2026	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
							Giấy Hợp Thành		
2	02012026/HĐNT/MZNS-HQ	670.011	1/2/2026	Từ năm 2024 - 30/06/2026	670.011	Giấy vụn, Giấy Medium, Testliner	Công ty Cổ phần TM & Dịch Vụ Hồng Quang	Không	Không
3	05012026/HĐNT/MZ-NL	642.262	1/5/2026	Từ năm 2024 - 30/06/2026	642.262	Giấy vụn, Giấy Medium, Testliner	Công Ty TNHH Thương Mại Và XNK Nguyễn Linh	Không	Không
4	01-11/2023/HĐNT/MZNS-DQ	630.676	11/1/2023	Từ năm 2024 - 30/06/2026	630.676	Giấy vụn, Giấy Medium, Testliner	Công ty TNHH Dương Quách Nghi Sơn	Không	Không
5	TC-MZ-240301	455.617	3/1/2024	Từ năm 2024 - 30/06/2026	455.617	Chi phí, hạng mục lắp đặt PM5	Taicang Supply Chain Financial Service Co.,Ltd	Không	Không
Hợp đồng bán hàng									
1	02.01.2025/HĐNT/MZNS-TT	816.890	1/2/2025	Từ năm 2024 - 30/06/2026	816.890	Giấy Medium, Testliner	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T&T Nghi Sơn	Không	Không

STT	Tên hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị đã thực hiện từ năm 2024 đến 30/06/2026	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng khác
2	1582024-HĐNT /MZNS-MP	793.664	8/15/2024	Từ năm 2024 - 30/06/2026	793.664	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Công ty Cổ phần MIPAK	Không	Không
3	20221201/HĐNT/MZNS-TMSXLS	461.068	12/1/2022	Từ năm 2024 - 30/06/2026	461.068	Giấy Medium, Testliner	Công ty TNHH TM và SX Lam Sơn	Không	Không
4	02.01.2025/HĐNT /MZNS-HL	339.500	1/2/2025	Từ năm 2024 - 30/06/2026	339.500	Giấy Medium, Testliner	Công Ty TNHH Thương Mại Và Đầu Tư Hải Lê	Không	Không
5	02.01.2025/HĐNT /MZNS-VA	330.905	1/2/2025	Từ năm 2024 - 30/06/2026	330.905	Giấy Medium, Testliner	Công Ty TNHH Thương Mại Và Đầu Tư Vạn An Việt Nam	Không	Không

Nguồn: CTCP Miza

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

10.8. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

10.8.1. Nhà cung cấp lớn

Bảng số 18: Danh mục các nhà cung cấp lớn của Miza

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/ Doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (%)
6 tháng đầu năm 2026						
1	Công Ty Cổ Phần Giấy Hợp Thành	140.298	15,22%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy vụn	Không
2	Công ty TNHH Giấy Quốc Cường	129.063	14,00%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium/ Giấy Testliner	Không
3	Công ty Cổ phần TM & Dịch Vụ Hồng Quang	127.821	13,87%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium/ Giấy Testliner	Không
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lưới Điện	69.049	7,49%	01/01/2026-30/06/2026	Điện	Không
5	Công ty TNHH Kim Trường Phúc	64.945	7,05%	01/01/2026-30/06/2026	Hoi	Không
6	Hunan Jiayue Precision Manufacturing Co., Ltd.	57.395	6,23%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy vụn	Không
7	Công ty TNHH Thương Mại & Sản Xuất Cơ Khí Lam Sơn (GV)	54.625	5,93%	01/01/2026-30/06/2026	Vật tư	Không
8	Canusa Hershman Recycling Company (NK)	50.304	5,46%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy vụn	Không
Năm 2025						
1	Công ty Cổ phần Giấy Hợp Thành	396.349	23,36%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy vụn	Không
2	Công ty Cổ phần TM & Dịch Vụ Hồng Quang	280.507	16,53%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium/ Giấy Testliner	Không
3	Công ty TNHH Thương Mại và XNK Nguyễn Linh	258.429	15,23%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium/ Giấy Testliner	Không

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch / Doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
4	Công ty Cổ phần Kinh Doanh TM & DV Thành Long	151.974	8,96%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy vụn	Không
5	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Lưới Điện	131.330	7,74%	01/01/2025-31/12/2025	Điện	Không
6	Công ty TNHH Thương Mại & Sản Xuất Cơ Khí Lam Sơn (GV)	125.239	7,38%	01/01/2025-31/12/2025	Vật tư	Không
7	Công ty TNHH Kim Trường Phúc	122.118	7,20%	01/01/2025-31/12/2025	Hoi	Không
8	Công ty TNHH SCG International Corporation Việt Nam	90.273	5,32%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium/ Giấy Testliner	Không
9	Canusa Hershman Recycling Company	79.672	4,70%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy vụn	Không
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Tùng	60.616	3,57%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium/ Giấy Testliner/ Lẻ	Không
Năm 2024						
1	Công Ty Cổ Phần Giấy Hợp Thành	627.885	38,2%	Năm 2024	Giấy vụn	Không
2	Công Ty TNHH Kim Trường Phúc	117.374	7,1%	Năm 2024	Hoi	Không
3	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Lưới Điện	115.944	7,1%	Năm 2024	Điện	Không
4	Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh TM & DV Thành Long	100.231	6,1%	Năm 2024	Giấy vụn	Không
5	Công Ty TNHH SCG International	63.664	3,9%	Năm 2024	Bột sắn, UKP	Không

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/ Doanh số mua hàng (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
	Corporation Việt Nam					
6	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Nam Tùng	227.907	13,9%	Năm 2024	Giấy Medium/ Giấy Testliner/ Lẻ	Không
7	Công Ty Cổ Phần Giấy Hợp Thành	134.764	8,2%	Năm 2024	Giấy Medium/ Giấy Testliner/ Lẻ	Không
8	Công Ty Cổ Phần TM & Dịch Vụ Hồng Quang	126.368	7,7%	Năm 2024	Giấy Medium/ Giấy Testliner/ Lẻ	Không
9	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ Lâm Anh	85.008	5,2%	Năm 2024	Lẻ	Không
10	Công Ty CP Phan Anh	45.201	2,7%	Năm 2024	Vật tư khác (bulong, vòng bi, dây curoa.....)	Không

Nguồn: CTCP Miza

(*) Mối quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

10.8.2. Khách hàng lớn

Bảng số 19: Danh mục các khách hàng lớn của Miza

Stt	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
6 tháng đầu năm 2026						
1	Công Ty Cổ Phần MIPAK	314.589	36,50%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
2	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ T&T Nghi Sơn	127.149	14,75%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không

Stt	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
3	Công ty TNHH Bao bì YFY Hà Nam	126.237	14,65%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
4	Công Ty TNHH Thương Mại Và Đầu Tư Hải Lễ	109.202	10,88%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
5	Công Ty TNHH Thương Mại Và Đầu Tư Vạn An Việt Nam	103.481	10,31%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
6	Công Ty TNHH An Thịnh	50.570	5,87%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
7	Công Ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Yuhua Việt Nam	45.503	5,28%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
8	Công ty TNHH TM và SX Lam Sơn	45.271	4,51%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
9	Công Ty TNHH Đầu Tư Linh Giang	42.890	4,27%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
10	Công ty TNHH Công nghệ Bao bì Ibox Vina	38.434	4,46%	01/01/2026-30/06/2026	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
Năm 2025						
1	Công Ty Cổ Phần MIPAK	479.075	31,52%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
2	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ T&T Nghi Sơn	309.753	20,38%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không

Stt	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
3	Công Ty TNHH Thương Mại Và Đầu Tư Hải Lê	230.298	12,02%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
4	Công Ty TNHH Thương Mại Và Đầu Tư Vạn An Việt Nam	227.425	11,87%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
5	Công ty TNHH Bao bì YFY Hà Nam	137.954	9,08%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
6	Công Ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Yuhua Việt Nam	134.398	8,84%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
7	Công ty TNHH TM và SX Lam Sơn	127.588	6,66%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
8	Công Ty TNHH Đầu Tư Linh Giang	104.046	5,43%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
9	Công Ty TNHH An Thịnh	75.696	4,98%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
10	Công ty TNHH Công nghệ Bao bì Ibox Vina	50.809	3,34%	01/01/2025-31/12/2025	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
Năm 2024						
1	Công ty TNHH Bao Bì Packco Việt Nam	84.231	1,9%	2024	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
2	Công Ty Cổ Phần MIPAK	77.980	1,8%	01/09/2024-31/12/2024	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
3	Dongguan Maotong Paper Co.,Ltd	75.475	1,7%	2024	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không

Stt	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)
4	Well Rich Group Holding Limited	55.274	1,2%	2024	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
5	Công Ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Yuhua Việt Nam	52.884	1,2%	2024	Giấy Medium, Testliner, Kraftliner	Không
6	Xi Nghiệp In - Nhà Máy Z176	47.904	1,1%	2024	Giấy Medium, Testliner	Không
7	Công Ty TNHH Mtv Golden F	31.352	0,7%	2024	Giấy Medium, Testliner	Không
8	Công Ty TNHH Vidaco	27.974	0,6%	2024	Giấy Medium, Testliner	Không
9	Công Ty TNHH Thái Bình Dương	20.617	0,5%	2024	Giấy Medium, Testliner	Không
10	Corbox Corporation	20.537	0,5%	2024	Giấy Medium, Testliner	Không

Nguồn: CTCP Miza

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

10.9. Vị thế của Công ty trong ngành

10.9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty Cổ phần Miza được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 02/12/2010, hơn 15 hoạt động sản xuất với các sản phẩm chủ yếu phục vụ cho ngành giấy như giấy mặt, giấy sóng,...

Vị trí địa lý trụ sở Công ty cũng như Nhà máy sản xuất đều thuận lợi: Cách trung tâm Thủ đô Hà Nội về phía Bắc 20 km, gần sân bay Nội Bài, xung quanh là các Khu công nghiệp: Thăng Long, Quang Minh, Nội Bài, Đông Anh. Giao thông rất thuận lợi, từ Công ty tỏa đi các tỉnh là quốc lộ cao tốc 18 qua Nội Bài đi Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng; Quốc lộ 2 đi Phú Thọ; Quốc lộ 3 đi Thái Nguyên, Cao Bằng,...; Quốc lộ 5 đi Hải Phòng (chỉ mất 1,5 giờ đến cảng Hải Phòng - là trung tâm phân phối, trung chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm cho thị trường khu vực phía Bắc và xuất khẩu). Từ đó giúp Công ty có điều kiện giảm thiểu chi phí vận chuyển, góp phần hạ giá thành sản phẩm hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Sau gần 15 năm xây dựng và phát triển, từ một dây chuyền sản xuất với hơn 50 cán bộ công nhân viên, ngày nay, Công ty Cổ phần Miza đã trở thành một doanh nghiệp với quy mô gần 400

công nhân hoạt động ở lĩnh vực tái chế giấy và bao bì. Sản phẩm của Công ty đã và đang có ưu thế lớn tại thị trường Miền Bắc và được khẳng định bằng chính thương hiệu MIZA của mình trong ngành tái chế giấy và bao bì.

Bên cạnh lợi thế về giá thành sản phẩm, Công ty còn có lợi thế về công nghệ khi sở hữu riêng 02 nhà máy sản xuất với công suất lớn và trang thiết bị hiện đại. Với năng lực là các máy móc hiện đại, nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm và chuyên môn, hiện nay, Công ty đã có thể trực tiếp sản xuất, chế tạo các sản phẩm với chất lượng có tính ổn định cao và được kiểm soát bằng công nghệ sản xuất tiên tiến. Công ty Cổ phần Miza hiện là một trong số ít các doanh nghiệp trong ngành giấy đã làm chủ được công nghệ sản xuất và hoàn thiện sản phẩm. Nhờ kế thừa và áp dụng những khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trên thế giới vào thực tiễn, Nhà máy Công ty đã để lại những dấu ấn sâu sắc trên thị trường ngành giấy và luôn nhận được sự hài lòng, tin tưởng từ các khách hàng trên cả nước.

Từ năm 2023, Công ty một mặt xác định vẫn đảm bảo sự ổn định của các cấu trúc sản phẩm hiện có, mặt khác chủ trương tập trung nguồn lực để đẩy mạnh trở thành nhà cung cấp các sản phẩm giấy tái chế số một Miền Bắc. Đây là chiến lược đón đầu sự phát triển các khu công nghiệp đang ngày càng phát triển tại miền Bắc. Bên cạnh đó, ngay từ khi mới thành lập, Công ty còn có đội ngũ Ban lãnh đạo có học vấn cao và có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan, với nhiều cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu về ngành giấy cùng với đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp.

Về thị phần của Công ty, hiện tại không có thống kê cụ thể về thị phần của Công ty trong ngành.

Trên cơ sở các thông tin công bố và tổng hợp, có thể thấy các doanh nghiệp trong nhóm so sánh đều hoạt động trong cùng chuỗi giá trị ngành giấy - bao bì nhưng có sự khác biệt về phạm vi sản phẩm, công nghệ sản xuất và mô hình hoạt động. Công ty Cổ phần Miza có danh mục sản phẩm tập trung vào giấy bao bì, đi kèm với việc đầu tư công nghệ và công bố thông tin liên quan đến quản trị và phát triển bền vững. Các doanh nghiệp còn lại có mức độ đa dạng hóa sản phẩm, công nghệ và công bố thông tin khác nhau tùy theo chiến lược và mô hình hoạt động. Việc so sánh được thực hiện nhằm cung cấp góc nhìn tham khảo về vị thế tương đối của Công ty trong ngành, không nhằm đánh giá xếp hạng hay hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp được so sánh.

** So sánh về danh mục sản phẩm:*

Sản phẩm	Miza	HKB Paper	Tân Kim Cương	Việt Trì	Đồng Hải Bến Tre	Hoàng Hà Hải Phòng
Giấy sóng Medium	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy Testliner	✓	-	✓	✓	✓	✓
Giấy Kraftliner	✓	-	✓	-	✓	✓
Túi giấy Kraft	✓	-	✓	-	✓	-
Bột giấy	-	-	-	✓	-	-
Giấy tissue	-	-	-	✓	-	-

Sản phẩm	Miza	HKB Paper	Tân Kim Cương	Việt Trì	Đồng Hải Bến Tre	Hoàng Hà Hải Phòng
Giấy in báo	-	-	-	✓	-	-
Số dòng sản phẩm	5	1	N/A	6+	3-4	3
Khách hàng	500+	N/A	N/A	N/A	400+	300+
Ứng dụng cao	3+	N/A	N/A	N/A	2-3	2

Nguồn: CTCP Miza

Theo thông tin công bố, Công ty Cổ phần Miza có danh mục sản phẩm tập trung vào các dòng giấy bao bì chủ yếu, phục vụ nhiều mục đích sử dụng khác nhau trong chuỗi cung ứng. HKB Paper tập trung vào một số dòng sản phẩm nhất định, trong khi Tân Kim Cương và Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì có danh mục sản phẩm bao gồm các dòng giấy bao bì và giấy công nghiệp theo thông tin công bố. Đối với các chỉ tiêu không có thông tin công bố, Bản cáo bạch ghi nhận là "N/A".

Việc so sánh nhằm cung cấp góc nhìn tham khảo về phạm vi sản phẩm của các doanh nghiệp cùng ngành, không nhằm đánh giá xếp hạng hay thị phần.

*** So sánh công nghệ sản xuất**

Tiêu chí	Miza	HKB Paper	Tân Kim Cương	Việt Trì	Đồng Hải Bến Tre	Hoàng Hà Hải Phòng
Công nghệ xeo giấy	Fourdrinier hiện đại	Fourdrinier hiện đại	Truyền thống	Truyền thống	Fourdrinier đa lớp	Fourdrinier đa lớp
Lò hơi	Hiện đại	Hiện đại	Lò hơi tầng sôi	Cũ	Sinh khối/than	Sinh khối hiện đại
Xử lý nước thải	UF/NF/RO	Hiện đại	Truyền thống	Truyền thống	Sinh học + hóa lý	Sinh học + hóa lý nâng cao
Thu hồi bột giấy	95%	N/A	N/A	N/A	~85-90%	~90-92%
Tiêu chuẩn môi trường	QCVN 13:2008	N/A	N/A	N/A	QCVN 12-MT:2015	QCVN 12-MT:2015
Hiệu quả năng lượng	Cao	Cao	Thấp	Thấp	Cao	Cao

Nguồn: CTCP Miza

Theo thông tin công bố, Miza và HKB Paper áp dụng công nghệ xeo giấy Fourdrinier và các giải pháp sản xuất ở mức độ hiện đại; trong khi Tân Kim Cương và Giấy Việt Trì sử dụng công nghệ truyền thống hơn, Đông Hải Bến Tre và Hoàng Hà Hải Phòng sử dụng Fourdrinier đa lớp. Đối với các chỉ tiêu không có thông tin công bố, Bản cáo bạch ghi nhận là "N/A".

* So sánh mô hình hoạt động

Đvt: Tỷ đồng

Tiêu Chí	Miza	HKB Paper	Tân Kim Cương	Việt Trì	Đông Hải Bến Tre	Hoàng Hà Hải Phòng
Giải thưởng ESG	Top 10 (2025)	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Chứng chỉ ISO	9001, 14001	N/A	N/A	N/A	ISO 9001, 14001	ISO 9001, 14001
Báo cáo ESG	Có (EY)	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Sàn Niêm yết/ Giao dịch	HOSE	Không	Không	UPCOM	HOSE	HOSE
Doanh thu 2024	4.445	N/A	N/A	1.798	3.597	1.870
Lợi nhuận gộp 2024	337	N/A	N/A	225	426	58
Lợi nhuận ròng 2024	73	N/A	N/A	111	242	24
Biên lợi nhuận gộp 2024	7,6%	N/A	N/A	12,5%	11,8%	3,1%
Biên lợi nhuận ròng 2024	1,6%	N/A	N/A	6,2%	6,7%	1,3%
Doanh thu 2025	4.828	N/A	N/A	2.021	3.633	3.124
Lợi nhuận gộp 2025	401	N/A	N/A	327	587	200
Lợi nhuận ròng 2025	119	N/A	N/A	197	393	53
Biên lợi nhuận gộp 2025	8,3%	N/A	N/A	16,2%	16,2%	6,4%
Biên lợi nhuận ròng 2025	2,5%	N/A	N/A	9,8%	10,8%	1,7%

Nguồn: CTCP Miza

Theo thông tin công bố tại thời điểm lập Bản cáo bạch, Miza là doanh nghiệp trong nhóm so sánh có công bố thông tin về hoạt động ESG, chứng chỉ quản lý và báo cáo ESG định kỳ, đồng thời đăng ký niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Các doanh nghiệp còn lại có mức độ công bố thông tin khác nhau tùy theo mô hình hoạt động và tình trạng niêm yết. Đối với các chỉ tiêu không có thông tin công bố, Bản cáo bạch ghi nhận là "N/A".

Trên cơ sở các thông tin công bố và tổng hợp tại thời điểm lập Bản cáo bạch, việc so sánh với một số doanh nghiệp cùng ngành cho thấy mỗi doanh nghiệp có định hướng phát triển, phạm vi sản phẩm, mức độ đầu tư công nghệ và thực hành công bố thông tin khác nhau, phản ánh sự đa dạng về mô hình hoạt động trong chuỗi giá trị ngành giấy – bao bì. Công ty Cổ phần Miza được

định vị là doanh nghiệp tập trung vào phân khúc giấy bao bì, gắn với đầu tư công nghệ sản xuất. Trong đó, Miza nổi bật với việc chú trọng các hoạt động quản trị và phát triển bền vững. Việc so sánh này được thực hiện nhằm cung cấp thông tin tham khảo về đặc điểm hoạt động tương đối của một số công ty trong ngành, không nhằm đánh giá thứ hạng, thị phần hay hiệu quả hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp nào trong nhóm so sánh.

10.9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành giấy và bao bì giấy được dùng làm vật liệu sản xuất cho nhiều loại vật dụng góp phần quan trọng vào phục vụ đời sống con người cũng như phục vụ cho sự phát triển của rất nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế khác như: viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp,... Do đó, ngành công nghiệp giấy ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống và là sản phẩm thiết yếu trong cuộc sống của mỗi người dân, cũng như giữ một vai trò quan trọng trong sản xuất nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam (VPPA), trong những năm gần đây, ngành Giấy Việt Nam có tốc độ phát triển ấn tượng khoảng 10-12%/năm, riêng giấy bao bì khoảng 15-17%/năm, trong lĩnh vực này đã có những dự án đầu tư công suất lớn đang hoạt động (400-500 nghìn tấn/năm); một số doanh nghiệp đang dự kiến đầu tư dự án có công suất trên 1 triệu tấn giấy bao bì/năm. Với nhu cầu gia tăng mạnh và vai trò đa dạng đối với kinh tế, sản xuất của ngành giấy đóng góp khoảng 1,5% giá trị GDP, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD.

Triển vọng của ngành giấy Việt Nam trong trung và dài hạn được đánh giá tích cực, đặc biệt đối với phân khúc giấy bao bì công nghiệp - lĩnh vực hoạt động chính của Công ty. Ngành giấy đang được thúc đẩy bởi tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, đầu tư gia tăng và sự tập trung vào phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn. Thị trường bao bì giấy tại Việt Nam được dự báo sẽ đạt 4,14 tỷ USD vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 9,73% trong giai đoạn 2024-2029.

Từ năm 2021 đến nay, xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy của Việt Nam liên tục duy trì ở mức cao so với cùng kỳ các năm trước. Cụ thể, trong năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu 7,636 tỷ USD bao bì và nhân hàng, tăng 20% so với năm 2023. Tổng lượng giấy xuất khẩu đạt 2,033 triệu tấn, trong đó giấy bao bì chiếm 1,759 triệu tấn. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu bao bì giấy lớn nhất của Việt Nam trong tháng 4/2024, đạt 142 triệu USD, tiếp theo là Trung Quốc với 108 triệu USD.

Theo các chuyên gia trong ngành, xuất khẩu giấy bao bì của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới, nhờ vào các yếu tố hỗ trợ như: năng lực sản xuất được đầu tư mở rộng, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, cũng như lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTAs) mà Việt Nam đã ký kết.

Bên cạnh đó, Trung Quốc - thị trường tiêu thụ giấy lớn nhất khu vực - vẫn duy trì nhu cầu nhập khẩu bột giấy lớn. Trong bốn tháng đầu năm 2025, Trung Quốc đã nhập khẩu khoảng 2,32 triệu tấn bột giấy gỗ mềm tẩy trắng và 3,08 triệu tấn bột giấy gỗ cứng. Mặc dù có sự biến động nhỏ trong nhập khẩu một số loại bột giấy, nhu cầu tổng thể từ Trung Quốc tiếp tục tạo ra cơ hội xuất khẩu đáng kể cho các doanh nghiệp giấy Việt Nam, đặc biệt là các nhà sản xuất có khả năng cung ứng ổn định và đạt tiêu chuẩn môi trường.

Tại thị trường nội địa, mức tiêu thụ giấy bình quân đầu người của Việt Nam hiện là khoảng 65 kg/người, vẫn thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực, cho thấy dư địa tăng trưởng còn lớn. Nhu cầu sử dụng giấy bao bì cho sản phẩm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu dự kiến tăng mạnh, với nhu cầu giấy nói chung tăng 8-10%/năm và giấy bao bì tăng khoảng 15%/năm. Sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, với hơn một nửa dân số Việt Nam dự kiến sẽ tham gia mua sắm trực tuyến vào năm 2025, cũng là một yếu tố thúc đẩy đáng kể nhu cầu giấy bao bì. Phân khúc giấy bao bì cao cấp, bao gồm giấy tráng phủ và giấy in bao bì mỹ thuật, đang nổi lên như một khu vực thị trường giàu tiềm năng, nhưng hiện nay vẫn chưa được khai thác tương xứng.

10.9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Với những nhận định như trên về triển vọng phát triển của ngành đồng thời với những chính sách hỗ trợ của nhà nước, thị nhu cầu của thị trường đối với các sản phẩm của Công ty hiện nay là rất lớn, không chịu ảnh hưởng nhiều bởi chu kỳ của nền kinh tế và có tiềm năng phát triển. Vì vậy, có thể nói định hướng phát triển của Công ty hết sức phù hợp so với định hướng của ngành cũng như các chính sách của Nhà nước, xu thế phát triển xanh của thế giới.

10.10. Hoạt động Marketing

Uy tín, hình ảnh của Công ty Cổ phần Miza được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng sản phẩm, dịch vụ Công ty cung cấp và kinh nghiệm trong các năm qua. Công ty xác định để có được khách hàng, thỏa mãn, duy trì lòng tin và giữ được khách hàng, cũng như mở rộng và ổn định hoạt động kinh doanh thì yếu tố đầu tiên là chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Ngoài mục đích trên thì hiệu quả kinh tế, lợi nhuận doanh nghiệp, thu nhập của người lao động là vấn đề mà doanh nghiệp cũng rất quan tâm.

Sau gần 15 năm sản xuất trong lĩnh vực tái chế giấy, thương hiệu MIZA từ lâu đã gắn bó với các bạn hàng trong và ngoài nước, đây là thế mạnh để Công ty nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay. Nhằm giữ vững tên tuổi, Công ty đã xác định xuyên suốt chủ trương đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu thương mại, phát minh sáng chế và bản quyền của MIZA.

Trước áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều biện pháp nhằm ổn định và phát triển thị phần của Công ty. Bên cạnh những giải pháp về nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến hoạt động Marketing nhằm quảng bá hình ảnh và sản phẩm. Công ty xác định điểm mạnh của các sản phẩm là "Chất lượng vượt trội", do đó công tác quảng bá thương hiệu và chất lượng sản phẩm là một trong những ưu tiên hàng đầu.

Sau nhiều năm xây dựng và phát triển, Công ty hiện đã thiết kế được chương trình marketing chuyên nghiệp và hiệu quả. Chương trình này được thiết kế chi tiết từ việc tìm hiểu nhu cầu và tư vấn sản phẩm đối với khách hàng, quản lý chất lượng và khối lượng sản phẩm trong cả quá trình sản xuất và quá trình giao hàng đến việc quan tâm đánh giá mức độ thỏa mãn cũng như giải quyết thỏa đáng các khiếu nại của khách hàng về sản phẩm cung cấp.

Công ty cũng chú trọng marketing trên internet, website Công ty (www.miza.vn), truyền tải đầy đủ các mặt hàng với nhiều màu sắc, hình ảnh thu hút, cập nhật liên tục các thông tin, giá cả niêm yết,... Trên website của Công ty luôn có nhân viên kinh doanh online 24/7, cùng với đội ngũ chăm sóc khách hàng tận tâm, nhiệt tình chuyên biệt từng tỉnh thành, sẵn sàng trả lời các câu hỏi

liên quan đến Công ty, đến các sản phẩm của Công ty hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh website chính, Công ty cũng chú trọng đến hoạt động tiếp thị sản phẩm, hình ảnh của mình cũng như củng cố mối quan hệ với khách hàng thông qua các chương trình như quảng cáo giới thiệu sản phẩm và hình ảnh công ty trên các báo, tạp chí chuyên ngành; nâng cao, cập nhật các thông tin trên các website khác như: Trang vàng ngành giấy, Trang vàng Việt Nam,...

Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên có những chương trình ưu đãi, khuyến mãi lớn để tri ân khách hàng. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, hoạt động tài trợ cho các cuộc thi, chương trình, tham gia hội chợ triển lãm,... giúp xây dựng hình ảnh, củng cố thương hiệu, uy tín của Công ty trong và ngoài địa bàn Thành phố.

10.11. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, quyền tác giả và có logo riêng.

- Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Miza
- Tên tiếng Anh: MIZA CORPORATION
- Logo Công ty:



- Công ty đã đăng ký tên miền: www.miza.vn

Số nhãn hiệu 309822 cấp theo Quyết định số 87015/QĐ-SHTT ngày 03/12/2018 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Logo trên dùng làm nhãn hiệu quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Đứng trước áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường và vấn đề xâm phạm nhãn hiệu, bản quyền từ các đối thủ, Công ty đã chủ động đăng ký bảo hộ nhiều nhãn hiệu hàng hóa nổi tiếng. Hiện tại, Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa Học và Công Nghệ) cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho logo với thời gian bảo hộ là 10 năm kể từ ngày 03/06/2016.

10.12. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong 02 năm vừa qua và cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển cả về con người lẫn máy móc thiết bị. Đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn dành những nguồn lực tốt nhất, sẵn sàng cho công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến sản xuất. Việc nghiên cứu và phát triển do Bộ phận ông nghệ sản xuất – Khoa học kỹ thuật của Công ty phụ trách, bao gồm đội ngũ cán bộ dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, luôn không ngừng nghiên cứu sản phẩm nhằm phát triển, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm cũng như đáp ứng các nhu cầu, tiêu chuẩn ngày càng cao của khách hàng. Để đáp ứng các tiêu chuẩn về xuất khẩu tại các thị trường phát triển, các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và đáp ứng tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường quốc tế như ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.

Trong những năm qua, Công ty chú trọng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa quy trình sản xuất và gia tăng giá trị thương hiệu. Thông qua các hoạt động này, Công ty hướng tới việc cung cấp các sản phẩm giấy có chất lượng ổn định, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, đồng thời từng bước củng cố vị thế thương hiệu tại khu vực miền Bắc và trên phạm vi toàn quốc.

Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới bao gồm:

- Phân đầu đến năm 2030 đạt tổng công suất khoảng 1 triệu tấn/năm, hướng tới trở thành một trong những doanh nghiệp có quy mô và vị thế trong ngành giấy tại Việt Nam.
- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, từng bước xây dựng và phát triển thương hiệu theo hướng bền vững.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị thành viên trong tập đoàn nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình phát triển.
- Từng bước xây dựng nền tảng phát triển ổn định, tạo tiền đề cho việc mở rộng quy mô hoạt động trong giai đoạn 2025 - 2030.

Với những nỗ lực của việc nghiên cứu phát triển, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được nâng cao với chất lượng sản phẩm được cải tiến, giảm tỷ lệ tiêu hao năng lượng trên sản phẩm, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu.

10.13. Chiến lược kinh doanh

Đứng trước những khó khăn và thách thức trong thời kỳ kinh tế cạnh tranh khốc liệt, Công ty đã xác định để thực hiện được kế hoạch đề ra cần phải có những nhận thức và định hướng kinh tế đúng đắn phù hợp với tình hình thực tế. Vừa duy trì nhịp độ tăng trưởng ổn định của các mặt hàng truyền thống vừa đẩy mạnh phát triển thị trường mới, chú trọng đặc biệt công tác xuất khẩu sản phẩm đến các nước trong khu vực Châu Á, mở rộng thị trường sang Châu Âu và Châu Mỹ. Với phương châm thống nhất hành động từ chỉ đạo đến thực hiện trong toàn hệ thống với các chiến lược cụ thể như sau:

Về Kinh doanh:

- Giữ vững và phát triển thị trường theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí sản xuất, chế độ bán hàng linh hoạt, phát huy và khai thác tối đa các tiềm năng và nguồn lực sẵn có.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị và phát triển thị trường tạo thị phần vững chắc cho sản phẩm trên thị trường Việt Nam và hướng tới xuất khẩu.
- Ưu tiên phát triển Công ty lớn mạnh tập trung vào các lĩnh vực chủ lực. Trở thành Tập đoàn top đầu về ngành giấy và là Tập đoàn có hệ sinh thái phong phú, đa dạng, hoạt động trong lĩnh vực chính: Giấy - Bột giấy - Bao bì, túi giấy;
- Phát triển các sản phẩm của Công ty, đưa hình ảnh Công ty tới gần hơn với người sử dụng.
- Công ty định hướng phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng chủ động bám sát nhu cầu thị trường, thông qua việc tăng cường thu thập, phân tích thông tin và dự báo xu hướng tiêu thụ ngay từ giai đoạn sớm. Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng danh mục sản phẩm và chính sách kinh doanh phù hợp với từng phân khúc khách hàng và khu vực thị trường.
- Công ty chuyển đổi phương thức kinh doanh từ bị động (phụ thuộc vào đơn đặt hàng) sang chủ động tiếp cận, tư vấn và đề xuất giải pháp sản phẩm phù hợp với nhu cầu cụ thể của khách hàng trong lĩnh vực giấy bao bì và nguyên liệu giấy tái chế.
- Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối và hoàn thiện hệ thống vận hành nhằm nâng cao khả năng cung ứng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng tại các khu vực địa lý khác nhau, bao gồm cả các thị trường ngoài khu vực truyền thống.

Về Đầu tư Công nghệ:

- Tiếp tục đầu tư, nghiên cứu, áp dụng những công nghệ mới vào quy trình sản xuất cho phù hợp với các tiêu chuẩn về Chất lượng, an toàn với môi trường
- Nâng cao hoạt động, mở rộng quy mô, đáp ứng nhu cầu của thị trường
- Triển khai phân bổ hoạt động sản xuất hợp lý giữa các đơn vị thành viên nhằm tối ưu hóa công suất và hiệu quả vận hành; tăng cường phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau giữa các nhà máy. Công ty xây dựng và phát triển hệ thống nhà cung cấp đáp ứng các tiêu chí về chất lượng, chi phí và tiến độ giao hàng; đồng thời triển khai các giải pháp tối ưu chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng mặt bằng, hạ tầng tại các nhà máy.

Về Kỹ thuật:

- Cải cách chế tạo dòng sản phẩm định lượng cao;
- Thiết lập phương pháp chế tạo mới và phát triển phương án hiện có;
- Cải tiến điều kiện sản xuất nhằm giảm chi phí, phát triển sản phẩm mới trên cơ sở sử dụng nguyên liệu bột giấy nguyên sinh (UKP) và bột giấy tái chế (Recycle Pulp);
- Tối ưu hóa giá thành và áp dụng các công nghệ phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai;
- Yếu tố môi trường;
- Áp dụng quy trình quản lý môi trường tiên tiến;
- Đáp ứng các yêu cầu về hoạt động môi trường, thực hiện trách nhiệm với xã hội.

Về chính sách cho người lao động:

- Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của cán bộ công nhân viên, tập trung vào công tác phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng định hướng phát triển sản xuất kinh doanh và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.
- Tập trung cho công tác đào tạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ, học hỏi công nghệ mới ở nước ngoài nhằm nâng cao trình độ cho người lao động.

Định hướng thực hiện:

- Về thời gian thực hiện: Các định hướng nêu dưới đây dự kiến được triển khai trong giai đoạn trung hạn 2025 - 2030, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Công ty;
- Về nguồn vốn: đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư và hoạt động, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay thương mại, và có thể xem xét huy động từ các kênh thị trường vốn (trái phiếu, cổ phần) tùy theo nhu cầu từng giai đoạn; đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng vốn an toàn và hiệu quả;
- Về nguồn lực dự kiến: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo; xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động;
- Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ, kênh phân phối và khách hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Về công nghệ: định hướng đầu tư, cải tiến công nghệ sản xuất, cập nhật công nghệ sản xuất mới theo hướng hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao và thân thiện môi trường;

- Về quản trị điều hành: nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

10.14. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Công ty Cổ phần Miza hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy tái chế, trong đó có hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, tổ chức nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất phải đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường và được cấp Giấy phép môi trường.

Tại thời điểm của Bản cáo bạch này, Công ty đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành và đã được cấp Giấy phép môi trường còn hiệu lực để thực hiện hoạt động nhập khẩu phế liệu phục vụ sản xuất. Phế liệu được nhập khẩu để sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất giấy tái chế tại các nhà máy của Công ty, không sử dụng cho các mục đích thương mại khác.

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm môi trường trong suốt quá trình nhập khẩu và sử dụng phế liệu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

11. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

11.1. Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty

Số lượng lao động của Công ty trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán 2024 và 2025 lần lượt là 337 và 350 người.

Tính đến thời điểm 30/06/2026, tổng số lượng lao động của Công ty là 417 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau.

Bảng số 20: Cơ cấu lao động Công ty

Cơ cấu lao động	Năm 2024		Năm 2025		Thời điểm 30/06/2026	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Phân loại theo giới tính	337	100%	350	100%	415	100%
Nam	275	81,6%	300	85,71%	350	84,34%
Nữ	62	18,4%	50	14,29%	65	15,66%
Phân loại theo trình độ	337	100%	350	100%	415	100%

Cơ cấu lao động	Năm 2024		Năm 2025		Thời điểm 30/06/2026	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Đại học, trên đại học	64	19%	69	19,71%	74	17,83%
Cao đẳng, Trung cấp	125	37,1%	132	37,72%	145	34,94%
Đối tượng khác	148	43,9%	149	42,57%	196	47,23%
Tổng	337	100%	350	100%	415	100%

Nguồn: CTCP Miza

11.2. Chế độ làm việc

Đối với nhân viên văn phòng: Làm việc theo giờ hành chính từ 08h00 - 17h00, nghỉ và ăn trưa từ 12h00 đến 13h00, giờ nghỉ và ăn trưa không được tính lương. Thời gian làm việc từ thứ Hai đến hết thứ Bảy hàng tuần.

Đối với nhân viên làm theo ca: một ngày làm việc gồm 3 ca: ca 1: từ 6h00 - 14h00; ca 2: 14h00-22h00 và ca 3: từ 22h00-6h00 sáng hôm sau. Giờ nghỉ giữa ca đối với các ca 1 và ca 2 là 30 phút, với ca 3 là 40 phút. Hàng tháng, nhân viên sẽ được nghỉ số ngày theo tiêu chuẩn.

Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Bộ luật Lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc, nhà xưởng gọn sạch, đảm bảo ánh sáng, an toàn lao động, đầy đủ điều kiện làm việc cho người lao động. Cán bộ công nhân viên (CBCNV) đi công tác xa được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

11.3. Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự của Công ty. Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc.

Tại Công ty, tất cả các CBCNV đều có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc; theo kế hoạch đào tạo, phát triển hàng năm; ngoài ra Công ty cũng khuyến khích CBCNV chủ động tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn trong công việc và được Công ty hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí.

Hàng năm Công ty còn tổ chức cho CBCNV xuất sắc tham gia những khóa học bổ sung, hoàn thiện kiến thức để đảm nhận những công việc ở tầm cao hơn: Khóa Nâng cao năng lực quản lý, giám sát, khóa đào tạo giảng viên nội bộ, khóa nâng cao năng lực chuyên môn.

Song song với hình thức đào tạo ngoài công việc, Công ty cũng chú trọng tới công tác đào tạo nội bộ: Đào tạo xây dựng Chiến lược, kế hoạch, đào tạo về ISO, KPI, 5S hay những buổi chia sẻ về kỹ năng mềm (Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm ...) ngoài mục đích chia sẻ

kiến thức, kỹ năng những buổi đào tạo nội bộ này tạo ra sự gắn kết và chia sẻ của các CBCNV Công ty.

11.4. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp/ phúc lợi

Công ty thực hiện nghiêm túc các chế độ về lương, về bảo hiểm và các chế độ đối với người lao động theo đúng quy định của nhà nước và thỏa ước lao động đã ký giữa Công ty và Công đoàn cơ sở cũng như hợp đồng lao động đối với từng người trong Công ty.

Vào cuối mỗi năm tài chính, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ có chính sách khen thưởng thành tích dựa trên mức độ hoàn thành chỉ tiêu cá nhân theo đánh giá định kỳ. Mức thưởng này sẽ được quy định cụ thể, chi tiết và công bằng cho từng cấp độ CBCNV với mục đích: Khen thưởng theo mức độ hoàn thành công việc, tạo động lực làm việc; Tạo một môi trường thi đua lành mạnh để CBCNV phát huy hết tiềm năng bản thân; Đáp ứng nhu cầu được công nhận của CBCNV, là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà CBCNV đã thể hiện.

Công ty thực hiện các chế độ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, phúc lợi cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể hàng năm như: Phụ cấp ăn giữa ca, tăng ca; Xe đưa đón CBCNV; Chính sách thăm hỏi, ốm đau; Trang bị bảo hộ lao động; Thưởng lương tháng thứ 13; Quà, tiền thưởng vào các dịp Lễ, Tết,... Ngoài 2 loại hình Bảo hiểm bắt buộc (BHYT, BHXH), Công ty còn đăng ký bảo hiểm sức khỏe đặc biệt 100% và bảo hiểm nhân thọ cho những CBCNV chủ chốt, gắn bó làm việc lâu dài tại Công ty để đảm bảo sức khỏe của nhân viên được chăm sóc tốt nhất cũng như tạo cho nhân viên cảm giác an toàn, được quan tâm chu đáo.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến trong hoạt động đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.

- Khen thưởng hàng tháng trong trường hợp hoàn thành vượt mức kế hoạch và nhiệm vụ hàng tháng, hàng năm.
- Thưởng nhân dịp lễ, tết trong năm ...

Thêm vào đó, Công ty tạo điều kiện cho hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ chức các chương trình hội thao, văn nghệ, tìm hiểu và hỗ trợ cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức khen thưởng cho con em người lao động đạt thành tích cao trong học tập, ...

11.5. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

12. Chính sách cổ tức

ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Cổ tức có thể được trả bằng tiền, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và

Điều lệ Công ty và ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

HDQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.

Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đã đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán được tiến hành theo các quy định của pháp luật. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Bảng số 21: Tình hình chi trả cổ tức qua các năm gần nhất

	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá cổ phiếu	0%	10%*
Hình thức chi trả	N/A	Cổ phiếu

(*) Căn cứ trên Nghị quyết ĐHĐCĐ số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/04/2026, HDQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 220601/2026/NQ-HDQT-MZ ngày 22/06/2026 để triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 từ nguồn lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán. Kết quả phát hành đã được HDQT thông qua tại Nghị quyết số 240701/2026/NQ-HDQT-MZ ngày 24/07/2026. Theo đó, Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:10 với ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là 21/07/2026. Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức là 11.650.489 cổ phiếu và tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau đợt phát hành trả cổ tức là 128.157.063 cổ phiếu.

Nguồn: CTCP Miza

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty hoàn tất đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu vào ngày 12/11/2025, là đợt chào bán gần nhất.

Theo Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 318/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17/9/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY ngày 22/07/2026 ghi nhận:

Số tiền đã huy động	(1)	105.915.060.000
Chi phí phát hành	(2)	355.100.000
Số tiền ròng thu được	(3) = (1) – (2)	105.559.960.000

Đơn vị tính: Đồng

Mục đích sử dụng vốn	Số tiền thực tế giải ngân (VND)	Số tiền chưa sử dụng (VND)
Các khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 7805.25.002.10278.TD ngày 14/03/2025	75.915.000.000	0
Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số: 283846.25.059.977699.TD ngày 06/03/2025	19.000.000.000	0
Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/3821838/HĐTD ngày 11/11/2024	10.644.960.000	0
Tổng	105.559.960.000	0

Công ty sử dụng toàn bộ số tiền vốn thu được từ đợt phát hành phù hợp theo mục đích sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty được phê duyệt.

Ý kiến của kiểm toán viên

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.059.150.680.000 đồng lên 1.165.065.740.000 đồng của Công ty Cổ phần Miza, phù hợp với cơ sở kế toán được trình bày tại Thuyết minh II.1 - Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn."

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngày 15/12/2025 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Miza (MZG) đã ban hành Nghị quyết số 151201/NQ-HĐQT-MZ về việc phê duyệt phương án phát hành trái phiếu và bảo lãnh thanh toán của MZG cho các nghĩa vụ thanh toán cho trái phiếu của Công ty TNHH Miza Nghi Sơn (MZNS). Trong năm 2025, Công ty TNHH Miza Nghi Sơn đã thực hiện phát hành thành công với giá trị là 150 tỷ đồng.

Việc phát hành trái phiếu xanh là để đa dạng nguồn vốn đầu tư cho việc mở rộng sản xuất của nhà máy MZNS. Tại thời điểm ban đầu, MZNS đã sắp xếp nguồn vốn tài trợ từ BIDV, việc bổ sung thêm nguồn vốn từ việc phát hành trái phiếu không làm thay đổi tổng mức đầu tư dự án, đồng thời không làm thay đổi tổng tỷ lệ cơ cấu vốn của dự án. Vốn vay/huy động khác so với vốn tự có vẫn giữ tỷ lệ 70/30.

Việc chuẩn bị nguồn lực và kế hoạch triển khai dự án đã được tính toán và chứng minh có hiệu quả. Vì vậy, nguồn trả nợ cho khoản tín dụng từ BIDV, hay việc phát hành trái phiếu xanh không làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Các khoản chi phí đã được tính toán đảm bảo hiệu quả của dự án giai đoạn 2.

Đồng thời, đối với việc phát hành trái phiếu của MZNS, nghĩa vụ đảm bảo cho khoản vay được ưu tiên theo thứ tự sau: TSDB nhóm 1: 17 triệu cổ phiếu MZG (Giá trị định giá tại thời điểm 30/09/2025 ~ 258 tỷ đồng) thuộc sở hữu của bên thứ 3; TSDB nhóm 2: Cam kết bảo lãnh thanh toán Công ty Cổ phần Miza. Như vậy, MZNS luôn chủ động trong việc sử dụng tài sản đảm bảo nhóm 1 để đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán cho việc phát hành trái phiếu tại mọi thời điểm và không làm thay đổi kết cấu vốn, hiệu quả kinh tế của dự án giai đoạn 2.

Như vậy việc Công ty cam kết bảo lãnh thanh toán cho trái phiếu của Công ty TNHH Miza Nghi Sơn không phát sinh nghĩa vụ nợ tiềm ẩn cũng như nghĩa vụ thanh toán tại mọi thời điểm. Do đó không làm ảnh hưởng tới tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới của Công ty.

16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 22 và 23 tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và 6 tháng đầu năm 2026.

Bảng số 22: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(giảm) 2025-2024	6 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	4.439.813.340.191	5.209.391.692.982	17,33%	5.963.250.913.800
Doanh thu thuần	4.444.866.501.206	4.827.804.399.848	8,62%	2.367.739.211.084
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	71.794.761.499	129.352.888.277	80,17	86.128.060.712
Lợi nhuận/(lỗ) khác	1.686.150.368	(3.118.292.414)	-284,94	2.314.596.330
Lợi nhuận trước thuế TNDN	73.480.911.867	126.234.595.863	71,79	88.442.657.042

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(giảm) 2025-2024	6 tháng đầu năm 2026
Lợi nhuận sau thuế TNDN	72.579.904.759	118.564.342.883	63,36	83.267.218.846
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	0%	98%	98	-
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá cổ phiếu (%)	0%	10%	10	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC HN soát xét bán niên năm 2026
(*) Tính toán dựa trên tổng giá trị theo mệnh giá của số cổ phiếu đã phát hành trả cổ tức. Căn cứ trên Nghị quyết ĐHĐCĐ số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/04/2026, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 220601/2026/NQ-HĐQT-MZ ngày 22/06/2026 để triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 từ nguồn lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán. Kết quả phát hành đã được HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 240701/2026/NQ-HĐQT-MZ ngày 24/07/2026. Theo đó, Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:10 với ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là 21/07/2026. Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức là 11.650.489 cổ phiếu và tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau đợt phát hành trả cổ tức là 128.157.063 cổ phiếu.

Trong năm 2024, Công ty ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 4.444.866.501.206 đồng. Bước sang năm 2025, doanh thu tiếp tục tăng trưởng nhẹ ở mức 8,62%, đạt 4.827.804.399.848 đồng, nhờ sự ổn định về quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần đạt 2.367.739.211.084 đồng, tương đương 49% mức thực hiện của cả năm 2025, tiếp tục phản ánh hoạt động kinh doanh bền vững và ổn định trong điều kiện thị trường cạnh tranh.

Năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty đạt 71.794.761.499 đồng. Sang năm 2025, chỉ tiêu này tăng trưởng ấn tượng ở mức 80,17%, đạt 129.352.888.277 đồng, phản ánh hiệu quả hoạt động được cải thiện rõ rệt nhờ biên lợi nhuận gộp tăng và chi phí tài chính được kiểm soát. Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty ghi nhận lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 86.128.060.712 đồng, tương đương 66,58% kết quả thực hiện cả năm 2025, tạo nền tảng tích cực để hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2026.

Trong năm 2024, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 73.480.911.867 đồng. Sang năm 2025, chỉ tiêu này tăng 71,79%, lên 126.234.595.863 đồng, phản ánh sự tăng trưởng tích cực trong kết quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả quản trị chi phí. Trong 6 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận trước thuế đạt 88.442.657.042 đồng, tương đương khoảng 70% mức thực hiện của cả năm 2025, cho thấy đà tăng trưởng khả quan trong năm 2026.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 đạt 72.579.904.759 đồng và tăng 63,36% trong năm 2025 lên mức 118.564.342.883 đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận sau thuế đạt 83.267.218.846 đồng, tương ứng 70% so với kết quả thực hiện cả năm 2025.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần của Công ty trong giai đoạn 2024 đến giữa năm 2026 duy trì ổn định quanh mức 1,6% đến 3,5%, cho thấy khả năng sinh lời bền vững

của mô hình kinh doanh trong bối cảnh thị trường nguyên vật liệu và năng lượng có nhiều biến động.

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức, do đang tập trung nguồn lực tài chính để triển khai Giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy sản xuất giấy bao bì Miza Nghi Sơn, nâng tổng công suất toàn nhà máy lên trên 220.000 tấn/năm. Việc tái đầu tư lợi nhuận nhằm phục vụ chiến lược tăng trưởng dài hạn và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Năm 2026, Công ty Cổ phần Miza đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:10, tương ứng cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền nhận cổ tức và cứ 100 quyền nhận sẽ được nhận thêm 10 cổ phiếu mới. Tỷ lệ chi trả cổ tức trên lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 98%, phản ánh cam kết của Công ty trong việc chia sẻ lợi ích với cổ đông trên nền tảng kết quả kinh doanh tích cực. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 đạt 118.564.342.883 đồng, trong đó giá trị cổ tức chi trả (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) là 116.506.570.000 đồng.

Bảng số 23: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(giảm) 2025-2024	6 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	1.868.807.609.788	2.062.135.284.516	10,34	2.290.058.893.611
Doanh thu thuần	1.310.455.443.629	1.453.690.416.522	10,93	679.787.948.590
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	52.356.444.128	57.065.064.577	8,99	33.860.719.164
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(500.860.682)	269.402.216	-153,69	92.321.433
Lợi nhuận trước thuế TNDN	51.855.583.446	57.334.466.793	10,56	33.953.040.597
Lợi nhuận sau thuế TNDN	50.954.576.338	55.741.184.521	9,39	33.002.083.224
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	0%	209%	209	-
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá cổ phiếu (%)	0%	10%	10	-

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

(*) Tính toán dựa trên tổng giá trị theo mệnh giá của số cổ phiếu đã phát hành trả cổ tức. Căn cứ trên Nghị quyết ĐHĐCĐ số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/04/2026, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 220601/2026/NQ-HĐQT-MZ ngày 22/06/2026 để triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 từ nguồn lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán. Kết quả phát hành đã được HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 240701/2026/NQ-HĐQT-MZ ngày 24/07/2026. Theo đó, Công ty

phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:10 với ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là 21/07/2026. Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức là 11.650.489 cổ phiếu và tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau đợt phát hành trả cổ tức là 128.157.063 cổ phiếu.

Trong giai đoạn năm 2024 - 2025 và cập nhật đến hết nửa đầu năm 2026, quy mô tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty mẹ ghi nhận xu hướng tăng trưởng ổn định. Tổng giá trị tài sản đạt 1.868.807.609.788 đồng tại ngày 31/12/2024 và tăng lên 2.062.135.284.516 đồng tại ngày 31/12/2025 (tăng 10,34%), tiếp tục đạt 2.290.958.893.611 đồng tại thời điểm 30/06/2026.

Doanh thu thuần đạt 1.310.455.443.629 đồng năm 2024 và 1.453.690.416.522 đồng năm 2025 (tăng 10,93%). Trong nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần ghi nhận 679.787.948.590 đồng. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng từ 52.356.444.128 đồng năm 2024 lên 57.065.064.577 đồng năm 2025 (tăng 8,99%). Đến hết ngày 30/06/2026, chỉ tiêu này đạt 33.860.719.164 đồng.

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 57.334.466.793 đồng và 55.741.184.521 đồng trong năm 2025, tương ứng tăng 10,57% và 9,39% so với năm 2024. Trong nửa đầu năm 2026, lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 33.953.040.597 đồng và 33.002.083.224 đồng. Khoản lợi nhuận khác biến động giữa các kỳ do tính chất không thường xuyên và không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả chung.

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức để dồn nguồn lực cho đầu tư và triển khai các kế hoạch mở rộng công suất. Đối với năm 2025, Công ty mẹ đã hoàn tất thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% (tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 10 cổ phiếu mới), với tổng giá trị chi trả tương đương 149% lợi nhuận sau thuế.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất

1.2.1. Những nhân tố thuận lợi

Trong giai đoạn từ đầu năm 2024 đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Miza được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố thuận lợi. Trước hết, nhu cầu tiêu thụ giấy bao bì trong nước tăng trưởng mạnh, do việc sử dụng bột giấy và giấy ngày càng tăng trong nhiều ứng dụng khác nhau, đặc biệt là ngành bao bì thực phẩm và đồ uống.

Bên cạnh đó, việc đầu tư nâng công suất tại Nhà máy Miza Nghi Sơn và vận hành hiệu quả dự án bột giấy tái chế (RCP) đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng doanh thu. Công ty cũng tăng tỷ trọng sản phẩm giấy cao cấp như Kraftliner – dòng sản phẩm có giá bán và biên lợi nhuận cao hơn các sản phẩm truyền thống như Testliner và Medium.

Về công nghệ và sản xuất, Miza đã đẩy mạnh đổi mới thiết bị tại phân xưởng số 1 và số 2, tối ưu định lượng và khô giấy, giúp tăng sản lượng từ 3–5%, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Việc quản lý tối chi phí sản xuất, cùng với chiến lược sử dụng nguyên liệu tái chế giúp công ty hạn chế tác động từ biến động giá nguyên liệu và duy trì biên lợi nhuận ổn định.

Ngoài ra, xu hướng toàn cầu hướng tới tiêu dùng bền vững và sản phẩm thân thiện môi trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho Miza – một doanh nghiệp sản xuất giấy tái chế – mở rộng quan hệ với các khách hàng quốc tế có tiêu chuẩn cao về môi trường.

1.2.2. Những nhân tố khó khăn

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi, Công ty cũng đối mặt với nhiều thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trước hết là biến động chi phí nguyên vật liệu. Sự phát triển của ngành bao bì tiêu dùng, cùng với xu thế thay thế bao bì nhựa bằng bao bì giấy vì lý do bảo vệ môi trường, là những yếu tố thúc đẩy nhu cầu thị trường bột giấy toàn cầu tăng cao. Điều đó dẫn đến giá giấy phế liệu - nguyên liệu đầu vào chính của Công ty - đã tăng cao trên thị trường toàn cầu.

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường cũng là một yếu tố ảnh hưởng. Các doanh nghiệp cùng ngành trong nước và khu vực gia tăng công suất và mở rộng sản phẩm khiến sức ép cạnh tranh về giá và chất lượng ngày càng cao, buộc Miza phải tăng đầu tư vào R&D và marketing để giữ vững thị phần.

Ngoài ra, phụ thuộc vào nguyên liệu tái chế cũng là một rủi ro tiềm ẩn. Mặc dù chiến lược này giúp giảm chi phí và thân thiện với môi trường, nhưng biến động nguồn cung và giá cả giấy phế liệu quốc tế có thể gây gián đoạn hoạt động sản xuất nếu không được kiểm soát hiệu quả.

Trong năm 2025, Công ty đối mặt với nhiều khó khăn cả từ yếu tố nội tại và tác động từ môi trường bên ngoài.

Về nội bộ, công tác bán hàng chưa đạt được tỷ lệ tiêu thụ kỳ vọng đối với các sản phẩm Krafliner và Testliner, ảnh hưởng tới kế hoạch mở rộng thị phần. Quản lý chất lượng sản phẩm tuy có cải thiện nhưng vẫn còn xảy ra lỗi, đòi hỏi cần tiếp tục siết chặt hơn quy trình kiểm soát. Công tác thu hồi công nợ chưa đạt hiệu quả cao, chưa thật sự quyết liệt trong xử lý, gây áp lực lên dòng tiền hoạt động. Bên cạnh đó, trình độ tay nghề và kỹ năng của đội ngũ công nhân kỹ thuật dù đã nâng cao nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu công việc trong bối cảnh đổi mới công nghệ. Công tác báo cáo sản xuất, kinh doanh, tài chính, nhân sự còn thiếu sự kịp thời, gây khó khăn cho việc nắm bắt và xử lý sớm các vấn đề phát sinh.

Về môi trường kinh doanh bên ngoài, ngành giấy tiếp tục chịu tác động mạnh từ biến động giá nguyên liệu giấy thu hồi trên thị trường thế giới, do căng thẳng nguồn cung và các chính sách kiểm soát môi trường tại các nước xuất khẩu lớn như Mỹ và Nhật Bản, làm tăng đáng kể chi phí đầu vào. Nhu cầu tiêu thụ giấy in ấn, giấy văn phòng có xu hướng suy giảm do sự chuyển dịch mạnh mẽ sang công nghệ số, tạo áp lực lên một số dòng sản phẩm truyền thống. Các yêu cầu về phân loại rác tại nguồn và tiêu chuẩn tái chế bền vững tại các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Mỹ ngày càng khắt khe, buộc doanh nghiệp phải đầu tư lớn vào công nghệ và quản lý môi trường để duy trì khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, tình trạng lạm phát toàn cầu duy trì ở mức cao và chính sách tiền tệ thắt chặt tại nhiều nền kinh tế lớn khiến chi phí tài chính, chi phí đầu tư và chi phí vận hành của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng tiêu cực tới biên lợi nhuận trong ngắn hạn. Những khó khăn này đòi hỏi Công ty phải có các giải pháp linh hoạt, kịp thời và đồng bộ để duy trì đà phát triển và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2025 đến nay, không có biến động lớn nào phát sinh có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi hoạt động

sản xuất và tài chính trong 6 tháng đầu năm 2026 vẫn diễn ra bình thường, doanh thu và lợi nhuận tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định theo kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng số 24: Tình hình Vốn điều lệ và Vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	% Tăng/giảm 2025-2024
I	Vốn điều lệ	1.059.150.680.000	1.165.065.740.000	1.165.065.740.000	10,00
II	Tổng cộng nguồn vốn (Vốn kinh doanh)	4.439.813.340.191	5.209.391.692.982	5.963.250.913.800	17,33
1	Nợ phải trả	3.177.828.219.503	3.723.282.269.411	4.408.319.210.563	17,16
-	Nợ ngắn hạn	2.363.326.756.187	2.598.704.697.674	2.704.154.140.045	9,96
-	Nợ dài hạn	814.501.463.316	1.124.577.571.737	1.704.165.070.518	38,07
2	Vốn chủ sở hữu	1.261.985.120.688	1.486.109.423.571	1.554.931.703.237	17,76
-	Vốn góp của chủ sở hữu	1.059.150.680.000	1.165.065.740.000	1.165.065.740.000	10,00
-	Thặng dư vốn cổ phần	32.500.000.000	32.144.900.000	32.144.900.000	-1,09
-	LNST chưa phân phối	170.334.440.688	288.898.783.571	357.721.063.237	69,61

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng số 25: Tình hình Vốn điều lệ và Vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	% Tăng/gi m 2025-2024
I	Vốn điều lệ	1.059.150.680.000	1.165.065.740.000	1.165.065.740.000	10
II	Tổng cộng nguồn vốn (Vốn kinh doanh)	1.868.807.609.788	2.062.135.284.516	2.290.058.893.611	10
1	Nợ phải trả	744.189.954.230	776.216.484.437	985.582.949.488	4
-	Nợ ngắn hạn	522.005.124.698	664.501.368.449	785.148.086.729	27
-	Nợ dài hạn	222.184.829.532	111.715.115.988	200.434.862.759	-50
2	Vốn chủ sở hữu	1.124.617.655.558	1.285.918.800.079	1.304.475.944.123	14
-	Vốn góp của chủ sở hữu	1.059.150.680.000	1.165.065.740.000	1.165.065.740.00 0	10
-	Thặng dư vốn cổ phần	32.500.000.000	32.144.900.000	32.144.900.000	-1

STT	Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	% Tăng/giảm m 2025-2024
-	LNST chưa phân phối	32.966.975.558	88.708.160.079	107.265.304.123	169

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Nguồn vốn kinh doanh và Vốn điều lệ của CTCP Miza đã được sử dụng một cách hợp lý và hiệu quả vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty là sản xuất và phân phối các sản phẩm giấy bao bì. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn vay để mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư chiều sâu vào hệ thống nhà máy. Đồng thời bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh và các hoạt động đầu tư dài hạn.

Tính đến ngày 31/12/2025, vốn điều lệ của Công ty đạt 1.165.065.740.000 đồng, tăng 10% so với cuối năm 2024 do thực hiện phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2025. Đến hết 6 tháng đầu năm 2026 vốn điều lệ của Công ty không thay đổi, duy trì ở mức 1.165.065.740.000 đồng.

Tổng nguồn vốn hợp nhất đạt 4.439.813.340.191 đồng tại ngày 31/12/2024 và tăng lên 5.209.391.692.982 đồng tại ngày 31/12/2025 (tăng 17,33%), tiếp tục đạt 5.963.250.913.800 đồng tại ngày 30/06/2026. Biến động này chủ yếu đến từ gia tăng nợ phải trả và tích lũy vốn chủ sở hữu. Cụ thể, nợ phải trả tăng 17,16%, trong đó nợ ngắn hạn tăng 9,96% và nợ dài hạn tăng 38,07%. Vốn chủ sở hữu đạt 1.486.109.423.571 đồng tại cuối năm 2025 (tăng 17,76%), chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng lên 288.898.783.571 đồng (tăng 69,61%).

Tại thời điểm 30/6/2026, nợ phải trả hợp nhất tiếp tục ở mức 4.408.319.210.563 đồng, trong đó nợ dài hạn tăng hơn 51,5% so với cuối năm 2025; vốn chủ sở hữu đạt 1.554.931.703.237 đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 357.721.063.237 đồng.

Tại Công ty mẹ, tổng nguồn vốn đạt 1.868.807.609.788 đồng tại ngày 31/12/2024 và tăng lên 2.062.135.284.516 đồng tại ngày 31/12/2025 (tăng 10%), tiếp tục đạt 2.290.292.957.914 đồng tại ngày 30/06/2026. Nợ phải trả tăng 4% trong năm 2025, trong đó nợ ngắn hạn tăng 27% phục vụ hoạt động kinh doanh, trong khi nợ dài hạn giảm 50% do thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ đạt 1.285.918.800.079 đồng tại cuối năm 2025 (tăng 14%), trong đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng lên 88.708.160.079 đồng (tăng 169%). Tại ngày 30/06/2026, vốn chủ sở hữu đạt 1.304.475.944.123 đồng.

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn của Công ty duy trì theo hướng tăng quy mô, trong đó vốn chủ sở hữu được củng cố từ lợi nhuận giữ lại, đồng thời sử dụng nguồn vốn vay ở mức phù hợp nhằm tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Công ty sử dụng vốn điều lệ và nguồn vốn kinh doanh chủ yếu để đầu tư tài sản cố định phục vụ sản xuất, tài trợ vốn lưu động, thực hiện nghĩa vụ tài chính và bổ sung vốn cho công ty con - trong đó có Miza Nghi Sơn theo đúng kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc tăng vốn điều lệ trong năm 2024 đã góp phần nâng cao năng lực tài chính và khả năng chủ động nguồn vốn cho các chương trình mở rộng trong trung và dài hạn.

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Nhìn chung chính sách khấu hao các loại tài sản cố định của Công ty không có thay đổi đáng kể trong thời gian qua, ngoại trừ tài sản cố định khác (TSCĐ khác).

Từ năm tài chính 2024, Công ty điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích đối với nhóm Tài sản cố định khác từ 05 - 15 năm xuống 04 - 15 năm. Việc điều chỉnh này được thực hiện trên cơ sở rà soát thực tế sử dụng của một số tài sản có vòng đời ngắn hơn, nhằm đảm bảo việc phân bổ chi phí khấu hao phù hợp hơn với mức độ sử dụng tài sản trong kỳ. Thay đổi này không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh, do giá trị nhóm tài sản này chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguyên giá tài sản cố định.

Loại tài sản cố định	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm	05 - 45 năm	05 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 15 năm	02 - 15 năm	02 - 15 năm
- Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm	05 - 10 năm	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10 năm	02 - 10 năm	02 - 10 năm
- TSCĐ khác	05 - 15 năm	04 - 15 năm	04 - 15 năm

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc trích khấu hao tài sản cố định.

2.1.3. Mức thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty (hợp nhất) trong hai năm gần nhất và đến thời điểm 30/06/2026 như sau:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.743.287	16.417.343	16.958.175

Nguồn: CTCP Miza

Thu nhập bình quân của người lao động của Công ty (hợp nhất) trong năm 2024 và năm 2025 lần lượt là: 13.743.287 đồng/người/tháng và 16.417.343 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành thì thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty khá cạnh tranh.

Cụ thể, thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre (DHC) lần lượt đạt đạt khoảng 12.224.976 đồng/người/tháng năm 2024 và 12.705.330 đồng/người/tháng

năm 2025 (Theo Báo cáo thường niên năm 2024 và 2025 của Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre). Trong khi tại Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng (HHP Global), con số này khoảng 11.048.196 đồng/người/tháng vào năm 2024 và 9.335.261 đồng/người/tháng vào năm 2025 (Theo Báo cáo thường niên năm 2024 và 2025 của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng). Như vậy, mức thu nhập tại Công ty không những cao hơn trung bình ngành mà còn thể hiện được chính sách đãi ngộ hấp dẫn, góp phần giữ chân người lao động và nâng cao năng suất làm việc.

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng số 26: Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Nợ phải thu	308.856	374.453	355.193	1.341.673	1.495.718	1.260.406
Nợ phải trả	744.190	776.216	985.583	3.177.828	3.723.282	4.408.319

Nguồn: BCTC riêng, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng, hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

2.1.5. Các khoản phải thu

Bảng số 27: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	% Tăng/(giảm) 2024-2025
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.328.287.832.773	1.481.402.426.363	1.248.085.130.918	11,53
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	946.704.924.383	950.122.027.557	746.896.993.796	0,36
Trả trước cho người bán ngắn hạn	291.986.680.633	487.000.887.208	463.001.651.531	66,79
Phải thu ngắn hạn khác	89.596.227.757	44.279.511.598	38.186.485.591	-50,58
2. Các khoản phải thu dài hạn	13.385.191.366	14.315.261.875	12.320.901.456	6,95
Phải thu dài hạn khác	13.385.191.366	14.315.261.875	12.320.901.456	6,95
Tổng cộng	1.341.673.024.139	1.495.717.688.238	1.260.406.032.374	11,48

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024, 31/12/2025 và thời điểm 30/06/2026, Công ty hợp nhất không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn thanh toán cần trích lập dự phòng theo quy định.

Bảng số 28: Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	% Tăng/(giảm) 2024-2025
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	304.924.644.499	365.417.223.134	346.779.218.806	19,84
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	302.236.813.467	360.745.817.888	185.410.329.511	19,36
Trả trước cho người bán ngắn hạn	395.857.410	1.098.175.656	158.794.672.208	177,42
Phải thu ngắn hạn khác	2.291.973.622	3.573.229.590	2.574.217.087	55,90
2. Các khoản phải thu dài hạn	3.931.762.396	9.035.932.164	8.413.565.172	129,82
Phải thu dài hạn khác	3.931.762.396	9.035.932.164	8.413.565.172	129,82
Tổng cộng	308.856.406.895	374.453.155.298	355.192.783.978	21,24

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024, 31/12/2025 và thời điểm 30/06/2026, Công ty mẹ không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn thanh toán cần trích lập dự phòng theo quy định.

2.1.6. Các khoản phải trả

Bảng số 29: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	% Tăng/(giảm) 2024-2025
1. Nợ ngắn hạn	2.363.326.756.187	2.598.704.697.674	2.704.154.140.045	9,96
Phải trả người bán ngắn hạn	303.689.783.292	244.719.412.569	358.000.322.183	-19,42
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.619.724.264	804.579.329	30.544.850.765	-92,42
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	749.064.291	7.747.707.311	7.085.861.501	934,32
Phải trả người lao động	4.507.013.684	5.126.982.699	7.044.472.204	13,76
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.192.060.143	10.835.680.632	19.179.324.602	-3,18
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	50.000.002	0,00
Phải trả ngắn hạn khác	362.604.158	1.373.461.059	2.496.343.540	278,78
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.032.206.506.355	2.328.096.874.075	2.265.343.926.068	14,56
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	14.409.039.180	-
2. Nợ dài hạn	814.501.463.316	1.124.577.571.737	1.704.165.070.518	38,07%

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	% Tăng/(giảm) 2024-2025
Phải trả người bán dài hạn	324.118.547.333	228.034.729.162	164.978.193.037	-29,64%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	490.382.915.983	896.542.842.575	1.539.186.877.481	82,83%
Tổng cộng	3.177.828.219.503	3.723.282.269.411	4.408.319.210.563	17,16%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng số 30: Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	% Tăng/giảm
1. Nợ ngắn hạn	522.005.124.698	664.501.368.449	785.148.086.729	27,30
Phải trả người bán ngắn hạn	62.324.585.678	46.669.172.395	92.401.466.543	-25,12
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	154.598.976	-	29.917.984.311	-100
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	691.304.579	1.645.215.668	2.750.956.193	137,99
Phải trả người lao động	1.670.980.500	1.748.010.886	1.137.098.583	4,61
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.320.459.434	2.044.492.399	2.002.789.452	-38,43
Phải trả ngắn hạn khác	227.139.403	370.782.095	765.643.714	63,24
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	453.616.056.128	612.023.695.006	641.763.108.753	34,92
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	14.409.039.180	-
2. Nợ dài hạn	222.184.829.532	111.715.115.988	200.434.862.759	-49,72
Phải trả người bán dài hạn	123.839.697.761	63.323.448.935	0	-48,87
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	98.345.131.771	48.391.667.053	200.434.862.759	-50,79
Tổng cộng	744.189.954.230	776.216.484.437	985.582.949.488	4,30

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Tình hình thanh toán các khoản nợ

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua. Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ bao gồm lãi và gốc, đảm bảo uy tín của Công ty. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản Cáo bạch này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024, 31/12/2025, kỳ kết thúc ngày 30/06/2026 và thời điểm của Bản cáo bạch này, Công ty không có bất kỳ vi phạm các điều khoản trong hợp đồng liên quan đến các khoản phải trả.

Bảng số 31: Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	% Tăng/giảm 2024-2025
1. Vay ngắn hạn	2.032.206.506.355	2.328.096.874.075	2.265.343.926.068	14,56
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.032.206.506.355	2.328.096.874.075	2.265.343.926.068	14,56
2. Vay dài hạn	490.382.915.983	896.542.842.575	1.539.186.877.481	82,83
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	490.382.915.983	896.542.842.575	1.539.186.877.481	82,83
Tổng nợ vay	2.522.589.422.338	3.224.639.716.650	3.804.530.803.549	27,83

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Tại ngày 31/12/2024, tổng dư nợ vay và nợ thuê tài chính hợp nhất của Công ty đạt 2.522.589.422.338 đồng, trong đó vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu với 2.032.206.506.355 đồng, tương đương 80,6% tổng dư nợ; vay dài hạn ở mức 490.382.915.983 đồng. Cơ cấu này phản ánh đặc thù sử dụng vốn vay tập trung vào bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất - thương mại.

Tại ngày 31/12/2025, tổng dư nợ vay tăng lên 3.224.639.716.650 đồng, tăng 27,83% so với cuối năm 2024. Trong đó, dư nợ vay ngắn hạn tăng 14,56%, đạt 2.328.096.874.075 đồng, chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động gia tăng tương ứng với quy mô doanh thu và hoạt động thương mại mở rộng. Đồng thời, dư nợ vay dài hạn tăng mạnh 82,83%, đạt 896.542.842.575 đồng, phản ánh nhu cầu vốn cho các chương trình đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, bao gồm đầu tư dây chuyền, máy móc thiết bị và các hạng mục hạ tầng tại Nhà máy Miza Nghi Sơn.

Cơ cấu dư nợ tại thời điểm cuối năm 2025 vẫn nghiêng về vay ngắn hạn, chiếm khoảng 72,2% tổng dư nợ, phù hợp với chu kỳ kinh doanh ngành giấy, trong đó nhu cầu tài trợ hàng tồn kho, nguyên vật liệu nhập khẩu và các khoản phải thu phát sinh thường xuyên. Việc gia tăng vay dài hạn trong kỳ cho thấy Công ty đang chuyển dịch một phần cơ cấu nguồn vốn nhằm tài trợ cho các khoản đầu tư trung và dài hạn, qua đó giảm áp lực sử dụng vốn ngắn hạn cho tài sản dài hạn.

Tại thời điểm 30/06/2026, tổng dư nợ vay đạt 3.804.530.803.549 đồng. Trong đó, vay ngắn hạn đạt 2.265.343.926.068 đồng; vay dài hạn tiếp tục tăng lên 1.539.186.877.481 đồng, phản ánh tiến độ giải ngân các khoản vay đầu tư vẫn được duy trì.

Xét về mối tương quan với hoạt động kinh doanh, quy mô dư nợ vay tăng phù hợp với mức tăng của doanh thu và tổng tài sản trong giai đoạn 2024 - 2025, đồng thời phản ánh nhu cầu tài trợ đồng thời cho hai cấu phần chính: (i) vốn lưu động phục vụ sản xuất - kinh doanh thường xuyên và (ii) vốn đầu tư mở rộng năng lực sản xuất. Việc gia tăng vay dài hạn trong năm 2025 và nửa đầu năm năm 2026 là phù hợp với định hướng đầu tư phát triển, trong khi dư nợ ngắn hạn được duy trì ở mức phù hợp với quy mô hoạt động.

Việc gia tăng quy mô dư nợ vay, đặc biệt là vay dài hạn trong năm 2025 và nửa đầu năm 2026, có thể làm tăng áp lực chi phí lãi vay và nghĩa vụ trả nợ trong các kỳ tiếp theo, nhất là trong

bối cảnh lãi suất thị trường có biến động. Đồng thời, tỷ trọng vay ngắn hạn ở mức cao tiếp tục đặt ra yêu cầu quản trị chặt chẽ dòng tiền và vốn lưu động để đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ đến hạn. Bên cạnh đó, việc mở rộng đầu tư bằng nguồn vốn vay đòi hỏi các dự án đưa vào vận hành đúng tiến độ và đạt hiệu quả kỳ vọng để đảm bảo khả năng tạo dòng tiền, qua đó duy trì an toàn tài chính và cân đối nguồn vốn trong trung và dài hạn.

Nhìn chung, cơ cấu và quy mô dư nợ vay của Công ty có sự tăng trưởng theo hướng phục vụ đồng thời nhu cầu vận hành và đầu tư, trong đó từng bước điều chỉnh theo hướng tăng tỷ trọng vốn trung - dài hạn nhằm phù hợp hơn với cơ cấu tài sản và nâng cao tính ổn định tài chính.

Bảng số 32: Tổng dư nợ vay của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	% Tăng/(giảm) 2024-2025
1. Vay ngắn hạn	453.616.056.128	612.023.695.006	641.763.108.753	34,92
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	453.616.056.128	612.023.695.006	641.763.108.753	34,92
2. Vay dài hạn	98.345.131.771	48.391.667.053	200.434.862.759	-50,79
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	98.345.131.771	48.391.667.053	200.434.862.759	-50,79
Tổng nợ vay	551.961.187.899	660.415.362.059	842.197.971.512	19,65

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Tại ngày 31/12/2024, tổng dư nợ vay của Công ty mẹ đạt 551.961.187.899 đồng, trong đó vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu với 453.616.056.128 đồng, tương đương khoảng 82,2% tổng dư nợ; vay dài hạn ở mức 98.345.131.771 đồng.

Tại ngày 31/12/2025, tổng dư nợ vay tăng lên 660.415.362.059 đồng (tăng 19,65% so với cuối năm 2024). Biến động chủ yếu đến từ vay ngắn hạn, tăng 34,92% lên 612.023.695.006 đồng, phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngược lại, vay dài hạn giảm 50,79% xuống 48.391.667.053 đồng.

Tại thời điểm 30/6/2026, tổng dư nợ vay đạt 842.197.971.512 đồng. Trong đó, vay ngắn hạn ở mức 641.763.108.753 đồng, tăng nhẹ so với cuối năm 2025; vay dài hạn tăng lên 200.434.862.759 đồng.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Bảng số 33: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	656.999.992	6.845.229.229	4.946.268.743
Thuế giá trị gia tăng	-	852.800.266	2.012.087.428
Thuế thu nhập cá nhân	55.635.815	41.233.656	127.505.330

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Các loại thuế khác	36.428.484	8.444.160	-
Tổng cộng	749.064.291	7.747.707.311	7.085.861.501

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng số 34: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	656.999.992	768.258.521	721.787.920
Thuế giá trị gia tăng	-	852.800.266	2.012.087.428
Thuế thu nhập cá nhân	23.838.667	15.712.721	17.080.845
Các loại thuế khác	10.465.920	8.444.160	-
Tổng cộng	691.304.579	1.645.215.668	2.750.956.193

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Tại thời điểm 31/12/2024, số dư thuế và các khoản phải nộp của Công ty hợp nhất là 749.064.291 đồng. Đến cuối năm 2025, Công ty phát sinh nghĩa vụ thuế là 7.747.707.311 đồng.

Tính đến ngày 30/6/2026, số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty hợp nhất là 7.085.861.501 đồng, chủ yếu từ thuế thu nhập doanh nghiệp (chiếm đến 69,8%) và thuế giá trị gia tăng (chiếm 28,39%).

Tại Công ty mẹ, số dư thuế phải nộp tại 31/12/2024 là 691.304.579 đồng và tăng lên 1.645.215.668 đồng vào cuối năm 2025.

Tại thời điểm 30/6/2026, số dư thuế phải nộp của Công ty mẹ là 2.750.956.193 đồng, trong đó phần lớn đến từ thuế giá trị gia tăng (2.012.087.428 đồng) chiếm đến 73,14%, các khoản thuế khác như thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân và thuế phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

2.1.8. Trích lập các quỹ

Trong các kỳ kế toán từ năm 2024 đến hết nửa đầu năm 2026, Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối lũy kế trên BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2025 là 14.444.939.180 đồng. Việc trích lập các quỹ này được thực hiện trên cơ sở đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, phù hợp với tình hình tài chính và phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

2.2.1. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu

Bảng số 35: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/ 2024	31/12/ 2025	30/6/ 2026
1. Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,12	1,28	1,18
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>				
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,82	0,99	0,89
<i>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>				
2. Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,72	0,71	0,74
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,52	2,51	2,83
3. Năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,07	1,00	0,92
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>				
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	1,89	1,62	1,60
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,09	6,06	5,76
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>				
4. Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	1,63%	2,46%	3,52%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>				
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	1,75%	2,46%	2,90%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>				
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,92%	8,63%	10,75%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>				
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	685	1.018	715

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán, BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty

• **Về khả năng thanh toán**

Các chỉ tiêu thanh khoản của Công ty tiếp tục cải thiện qua các năm:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,12 lần năm 2024 lên 1,28 lần năm 2025.
- Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,82 lần năm 2024 lên 0,99 lần vào cuối năm 2025.

Sự cải thiện đến từ việc quy mô tài sản ngắn hạn tiếp tục tăng trong khi tốc độ gia tăng nợ ngắn hạn được kiểm soát. Các chỉ số này cho thấy Công ty duy trì năng lực thanh toán ổn định và an toàn trong ngắn hạn, đồng thời mức hệ số thanh toán nhanh tiệm cận 1 lần phản ánh khả năng đáp ứng nghĩa vụ nợ ngắn hạn bằng các tài sản có tính thanh khoản cao đã được cải thiện rõ rệt.

• **Về cơ cấu vốn**

- Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm nhẹ từ 0,72 lần năm 2024 xuống 0,71 lần vào năm 2025.
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ từ 2,52 lần năm 2024 xuống 2,51 lần năm 2025.

Cơ cấu vốn của Công ty duy trì ổn định với mức độ đòn bẩy tài chính gần như không biến động đáng kể giữa hai kỳ. Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ cho thấy Công ty đã có sự cải thiện nhất định trong việc tăng cường vốn chủ sở hữu và kiểm soát tốc độ gia tăng nợ vay, qua đó góp phần nâng cao mức độ an toàn tài chính.

• **Về năng lực hoạt động**

Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2025.

- Vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ 1,07 vòng năm 2024 xuống 1,00 vòng năm 2025.
- Vòng quay vốn lưu động giảm từ 1,89 vòng năm 2024 xuống 1,62 vòng năm 2025.
- Vòng quay hàng tồn kho duy trì ổn định 6,09 vòng năm 2024 và 6,06 vòng năm 2025.

Vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động đều giảm, phản ánh tốc độ luân chuyển tài sản và vốn lưu động chậm hơn so với năm 2024, liên quan đến việc gia tăng quy mô tài sản để phục vụ mở rộng hoạt động. Trong khi đó, vòng quay hàng tồn kho duy trì ổn định quanh mức hơn 6 vòng/năm, cho thấy việc quản lý tồn kho vẫn được kiểm soát tốt và không phát sinh biến động đáng kể.

• **Về khả năng sinh lời**

Khả năng sinh lời của Công ty cải thiện rõ rệt trong năm 2025.

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) tăng mạnh từ 1,63% (2024) lên 2,46% (2025).
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) tăng mạnh từ 1,75% (2024) lên 2,46% (2025).
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng từ 5,92% (2024) đạt 8,63% năm 2025.
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) tăng từ 685 đồng năm 2024 lên 1.018 đồng năm 2025 và đạt 715 đồng trong nửa đầu năm 2026.

Các chỉ tiêu ROS, ROA và ROE đều tăng mạnh, phản ánh hiệu quả hoạt động và khả năng tạo lợi nhuận trên doanh thu, tài sản và vốn chủ sở hữu được nâng cao.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty: Không có.

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Bảng số 36: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	DVT	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026
1. Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,10	1,18	1,20
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>				
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,80	0,92	0,96
<i>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>				
2. Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,40	0,38	0,43
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,66	0,60	0,76
3. Năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,74	0,74	0,69

Chỉ tiêu	DVT	31/12/2024	31/12/2025	30/6/2026
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>				
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,33	2,15	1,83
<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,92	8,52	7,72
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>				
4. Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	3,89%	3,83%	4,85%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>				
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	2,88%	2,84%	3,02%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>				
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,64%	4,62%	5,02%
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>				

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán, BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ

• Về khả năng thanh toán

Công ty mẹ duy trì mức thanh khoản ổn định và có cải thiện nhẹ trong năm 2025:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,10 lên 1,18 lần;
- Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,80 lên 0,92 lần.

Các chỉ tiêu này cho thấy Công ty đảm bảo khả năng đáp ứng nghĩa vụ nợ ngắn hạn, đồng thời cải thiện khả năng thanh toán.

• Về cơ cấu vốn

- Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 0,40 xuống 0,38;
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 0,66 xuống 0,60.

Các hệ số đòn bẩy tài chính đã giảm nhẹ, cho thấy cơ cấu nguồn vốn của Công ty mẹ được cải thiện nhờ sự gia tăng của vốn chủ sở hữu và kiểm soát đòn bẩy tài chính.

• Về năng lực hoạt động

- Vòng quay tổng tài sản duy trì ổn định ở mức 0,74 vòng;
- Vòng quay vốn lưu động giảm từ 2,33 xuống 2,15 vòng;
- Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 7,92 lên 8,52 vòng.

Các chỉ tiêu cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản ổn định, trong khi quản lý hàng tồn kho được cải thiện; vòng quay vốn lưu động giảm nhẹ phản ánh sự gia tăng quy mô tài sản lưu động.

• **Về khả năng sinh lời**

- ROS giảm nhẹ từ 3,89% xuống 3,83%;
- ROA giảm từ 2,88% xuống 2,84%;
- ROE giảm nhẹ từ 4,64% xuống 4,62%.

Khả năng sinh lời cơ bản được duy trì ổn định, với biến động không đáng kể giữa các kỳ, phản ánh kết quả kinh doanh tương đối ổn định của Công ty mẹ.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính của Công ty: Không có.

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

3.1. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024

Ý kiến của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."*

3.2. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng năm 2024

Ý kiến của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."*

3.3. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025

Ý kiến của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."*

3.4. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng năm 2025

Ý kiến của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Công ty: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn*

mức kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

3.5. Ý kiến Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Ý kiến của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.”

3.6. Ý kiến Báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên năm 2026

Ý kiến của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, tổ chức đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026 của Công ty: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng số 37: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức trên cơ sở hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/ giảm so với năm trước	Kế hoạch 2026	Tăng/ giảm so với năm trước
Doanh thu thuần	4.444,87	4.827,80	8,62%	5.508,00	14,09%
Lợi nhuận sau thuế	72,58	118,57	63,36%	200,68	69,25%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1,63%	2,46%	50,92%	3,64%	(không áp dụng)
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (**)	5,92%	8,63%	45,72%	12,65%	(không áp dụng)
Tỷ lệ cổ tức	0	10,00% (*)	(không áp dụng)	(**)	(không áp dụng)

(Các chỉ tiêu hiệu suất không áp dụng tính % thực hiện so với kế hoạch.)

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán, BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 và CTCP Miza

(*) Tỷ lệ cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2025 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 và phương án phát hành đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/4/2026 của CTCP Miza.

(**) Tỷ lệ cổ tức năm 2026 căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 và do Đại hội đồng cổ đông 2026 quyết định, nội dung này được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/4/2026 của CTCP Miza.

Bước sang năm 2026, Công ty Cổ phần Miza xác định đây là giai đoạn tăng tốc nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững, mở rộng quy mô hoạt động và từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch doanh thu thuần 5.508 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 200,68 tỷ đồng năm 2026 được xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện tích cực trong năm 2025, cùng với các định hướng chiến lược, giải pháp điều hành và năng lực triển khai thực tế của Công ty.

Năm 2025, doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt 4.827 tỷ đồng, tăng 8,62% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt 118,57 tỷ đồng, tăng 63,36%. Đây là năm Công ty mở rộng đáng kể quy mô sản xuất, nâng hiệu suất vận hành tại các nhà máy, đặc biệt tại Miza Nghi Sơn - nơi có công suất và sản lượng tăng đáng kể.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty đã ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.368 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 83,27 tỷ đồng, tương ứng lần lượt hoàn thành 42,99% và 41,49% kế hoạch cả năm. Kết quả này cho thấy tiến độ thực hiện mục tiêu kinh doanh của Công ty đang đi đúng định hướng và có cơ sở thực tiễn để hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ giao phó, nhất là trong bối cảnh hoạt động tiêu thụ và sản xuất vẫn duy trì ổn định từ đầu năm đến nay.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đề ra cho năm 2026 dựa trên các giải pháp, điều hành cụ thể sau:

- Về sản xuất, Công ty tiếp tục tối ưu vận hành dây chuyền sản xuất giấy tái chế, đặc biệt là các dòng sản phẩm giá trị cao như Testliner và Kraftliner; đồng thời hoàn thiện các hạng mục giai đoạn 2 của dự án PM5 tại Miza Nghi Sơn - được xem là động lực chính tăng trưởng sản lượng và doanh thu trong giai đoạn tới.
- Về tài chính và quản trị, Công ty hướng đến mục tiêu kiểm soát dòng tiền, xử lý tài sản chậm luân chuyển, giảm dư nợ; đồng thời tối ưu hóa giá vốn và chi phí vận hành nhằm nâng cao biên lợi nhuận.
- Về thị trường và công tác bán hàng, Công ty tiếp tục mở rộng khách hàng FDI và xuất khẩu (Hàn Quốc, Nhật Bản, EU...), phát triển thị trường nội địa phía Nam và miền Trung, tăng cường công tác tiếp thị và chăm sóc khách hàng chiến lược.
- Về nhân sự và quản lý, Công ty sẽ củng cố nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ và hệ thống khoán thưởng theo hiệu quả nhằm nâng cao năng suất lao động và tính chủ động trong điều hành.

4.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của nhà tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) nhận định rằng kế hoạch doanh thu 5.508 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 200,68 tỷ đồng năm 2026 của Công ty được xây dựng trên cơ sở phù hợp với kết quả thực hiện năm trước và định hướng hoạt động sản xuất - đầu tư hiện tại. Tuy nhiên, việc thực hiện thành công kế hoạch phụ thuộc vào một số yếu tố cần tiếp tục theo dõi, bao gồm diễn biến chi phí nguyên vật liệu đầu vào, tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa, và tiến độ triển khai đầu tư tại các đơn vị thành viên.

Năm 2025, Công ty đạt doanh thu thuần hợp nhất 4.827 tỷ đồng, tăng 8,62% so với năm 2024; lợi nhuận sau thuế đạt 118,56 tỷ đồng, tăng 63,36%. Đây là kết quả của việc tăng sản lượng và hiệu suất vận hành tại các nhà máy, đặc biệt là tại công ty con Miza Nghi Sơn. Mức tăng trưởng đạt được trong năm 2025 là tích cực và tạo nền tảng thuận lợi để thực hiện kế hoạch 2026.

Về mặt tài chính, Công ty dự kiến thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2026 để huy động vốn, với mục tiêu sử dụng nguồn thu này để góp vốn vào Công ty TNHH Miza Nghi Sơn nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh. Việc giám áp lực đòn bẩy tài chính có thể góp phần cải thiện dòng tiền trong trung hạn. Mức độ thành công trong đợt huy động vốn có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện mục tiêu giảm nợ và cân đối tài chính ngắn hạn của Công ty.

Kế hoạch doanh thu 5.508 tỷ đồng năm 2026 tương đương mức tăng khoảng gần 14,11% so với thực hiện năm 2025. Trong khi đó, kế hoạch lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 69,25%, phản ánh kỳ vọng cải thiện hiệu suất hoặc biên lợi nhuận. HSC lưu ý rằng để đạt được kế hoạch lợi nhuận này, Công ty cần tiếp tục duy trì sự ổn định của giá thành sản xuất, hiệu quả tiêu thụ sản phẩm, song song với việc đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư, mở rộng và phát triển công nghệ sản xuất tại các đơn vị liên quan như Miza Nghi Sơn.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty chưa đưa ra kế hoạch chia cổ tức nhằm ưu tiên nguồn lực cho đầu tư và ổn định tài chính trong giai đoạn mở rộng. Việc phân phối lợi nhuận sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông quyết định sau khi kết thúc năm tài chính, căn cứ kết quả thực hiện và nhu cầu sử dụng vốn tại thời điểm đó. HSC nhận thấy đây là lựa chọn điều hành hợp lý, thể hiện sự linh hoạt và thận trọng về chiến lược vốn trong giai đoạn đầu tư trung hạn.

Tổng thể, HSC đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025 của Công ty là thận trọng nhưng khả thi, phù hợp với chu kỳ tăng trưởng hiện tại và định hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, nhà đầu tư sẽ tự mình ra quyết định đầu tư, đồng thời nhận xét này cũng không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Miza hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Miza.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

"Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó."

CTCP Miza được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào năm 2011, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Đối với cổ đông lớn là cá nhân

Tại ngày 21/07/2026, danh sách cổ đông là cá nhân nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty.

STT	Tên	Năm sinh	Quốc tịch	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Ông Nguyễn Tuấn Minh	29/05/1975	Việt Nam	Tổ 4, xã Đông Anh, Hà Nội	39.702.656	30,98
2	Bà Hoàng Thị Thu Giang	17/10/1975	Việt Nam	Tổ 4, xã Đông Anh, Hà Nội	10.400.663	8,12
Tổng cộng					50.103.319	39,10

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 21/07/2026 của Công ty)

Chi tiết số lượng cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn như sau:

Tên cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Tại ngày 21/07/2026		Dự kiến sau đợt chào bán	
		SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn Ông Nguyễn Tuấn Minh, Bà Hoàng Thị Thu Giang và Người có liên quan							
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Cổ đông lớn	500.000	50	39.702.656	30,98	48.996.348	30,98
Bà Hoàng Thị Thu Giang	Cổ đông lớn	380.000	38	10.400.663	8,12	12.835.275	8,12

Ông Nguyễn Hoàng Tùng	Là con trai của ông Nguyễn Tuấn Minh và bà Hoàng Thị Thu Giang	0	0	5.657.582	4,41	6.981.922	4,41
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Chị Gái Ông Nguyễn Tuấn Minh	0	0	320.650	0,25	395.708	0,25
Tổng cộng		880.000	88,00	56.081.551	43,76	69.209.253	43,76

(Nguồn: CTCP Miza)

➤ Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

a. Ông Nguyễn Tuấn Minh:

Thu lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thu lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	913.350.820 đồng	1.085.023.867 đồng	577.018.936 đồng
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	3.609.332 cổ phiếu (*)	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

b. Bà Hoàng Thị Thu Giang

Lợi ích liên quan	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	945.514 cổ phiếu (*)	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

(*) cổ tức năm 2025, được phát hành vào ngày 21/7/2026

➤ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Không có xung đột lợi ích

2.2. Đối với cổ đông lớn là tổ chức

Tại ngày 21/07/2026, không có cổ đông là cổ đông tổ chức nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty.

2.3. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan của họ:

Không phát sinh.

2.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Không có.

2.5. Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành

Không có.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Anh Trà	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2024 nhiệm kỳ 2022-2027)
3	Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên HĐQT
4	Ông Hoàng Tự Lập	Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập
5	Ông Đinh Tân Hưng	Thành viên HĐQT - Thành viên độc lập
6	Ông Đinh Tiến Ngự	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 22/07/2024)

3.1.1. Ông Nguyễn Tuấn Minh – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 29/05/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CC/CCCD: 001075021040, Ngày cấp: 22/11/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4, xã Đông Anh, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Miza
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1996 - 7/1998	Công ty TNHH Tiến Đức	Kế toán tổng hợp
9/1998 - 10/2009	Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô Showa (Nhật Bản)	Kế toán trưởng
10/2009 - 6/2011	Công ty Cổ phần xi măng Thăng Long (Tập đoàn Geleximco)	Giám đốc tài chính
6/2011 - 12/2021	Công ty Cổ phần Miza	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
1/2018 - nay	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Chủ tịch Công ty

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2021 - nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Miza	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
1/2022 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Miza.

- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: **56.081.551** cổ phần, chiếm tỷ lệ 43,76% Vốn điều lệ, trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: **39.702.656** cổ phần, chiếm tỷ lệ **30,98%** Vốn điều lệ;
- Cổ phần đại diện sở hữu: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0%** Vốn điều lệ;
- Số cổ phần của những người có liên quan: **16.378.895** cổ phần, chiếm tỷ lệ **12,78%** Vốn điều lệ.

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	CC/ CCCD/ ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Hoàng Thị Thu Giang	Vợ	Không có	001175020057	10.400.663	8,12%
2	Nguyễn Hoàng Tùng	Con trai	Không có	001202020904	5.657.582	4,41%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Chị gái	Không có	001171001252	320.650	0,25%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	913.350.820 đồng	1.085.023.867 đồng	577.018.936 đồng
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	3.609.332 cổ phiếu (*)	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

Thu lao, tien thuong va loi ich khac	Nam 2024	Nam 2025	6 thang dau nam 2026
Loi ich khac	Không có	Không có	Không có

(*) cổ tức năm 2025, được phát hành vào ngày 21/7/2026

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.2. Ông Lê Văn Hiệp – Thành viên HĐQT, TGD

- Họ và tên: Lê Văn Hiệp
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/06/1982
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 609 Trương Định, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- CCCD số: 030082020996 cấp ngày 13/11/2021 tại Cục CSQLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Chuyên ngành giấy
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm TGD
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2005 - 9/2006	Trường Đại học Bách khoa Hà nội	Trợ giảng
10/2006 - 7/2008	Thạc sỹ giấy tại AIT- Băng Cốc - Thái Lan	Nghiên cứu sinh
8/2008 - 10/2010	Công ty Etof Hanson - Singapore	TP Kinh doanh
11/2010 - 12/2012	Công ty Camco - Anh Quốc	Trưởng dự án
01/2013 - 5/2016	Viện CN Giấy& Xenluloza	GD trung tâm môi trường
6/2016 - 1/2018	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng Giám đốc
01/2018 - nay	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Tổng Giám đốc
06/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT
07/2023 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.
- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: 829.562 cổ phần, chiếm 0,65% Vốn điều lệ, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 818.041 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,64% Vốn điều lệ;
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 11.521 cổ phần, chiếm 0,01% Vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	CC/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Kỳ Quang Thanh	Bố Vợ	Không có	038057007785	11.055	0,01%
2	Kỳ Thị Hải Yến	Vợ	Không có	025182004920	466	0,0004%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	767.631.848 đồng	1.345.116.131 đồng	962.690.852 đồng
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	74.367 (*)	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

(*) cổ tức năm 2025, được phát hành vào ngày 21/7/2026

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.3. Ông Vũ Anh Trà – Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2024), Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Vũ Anh Trà
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/09/1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cựu Hào, Liên Minh, Ninh Bình
- CCCD: 036083010443 cấp ngày 07/12/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Giấy - Địa học Bách Khoa Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2001 – 8/2005	Tự kinh doanh	Kinh doanh tự do
09/2005 – 9/2010	Đại học Bách khoa Hà Nội	Sinh viên
10/2010 – 6/2012	Công ty Cổ Phần sản xuất giấy Mỹ Hương	Trưởng ca sản xuất
7/2012 – 12/2014	Công ty CP giấy Vạn Điểm	Quản đốc phân xưởng
1/2015 – 12/2019	Công ty Cổ phần Miza	Giám đốc sản xuất
1/2020 – 09/2023	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Giám đốc sản xuất
10/2023 – nay	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Phó Tổng giám đốc
02/2023 – nay	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng giám đốc
07/2024 – nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn
- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: 173.297 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,14% vốn điều lệ, trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 172.520 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,13% vốn điều lệ
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Số cổ phần của những người có liên quan: 777 cổ phần, chiếm 0,0006% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	CC/ CCCD/ ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Vũ Thị Nhung	Vợ	Không có	036184015002	777	0,0006%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	562.907.853 đồng	1.060.006.723 đồng	679.083.452 đồng

Thủ lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	15.683 cổ phiếu (*)	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

(*) cổ tức năm 2025, được phát hành vào ngày 21/7/2026

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.4. Ông Hoàng Tự Lập – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: Hoàng Tự Lập
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/9/1955
- Số CC/CCCD: 040055001196 cấp ngày 09/4/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 146 đường Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, TP. Hà Nội.
- Địa chỉ hiện nay: 146 đường Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, TP. Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ sinh học.
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 4/1975 đến 8/1980	Đi bộ đội	Chiến sỹ
Tháng 9/1980 đến 12/1984	Sinh viên Đại học Tổng hợp Hà Nội	Sinh viên
Tháng 1/1985-9/2015	Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	Kỹ sư - TP Sinh học
Tháng 10/2015 đến 6/2018	Công ty Cổ phần Miza	Cố vấn cấp cao
Tháng 6/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: 144.112 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,11%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 144.112 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,11% Vốn điều lệ;
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	30.000.000 đồng	30.000.000 đồng	-
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	13.101 cổ phiếu (*)	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

(*) cổ tức năm 2025, được phát hành vào ngày 21/7/2026

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.5. Ông Đinh Tấn Hưng – Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)

- Họ và tên: Đinh Tấn Hưng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1977
- Số CCCD: 031077004653 cấp ngày 16/04/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 36 Tổ 2 phường Tương Mai Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ hiện nay: 36 Tổ 2 phường Tương Mai Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kỹ thuật Hàng không, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1996 - 9/2003	Sinh viên, Học viên cao học ngành Cơ khí Hàng không, Học viên cao học ngành Quản trị Kinh doanh, Nghiên cứu sinh - Trường Đại học Hàng không Quốc gia Kiev	Sinh viên, Học viên, Nghiên cứu sinh
9/2003 - 11/2011	Công ty TNHH "N-M", Kiev, Ucraina	Giám đốc
12/2011 - nay	Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ, Viện cơ khí Động lực, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Giảng viên
4/2014 - 10/2017	Viện nghiên cứu Công nghệ Không gian và Dưới nước, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Phó Viện trưởng
10/2017 - nay	Viện nghiên cứu Công nghệ Không gian và Dưới nước, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Viện trưởng
8/2017 - nay	Công ty Cổ phần VHV HITECH	Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
5/2019 - nay	Công ty Cổ phần I&I HITECH	Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập
8/2012 - 8/2017	Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Thành phố Hà Nội	Phó Tổng thư ký
8/2017 - nay	Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Thành phố Hà Nội; Ủy viên BCH Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Trung ương	Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Viện trưởng Viện Nghiên cứu Công nghệ Không gian và Dưới nước, Đại học Bách khoa Hà Nội.
 - Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ, Viện cơ khí Động lực, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
 - Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần VHV HITECH
 - Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần I&I HITECH
 - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Thành phố Hà Nội; Ủy viên BCH Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Trung ương
- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: **36.102** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
 - Số cổ phần của những người có liên quan: **36.102** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% Vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	CC/ CCCD/ ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Đinh Thị Thanh Huyền	Chị gái	Không có	040164011346	36.102	0,03%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	30.000.000 đồng	30.000.000 đồng	-

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2025
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.6. Ông Đinh Tiến Ngự – Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 22/07/2024)

- Họ và tên: Đinh Tiến Ngự
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/9/1973
- Số CCCD: 034073000328 cấp ngày 22/09/2014 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 01, xã Đông Anh, TP.Hà Nội
- Địa chỉ hiện nay: Tổ 01, xã Đông Anh, TP.Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2003 - 2/2008	Công ty TNHH thương mại dịch vụ tín học Tùng Long	Giám đốc
3/2008 - 6/2018	Công ty cổ phần quốc tế Tùng Long	Giám đốc
6/2018 - 12/2021	Công ty Cổ phần Miza	Phó tổng giám đốc
09/2003- 2/2008	Công ty TNHH thương mại dịch vụ tín học Tùng Long	Giám đốc
3/2008 - 6/2018	Công ty cổ phần quốc tế Tùng Long	Giám đốc
6/2018 - 22/07/2024	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT
01/2022 - 06/2023	Công ty Cổ phần Miza	Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Không
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát

hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	356.552.410 đồng	-	-
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Đình Hải	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Lê Thị Phương Thảo	Thành viên Ban kiểm soát

3.2.1. Ông Vũ Đình Hải – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Vũ Đình Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/03/1980
- Số CCCD: 033080013474 cấp ngày 25/02/2022 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Thôn An Tào, xã Tiên Hoa, tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ hiện nay: Số 22 Ngõ 255/84 Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2006	Công ty CP Lilama 69-3	Nhân viên
2006 - 3/2016	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	Nhân viên
4/2016 - 12/2017	Công ty TNHH Kiểm toán CIMEICO	Phó Tổng Giám đốc
1/2018 - 4/2020	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Tin	Phó Giám đốc
9/2017 - nay	Công ty TNHH HKT Global	Giám đốc
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Trưởng Ban Kiểm soát
5/2019 đến - nay	Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm Định Giá SGP	Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Trưởng ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty TNHH HKT Global
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm Định Giá SGP
- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: **25.908** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02%, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 25.908 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% Vốn điều lệ;
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	517.589.700 đồng	552.421.250 đồng	308.392.952 đồng
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	2.355 cổ phiếu (*)	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

(*) cổ tức năm 2025, được phát hành vào ngày 21/7/2026

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Lan
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/10/1983
- Số CCCD: 001083033030 cấp ngày 04/06/2019 tại cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Cổ Miếu, xã Thư Lâm, Hà Nội
- Địa chỉ hiện nay: Cổ Miếu, xã Thư Lâm, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2005 - 11/2021	Công ty CP Cơ khí Đồng Anh Licogi	Nhân viên
12/2021 - 7/2023	Công ty TNHH Nhôm Việt Ý	Nhân viên
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Miza

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: **1.326** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001% Vốn điều lệ, trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.236 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001% Vốn điều lệ;
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
- Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	156.241.541 đồng	165.601.903 đồng	97.688.931 đồng
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	120 cổ phiếu (*)	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

(*) cổ tức năm 2025, được phát hành vào ngày 21/7/2026

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2.3. Bà Lê Thị Phương Thảo – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ tên: Lê Thị Phương Thảo

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 01/06/1987

- Số CCCD: 00118705238 cấp ngày 24/07/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, xã Đông Anh, Hà Nội
- Địa chỉ hiện nay: Tổ 1, xã Đông Anh, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2010 - 2/2013	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại An Phương	Nhân viên
3/2013 - 7/2021	Công ty Cổ phần CKB	Nhân viên
8/2021 - 8/2022	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Gia Lộc	Kế toán trưởng
9/2022 - nay	Công ty TNHH Blueline	Nhân viên
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: 20 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.00002% VDL, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 20 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.00002% VDL
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VDL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	3.000.000 đồng	3.000.000 đồng	0 đồng
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	01 cổ phiếu (*)	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

(*) cổ tức năm 2025, được phát hành vào ngày 21/7/2026

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.3. Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Văn Hiệp	Tổng Giám đốc
2	Ông Vũ Anh Trà	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Dương Ngọc Thế	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025)
5	Nguyễn Thị Thoa	Kế toán trưởng

3.3.1. Ông Lê Văn Hiệp – Tổng Giám đốc: xem mục 3.1.2

3.3.2. Ông Vũ Anh Trà – Phó Tổng Giám đốc: xem mục 3.1.3

3.3.3. Ông Nguyễn Hữu Tú – Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên: Nguyễn Hữu Tú
- Năm sinh: 27/02/1989
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Nơi ở hiện tại: Tòa C, Intracom Riverside, xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Cử nhân Luật
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011-2017	Vietcombank – Chi nhánh Ba Đình	Chuyên viên tín dụng KHDN
2018 - 2019	CN Hà Nội - CT CP tư vấn tài chính và giá cả Quảng Nam	GD chi nhánh
2019- 2021	VCCI	Tổ chức các chương trình đào tạo cho Doanh nghiệp là hội viên của VCCI
08/2022 - Nay	Công ty Cổ phần bất động sản DTM	Tổng Giám đốc
03/2023 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư tích hợp và phát triển công nghệ cao MIH	Giám đốc
09/2023 - Nay	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Công ty Cổ phần Đầu tư tích hợp và phát triển Công nghệ cao MIH - Người Đại diện pháp luật;
 - Công ty Cổ phần Bất động sản DTM - Người Đại diện pháp luật;
 - Công ty Cổ Phần VF Group - Người Đại diện pháp luật;
 - Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Và Thương Mại Toàn Cầu THN - Người Đại diện pháp luật;
 - Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Và Thương Mại TDT - Người Đại diện pháp luật;
 - Công ty Cổ Phần Hùng Cường Logistics - Người Đại diện pháp luật;
 - Công ty Cổ Phần Miza Forest - Người Đại diện pháp luật;
 - Công ty TNHH Quốc Tế Khang Nam Hà Nội - Người Đại diện pháp luật;
 - Hộ Kinh Doanh Thương Mại Nguyễn Hữu Tú- Người Đại diện pháp luật

- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % Vốn điều lệ trong đó:
- Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ;
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.*) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	493.548.200 đồng	467.815.000 đồng	218.324.115 đồng
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không

3.3.4. Ông Dương Ngọc Thế - Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/04/2025)

- Họ và tên: Dương Ngọc Thế
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/05/1980
- Số CCCD: 001080018021 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Nội 3, xã Hát Môn, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện tử viễn thông
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002-2015	Cty TNHH Machino AutoPart Co.,Ltd (Nay là Cty TNHH Hitachi Astemo VN)	Quản lý SX
2015-2022	Cty TNHH Hitachi Astemo VN	Trưởng bộ phận gia công

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 9/2024 đến 31/03/2025	Cty TNHH Mipak	PTGD phụ trách SX
01/04/2025 - Nay	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 - Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: 2.332 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% Vốn điều lệ, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 2.332 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% Vốn điều lệ,
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ,
 - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	-	421.095.000 đồng	336.265.025 đồng
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	212 cổ phiếu (*)	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

(*) cổ tức năm 2025, được phát hành vào ngày 21/7/2026

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.3.5. Bà Nguyễn Thị Thoa – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thoa
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1984
- Số CCCD 034184010819 cấp ngày 25/12/2018 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6, xã Đông Anh, Hà Nội

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2007 - 04/2014	Nhà máy Nhôm Đồng Anh	Kế toán viên
04/2014 - 09/2019	Công ty CP Cơ Khí Đồng Anh Licogi	Thành viên Ban Kiểm soát
09/2019 - 07/2022	Công ty CP Cơ Khí Đồng Anh Licogi	Phó phòng kế toán
07/2022 - Nay	Công ty Cổ phần Miza	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Người được Ủy quyền CBTT - Công ty Cổ phần Miza
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần cá nhân và những người có liên quan đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ, trong đó:
 - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ
 - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ
 - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	365.442.862 đồng	352.269.500 đồng	207.367.775 đồng
Cổ phiếu được nhận từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Không có	Không có	Không có
Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có
Lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán là 30.000.000 (ba mươi triệu) cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 300.000.000.000 (ba trăm tỷ) đồng.

5. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần

6. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán là: 12.756 đồng/ cổ phiếu.

Nhằm đảm bảo sự hấp dẫn của đợt chào bán và nhằm tạo điều kiện cho cổ đông hiện hữu tiếp tục tham gia đồng hành và đầu tư dài hạn vào quá trình phát triển của Công ty, HĐQT đã phê duyệt mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là **10.000 đồng/cổ phiếu** tại Nghị quyết HĐQT số 280401/2026/NQ-HQĐT-MZ ngày 28/04/2026.

7. Phương thức phân phối

Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu

Tỷ lệ phân phối: 4,272 :1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua và cứ 4,272 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu chào bán thêm)

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua

- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, cổ đông A nắm giữ 1.200 cổ phiếu thì được nhận quyền mua là 280,899 cổ phiếu. Theo quy định về xử lý cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu cổ đông A được mua sẽ được làm tròn là 280 cổ phiếu.

- Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua trong thời gian quy định sẽ được HĐQT phân phối cho các cổ đông hiện hữu hoặc đối tượng khác đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó, giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu));
- Trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu này trong thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gian hạn theo quy định (nếu có)), thì số lượng chưa phân phối hết sẽ được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán;

- Việc xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn, sổ cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho cổ đông tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- Phương thức đăng ký, thanh toán tiền mua cổ phiếu và chuyển giao cổ phiếu:

Phương thức thanh toán

Đối với cổ đông đã lưu ký: Các cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký;

Đối với cổ đông chưa lưu ký: Các cổ đông đăng ký mua tại trụ sở Công ty và chuyển tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu – như được trình bày tại mục 12 dưới đây.

Chuyển giao cổ phiếu

Chuyển giao cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Quyền lợi của người mua cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng (bao gồm cả sổ cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng tại thời điểm thực hiện quyền).

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành và chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến được phân phối trong Quý 4-2026. Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày.

Lịch trình chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN có hiệu lực	D
2	Gửi hồ sơ đến VSDC, HOSE, thông báo về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua/ thực hiện quyền. (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng hướng quyền mua dự kiến là D+10)	D+1 đến D+3
3	Công bố thông tin theo quy định	8

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
4	Công ty nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	D+12
5	Các cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	D+13 đến D+33
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu, Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT thông qua phương án xử lý đối với cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết và thực hiện xử lý cổ phần lẻ và số cổ phần không bán hết.	D+34 đến D+37
7	Báo cáo kết quả phát hành; chuyển giao cổ phiếu và hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu	D+38 đến D+58

(Trong đó ngày D là ngày làm việc)

10. **Phương thức thực hiện quyền** (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi): Không áp dụng.

11. **Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu**

Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian quy định. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ ba. Quyền mua cổ phần sẽ hết hiệu lực tại ngày đến hạn thanh toán.

Cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư trong nước không được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài khác, chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho các nhà đầu tư trong nước.

Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua được tự do chuyển nhượng, bao gồm cả số cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng tại thời điểm thực hiện quyền.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn, số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các cổ đông hiện hữu hoặc đối tượng khác có nhu cầu mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

12. **Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Phát Triển Việt Nam

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Miza

Số tài khoản : 8688658888

Ngân hàng : Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Phát Triển Việt Nam

Loại tiền tài khoản: VND

13. **Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành** (trường hợp Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền): Không áp dụng.

14. **Hủy bỏ đợt chào bán** (đối với đợt chào bán để thực hiện dự án từ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu): Không áp dụng.

15. **Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50% căn cứ theo công văn số 4755/UBCK-PTTT ngày 30/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty theo Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 21/07/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp là 2,17%.

Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50% nêu trên, HĐQT cam kết thực hiện các biện pháp bảo đảm như sau:

- Đối với việc phân phối quyền mua cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu: Thực hiện phân phối quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông là nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ thực hiện quyền và tỷ lệ sở hữu theo danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu, do đó không ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong Công ty.
- Đối với việc chuyển nhượng quyền mua: Để đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, các cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư trong nước sở hữu quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư trong nước.
- Đối với việc phân phối số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ: HĐQT cam kết chỉ thực hiện phân phối số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ (nếu có) cho nhà đầu tư trong nước.

HĐQT Công ty cam kết luôn đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty trước, trong và sau đợt chào bán là 50%.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1. Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2026 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân có quy định:

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Đối với cổ tức nhận được bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5% (năm phần trăm); và
- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thương, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% (không phải một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

16.2. Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu; và
- Thuế suất: bằng 20% (hai mươi phần trăm).

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán Cổ Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng; và
- Thuế suất: bằng 0,1% (không phải một phần trăm).

17. Thông tin về các cam kết

- Công ty Cổ phần Miza cam kết triển khai thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo quy định pháp luật.
- Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt (nếu phương thức, số lượng, giá chào bán theo từng loại chứng khoán chào bán, phát hành): Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Theo phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/04/2026 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 060801/NQ-HĐQT-MZ ngày 06/08/2026, Công ty Cổ phần Miza thực hiện chào bán với mục đích đầu tư góp vốn vào công ty con là Công ty TNHH Miza Nghi Sơn để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

2. Phương án khả thi (trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án)

Không áp dụng.

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

Không áp dụng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán, dự kiến là 300.000.000.000 (ba trăm tỷ) đồng sẽ được Công ty Cổ phần Miza sử dụng để góp vốn vào Công ty TNHH Miza Nghi Sơn để thực hiện đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, phương án chi tiết như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Thời hạn thực hiện giải ngân dự kiến	Số tiền dự kiến (VND)	Tỷ lệ sử dụng vốn trên tổng số tiền thu được từ đợt chào bán (%)
1	Đầu tư góp vốn vào Công ty con – Công ty TNHH Miza Nghi Sơn để thực hiện đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh	Quý 4/2026 – Quý 3/2027	300.000.000.000	100%
1.1	Thanh toán nghĩa vụ theo Hợp đồng mua máy móc thiết bị số MZNS_ALT 0126 ngày 04/08/2026 ký giữa Công ty TNHH Miza Nghi Sơn và Alloder Trade Co. Limited	Quý 4/2026 – Quý 3/2027	300.000.000.000	100%
Tổng cộng			300.000.000.000	100%

Việc thanh toán nghĩa vụ theo Hợp đồng nêu trên sẽ được giải ngân thành nhiều đợt theo quy định trong hợp đồng.

Kế hoạch sử dụng vốn tạm thời nhân rồi: Để đảm bảo tối ưu lợi ích cho cổ đông, trong thời gian chờ giải ngân theo tiến độ quy định tại Hợp đồng mua máy móc thiết bị số MZNS_ALT 0126 ngày 04/08/2026, phần vốn huy động từ đợt chào bán sẽ được gửi tiết kiệm có kỳ hạn/ không kỳ hạn tại ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài, hoặc được sử dụng để mua chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành.

Trường hợp số vốn huy động từ đợt chào bán không đạt được 100% số vốn như dự kiến, Công ty sẽ bù đắp từ nguồn vốn vay ngân hàng, hoặc/và thu xếp từ nguồn tài chính khác.

Công ty TNHH Miza Nghi Sơn (là Công ty con duy nhất của Tổ chức phát hành, và Tổ chức phát hành hiện đang sở hữu 100% vốn điều lệ, đồng thời cũng là công ty nhận vốn góp từ số tiền

thu được của đợt chào bán, sau đây gọi tắt là "Miza Nghi Sơn") đang hoàn thiện các giai đoạn lắp ráp thêm dây chuyền sản xuất đưa tổng công suất nhà máy lên 220.000 tấn/năm. Trong quá trình vận hành các dây chuyền sản xuất công ty phát sinh một lượng phế phẩm cần được thu gom, vận chuyển và xử lý thường xuyên, ổn định. Năng lực xử lý phế phẩm hiện tại nếu không được bổ sung tương ứng với quy mô sản xuất có thể trở thành điểm nghẽn trong toàn bộ quá trình vận hành. Việc nâng cao năng lực xử lý và thu hồi phế phẩm giúp công ty giảm hao hụt, tiết giảm chi phí, giải phóng công suất của các dây chuyền hiện hữu và tăng sản lượng đầu ra, qua đó tạo tác động kép đến hiệu quả kinh doanh thông qua cả hai yếu tố là tăng doanh thu và cải thiện hiệu quả chi phí, từ đó góp phần gia tăng lợi nhuận của công ty. Vì vậy, Miza Nghi Sơn xác định việc lắp ráp mới dây chuyền xử lý phế phẩm mới phù hợp với hệ thống năng lực sản xuất mới là cần thiết.

Dựa trên các nhu cầu mở rộng phát triển, Miza Nghi Sơn đã đề xuất nhu cầu tăng vốn thêm 1.000 tỷ đồng trong năm 2026 (cụ thể tại Quyết định số 020301/2026/QĐ-CT-MZNS ngày 02/03/2026 của Chủ tịch Miza Nghi Sơn về việc đề xuất và kế hoạch tăng vốn điều lệ để trình chủ sở hữu), và đã được Đại hội đồng cổ đông công ty mẹ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/4/2026 (tại Điều 2, mục kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, chỉ tiêu Đầu tư góp vốn vào công ty con)

Theo đó, tại ngày 04/08/2026, Miza Nghi Sơn đã ký hợp đồng thương mại số MZNS_ALT 0126 với Aliorder Trade Co.Limited về việc cung cấp dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh để xử lý phế phẩm của các dây chuyền sản xuất của Miza Nghi Sơn. Tổng giá trị hợp đồng là **21.000.000 USD**, tương đương với **555.660.000.000 đồng** (theo tỷ giá USD bán ra của Ngân hàng Vietcombank tại ngày 04/08/2026, 1USD = 26.460 VND). Miza Nghi Sơn sẽ dùng số tiền nhận góp vốn để thanh toán một phần cho hợp đồng này.

1. Một số thông tin về công ty nhận vốn góp:

- Tên công ty: Công ty TNHH Miza Nghi Sơn
- GCNĐKDN số 2802520818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 07/01/2018, thay đổi lần 9 ngày 11/02/2025
- Địa chỉ: Khu công nghiệp số 05 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa từ nguyên liệu giấy tái chế
- Vốn điều lệ: 1.021.600.000.000 đồng

2. Mối quan hệ của Doanh nghiệp được góp vốn với Tổ chức phát hành, và người có liên quan của Tổ chức phát hành:

- CTCP Miza là công ty mẹ, sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.
- Ông Nguyễn Tuấn Minh (Chủ tịch CTCP Miza) là Chủ tịch Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.
- Ông Lê Văn Hiệp (Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Miza) là Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.
- Ông Vũ Anh Trà (Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Miza) là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.

3. Thông tin về việc góp vốn:

- Cơ sở pháp lý của CTCP Miza góp vốn vào Công ty TNHH Miza Nghi Sơn:

- o Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/4/2026;
- o Nghị quyết HĐQT số 060801/NQ-HĐQT-MZ ngày 06/08/2026 về việc triển khai chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và triển khai góp vốn vào công ty con;
- Số vốn góp dự kiến tăng thêm: 300.000.000.000 đồng;
- Tỷ lệ sở hữu của CTCP Miza tại Công ty TNHH Miza Nghi Sơn trước khi tăng vốn: 100%, tương đương 1.021.600.000.000 đồng;
- Tỷ lệ sở hữu của CTCP Miza tại Công ty TNHH Miza Nghi Sơn sau khi tăng vốn: 100%, tương đương 1.321.600.000.000 đồng;
- Nguồn vốn góp: số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Thời điểm góp vốn dự kiến: Quý IV/2026, sau khi CTCP Miza thu xếp được nguồn vốn từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

4. Thông tin về phương án tăng vốn góp của Công ty TNHH Miza Nghi Sơn:

- **Cơ sở pháp lý:**
 - o Quyết định của Chủ tịch Công ty TNHH Miza Nghi số 020301/2026/QĐ-CT-MZNS ngày 02/03/2026 thông qua đề xuất tăng vốn điều lệ;
 - o Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 số 280401/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/4/2026;
 - o Nghị quyết HĐQT số 060801/NQ-HĐQT-MZ ngày 06/08/2026 về việc triển khai chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và triển khai góp vốn vào công ty con;
- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 1.021.600.000.000 đồng
- Số vốn dự kiến tăng thêm: 1.000.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng vốn: 2.021.600.000.000 đồng
- Kế hoạch sử dụng vốn:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến (VND)	Tỷ lệ sử dụng vốn trên tổng vốn điều lệ được góp thêm (%)
1	Mua sắm dây chuyền xử lý phế phẩm của nhà máy.	300.000.000.000	30%
2	Bổ sung vốn lưu động cho giai đoạn 2	150.000.000.000	15%
3	Chi trả các khoản nợ vay và/ hoặc đầu tư dự án (nếu có) của Công ty trong năm 2026 – 2027.	650.000.000.000	65%
	Tổng cộng	1.000.000.000.000	100%

- Đối với việc tăng 300 tỷ cho nội dung Mua sắm dây chuyền xử lý phế phẩm của nhà máy, nguồn vốn góp là số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của công ty mẹ là CTCP Miza.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 2,3,5,6,7,11 và 12, tòa nhà AB, 76A Lê Lai, phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 3299

Fax: (028) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

Ý kiến của Tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã thu thập được về Công ty Cổ phần Miza và đợt chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có một số nhận định như sau: Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Bên cạnh đó, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

Khối lượng chào bán đợt này là 30.000.000 cổ phiếu, là đợt chào bán có vừa phải, không phải quá lớn với quy mô của các đợt chào bán của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây. Với mức giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu, Tổ chức tư vấn đánh giá đợt chào bán này là khá thi.

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 20, Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 3824 5252

Fax: +84 28 3824 5250

Website: https://www.ey.com/vi_vn

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2026.

Đại diện tổ chức phát hành
CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ✓



NGUYỄN TUẤN MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN HIỆP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THOA

Đại diện tổ chức tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH *th*



PHẠM NGỌC BÍCH

XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 21/08/2026.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 280401/2026/NQ-ĐHĐCD-MZ ngày 28/04/2026 (kèm theo Tờ trình số 060407/2026/TTr-HĐQT-MZ về Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu).
3. Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 060801/2026/NQ-HĐQT-MZ ngày 06/08/2026 thông qua một số nội dung liên quan đến Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán năm 2026.
4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 060802/2026/NQ-HĐQT-MZ ngày 06/08/2026 thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
5. Điều lệ Công ty Cổ phần Miza.
6. BCTC riêng và hợp nhất năm tài chính 2024 và 2025 kiểm toán.
7. BCTC riêng và hợp nhất soát xét bán niên năm 2026.
8. Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán.

